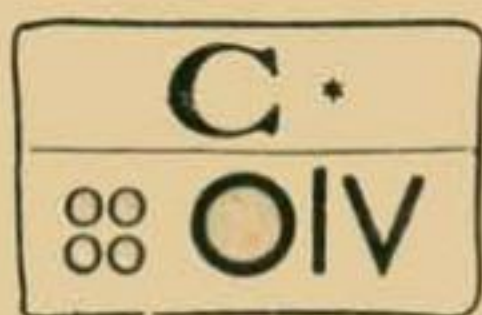




*Vụ Hoàng Sa, Trường Sa • Học không
cần trường? • Đi thăm thân phụ Ng.Du •
Đàm thoại về giải Văn học Nghệ thuật.*

GIẢI PHẨM TÂN NIÊN

BACH KHOA

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

1.800đ.

3.500đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 600đ

* Ngoại quốc đường hàng không, từ 6-8-73, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 35đ.	
— Ai-lao	: 50đ.	— Âu-châu, Bắc Phi Trung
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 100đ.	Đông. Đại-dương-châu Úc,
— Nhật-bản, Đại-hàn,		Tân-Tây-Lan v.v... : 275đ
Ấn-độ, Hồi-quốc	: 150đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại : 325đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46. Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên-lạc với Bách Khoa, 160 Phan-Đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

C* :

TỪ MINH vụ tranh chấp chủ quyền trên các đảo Hoàng Sa và Trường Sa	05
NGUYỄN VĂN TRUNG học không cần trường ?	17
TRẦN VĂN TÍCH tư tưởng Lão Trang trong Y-thuật Đông-phương	23
NGUYỄN HIẾN LÊ năm 2000	31
NGUYỄN VĂN XUÂN đi thăm thân phụ Nguyễn Du	39
NGUYỄN QUANG TÔ ước vọng hòa bình qua những bài thơ chống chiến tranh của Đỗ Phủ	53
MINH ĐỨC HOÀI TRINH lá thư Do-Thái	59
HỒ MINH DŨNG đám mây trước hiên nhà (truyện)	63
LÊ MINH NGỌC đợi một xuân nào (thơ)	69
MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH ngọc lan (thơ)	70
NGUYỄN HỮU NGƯ hỏi nhỏ — bài thơ khai bút (thơ)	71
VÔ CHÂN CỬU saigon (thơ)	72
BÁCH KHOA đàm thoại với nhà văn Đỗ Trọng Huề hội viên Hội đồng chấm bộ môn Biên khảo Giải thưởng Văn học Nghệ thuật toàn quốc 1973	73
Họa sĩ VĂN THANH trình bày bìa	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 150\$ Công sở : 300\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 25\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1-2-74

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Chính-trị và bang giao quốc tế (Tập 1), nguyên tác « Politics among nations » của Hans J. Morgenthau, bản dịch của một nhóm chuyên viên, Nguyễn Mạnh Hùng hiệu đính, do Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 500 trang, tác giả xây dựng một lý thuyết Hiện thực về Chính trị Quốc tế để giải thích các hiện tượng tranh dành quyền lực Quốc tế, các mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa quốc gia, thế quân bình lực lượng v.v... giá 700đ.

— Thế-hệ hòa-bình (Cuộc mưu tìm hòa bình thế giới) của Richard M. Nixon, Nguyên tác : « Nixon's quest for peace » của Frank van der Linden, bản dịch của Lê Dũng, do Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày 260 trang nêu rõ những chi tiết trong chiến lược hòa bình của T.T. Hoa-Kỳ R.M. Nixon nhằm đặt một nền hòa bình tại V.N., ngăn chặn xung đột ở Trung Đông, giải hòa với Liên xô và mở bang giao với Trung hoa lục địa. Giá 350đ.

— Cuộc khủng hoảng dân số, nguyên tác : « Our Overcrowded World » của Tadd Fisher, bản dịch của Lê Đại Quang, do Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang, mô tả đầy đủ tình trạng dân số và tầm mức của vấn đề tại các quốc gia chậm tiến cũng như tiên tiến... Giá 200đ.

— Hoa đàm, đặc san của Ni bộ Báo, Tổng Lâm Ni bộ xuất bản. Tòa

soạn đặt tại Chùa Từ Nghiêm 415 417 Đường Bà Hạt Chợ lớn. Đặc san có nhiệm vụ truyền bá giáo lý Phật Đà, sưu tập tiêu sử các bậc cao tăng danh đức, tín sĩ hiền nhân, sưu tập những tài liệu văn học để giúp các em học sinh có phương tiện nghiên cứu học tập : Đã ra được 5 số và mỗi số dày ngót 200 trang. Giá 300đ.

— Nguyên tắc quản trị (phân tích các chức vụ quản trị) Tập 2, nguyên tác của Harold Koontz và Cyril O'Donnell (An Analysis of Managerial Functions), Bản dịch của Trần Lương Ngọc và Cung Thúc Tiến, do dịch giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 570 trang từ phần 4 đến phần 7 : Đào tạo nhân viên, Điều khiển, Kiểm soát và Quản trị gia với hoàn cảnh thay đổi của xã hội. In đẹp. Giá 800đ.

— Một nơi nào đó nhớ truyện của Trần Hoài Thư do Tở hợp xuất bản Con đường ẩn hành và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 4 được xuất bản của tác giả rất quen thuộc với độc giả Bách Khoa dày 90 trang Giá 250đ.

— Trọng Thủy Mị Châu kịch thơ đã sử của Bà Trưng Quang, do Đài Thơ Phương-Chính xuất bản và tác giả gửi tặng. Kịch thơ 3 màn 4 cảnh dày 54 trang. Bản đặc biệt.

— Thơ thời gian của Thu Lang Đoàn Triệu Yến do tác giả xuất bản và gửi tặng. Tập thơ dày trên 100 trang gồm 3 phần : Thơ thừa thiếu thời (20 bài) Thơ thời du học (32 bài) thơ tuổi trung tuần (11 bài). Sách in đẹp. Bản đặc biệt.

— Biên lá sương mù Tập thơ của Hoài Anh do Chim Việt xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 26 trang, gồm 18 bài thơ. Bản đặc biệt.

Cuộc tranh chấp chủ quyền trên các quần đảo HOÀNG SA và TRƯỜNG SA

Những ngày cuối cùng của năm Quý Sửu đã chứng kiến một hành động xâm lăng mới của Trung-Cộng tại Á Châu. Sau khi Bộ Ngoại-giao Bắc-Kinh lên tiếng đòi chủ quyền của Trung Cộng trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường-Sa vào ngày 11-1-1974, quân Trung-Cộng đã được lệnh kéo tới các đảo Cam Tuyền (Robert), Hoàng Sa (Ile Pattle) và Vĩnh Lạc (Ile Money) thuộc nhóm Nguyệt-Thiểm của quần đảo Hoàng-Sa. Và một cuộc hải chiến quan trọng đã bùng nổ giữa các đơn vị Hải-quân Việt-Nam Cộng-hòa có nhiệm vụ bảo vệ lãnh thổ quốc gia và các chiến hạm tối tân của Trung Cộng.

Chính phủ Việt-Nam đã đệ đơn trước Tòa án Quốc tế La Haye để kiện Trung Cộng đã dùng võ lực vi phạm chủ quyền quốc gia của ta trên các đảo Hoàng Sa.

Cuộc tranh chấp giữa Việt-Nam

và Trung Cộng hiện nay là một vấn đề vừa có tính cách pháp lý vừa có tính cách chính-trị nên trong tương lai chắc chắn sẽ còn có nhiều ảnh hưởng tới hòa bình thế giới.

Nếu Trung-Cộng chấp nhận thẩm quyền của Tòa-án Quốc-tế La Haye, bằng lòng ra tranh tụng với Việt-Nam, thì một vụ án quốc-tế mới sẽ được ghi thêm vào niên-sử của Quốc-tế Công-pháp. Nhưng mọi người đều nghĩ rằng, là một nước hội viên Liên-Hiệp-Quốc với tư cách hội viên thường trực của Hội-đồng Bảo-an, mà lại ngang nhiên dùng võ lực để cướp một phần lãnh thổ của một nước khác, tất nhiên Trung-Cộng sẽ không bao giờ chịu chấp nhận giải pháp hòa hoãn này. Các quần đảo Hoàng-Sa và Trường Sa về phương diện lịch sử, pháp lý, cũng như địa lý và địa chất, hoàn toàn thuộc chủ quyền của Việt Nam.

1) NHỮNG HÒN ĐẢO LỊCH SỬ

Hiện thời Trung Cộng chỉ mới vi phạm các lãnh thổ của ta tại quần đảo Hoàng-Sa nhưng vì tuyên ngôn của Bộ Ngoại giao Trung Cộng đòi chủ quyền trên cả quần đảo Trường Sa nên chúng ta cũng cần đề cập tới cả vấn đề Trường Sa để chuẩn bị bảo vệ quyền lợi quốc-gia tại quần đảo này trong trường hợp Trung-Cộng tính

chuyện vi-phạm trong tương lai.

Hai quần đảo Hoàng-Sa và Trường Sa đều là những hòn đảo thuộc về Việt-Nam trong lịch sử. Quần đảo Hoàng-Sa là những đảo nằm đối diện với Huế và quần đảo Trường Sa tọa lạc tại phía Nam đối diện với tỉnh Bà-Rịa.

Quần đảo Hoàng Sa

Quần đảo Hoàng Sa nằm trên con đường đi từ Saigon tới Hồng Kông, tùy theo đảo, quần đảo này ở cách Đà Nẵng khoảng từ 250 tới 300 cây số và nằm rải rác trên một diện tích rộng từ $15^{\circ}45'$ đến $17^{\circ}15'$ Bắc vĩ tuyến, và nằm giữa 111° và 118° kinh tuyến quốc tế.

Quần đảo Hoàng Sa được chia làm hai nhóm: Nhóm Tuyên Đức và nhóm Nguyệt Thiềm.

A) Nhóm Tuyên-Đức:

Nhóm Tuyên-Đức còn được người Pháp gọi là nhóm Amphitrite vì người Pháp đã đặt chân lần đầu tiên lên các đảo này vào năm 1568 khi chiếc tàu mang tên Amphitrite bị bão đánh dạt vào quần đảo này.

Nhóm Tuyên Đức gồm có 9 hòn đảo chính là:

- 1) Đảo Tây (Banc Ouest)
- 2) Đảo Cù Mộc (Ile à l'arbre)
- 3) Đảo Bắc (Ile du Nord)
- 4) Đảo Trung (Ile du Milieu)
- 5) Đảo Nam (Ile du Sud)
- 6) Banc du Sud
- 7) Đảo Phú Lâm (Ile Boisée)
- 8) Hòn Đá (Ile Rocheuse)
- 9) và Đảo Linh Côn (Ile Lincoln)

3) Nhóm Nguyệt Thiềm

Nhóm Nguyệt-Thiềm còn được người Pháp gọi là nhóm Croissant vì các đảo chạy theo hình cánh cung hay hình vành trăng khuyết. Nhóm này gồm có những đảo chính sau đây:

- 1) Đảo Cam Tuyền (Ile Robert)
- 2) Đảo Hoàng Sa (Ile Pattle)
- 3) Đảo Duy Mông (Ile Drummond)
- 4) Đảo Quang Hoa (Ile Duncan)
- 5) Đảo Vinh Lạc (Ile Money)
- 6) Đảo Bách Quy (Ile Passu Keah)
- 7) Đảo Tri Tôn (Ile Triton)

Ngoài các đảo này, nhóm Nguyệt Thiềm còn có một số đảo nhỏ khác chỉ là những ghềnh san hô hiem trở.

Ngay từ thời Lê Mạt, các đảo Hoàng Sa đã được triều đình Việt Nam liên tục khai thác và chiếm cứ. Bộ sách Phủ Biên tạp lục của Lê Quý Đôn (1726 — 1784) đã chép rằng triều đình lập ra đội Hoàng-Sa để khai thác các hải sản trong vùng các đảo.

Cuốn Hoàng-Việt Địa-dư-chí ấn hành năm Minh-Mạng thứ 16 (1834) cũng có nói tới Trường-Sa và Hoàng-Sa như là những phần lãnh thổ rải rác của Việt-Nam trên đại dương.

Tài liệu lịch sử thứ 3 nói về hai quần đảo này là cuốn Đại-Nam nhất-thống-chí được ấn hành dưới triều Tự-Đức. Cuốn sách này đã nói rõ rằng ngay từ năm 1802 một đội Hoàng-Sa gồm có 70 ngư-phủ thuộc làng Vĩnh-An đã được thành lập để khai thác đảo Hoàng-Sa:

Các sử gia ngoại quốc cũng nhấn mạnh tới việc Việt Nam thực sự chiếm cứ quần đảo Hoàng Sa. Trước hết người ta thấy trong cuốn «Univers, histoire de tous les peuples, de leurs religions, mœurs et coutumes» xuất bản năm 1833, Đứ

Giám-mục Tabert đã ghi rằng: «Hoàng-đế Gia-Long đã quyết tâm lấy các đảo Hoàng-Sa để mở rộng lãnh thổ Hoàng-triều: Vì vậy Ngài đã đích thân đến chiếm cứ đảo và long trọng treo cờ Việt-Nam tại đây»

Ngoài Đức Giám-mục Tabert, ông Jean Baptiste Chaigneau, một trong những công thần người Pháp đã giúp vua Gia Long dựng nên nghiệp đế, đã ghi trong cuốn «Mémoire sur la Cochinchine» rằng Nam-kỳ là một lục-địa gồm có những quần đảo gọi là Paracels. Theo Chaigneau thì vua Gia Long đã chính thức thu nhận quần đảo này vào năm 1816.

Cuối thế kỷ thứ 19 khi Pháp đặt quyền bảo hộ tại Việt-Nam thì chiếu theo các hiệp-ước bảo hộ, chính phủ Pháp lãnh nhận việc thi hành chính-sách đối ngoại của Việt-Nam. Vì vậy mà chính Pháp đã phải luôn luôn đối phó với các vụ vi phạm của Trung-Hoa tại quần đảo Hoàng-Sa. Lãnh-sự Pháp tại đảo Hải-Nam luôn luôn phản kháng chính phủ Trung Hoa về các vụ người Tàu bắt đàn bà trẻ con Việt Nam tại đảo Hoàng-Sa đem về bán ở Hải-Nam.

Năm 1895 và 1896 hai chiếc tàu chở đồng cho các công-ty Anh bị bão đánh chìm, người Tàu chở xuống ra cướp số đồng này đem về bán ở Hải-Nam. Các đại diện ngoại giao Anh đã phản kháng trước Triều-đình nhà Thanh và đề trốn trách nhiệm, chính phủ Bắc-Kinh đã tuyên bố là Trung-Hoa không chịu trách nhiệm vì quần

đảo Hoàng Sa «không thuộc chủ quyền Trung Hoa».

Năm 1920, hãng Nhật Mitsui Bussan Kaisha đã nộp đơn xin chính phủ Pháp đặc nhượng quyền khai thác phốt-phát trên đảo Hoàng Sa.

Năm 1926 chánh phủ Pháp gửi tàu De Lanessan đến thám sát và củng cố quyền hành của Pháp trên quần đảo Hoàng Sa. Năm 1931 Toàn quyền Đông-Dương Pierre Pasquier tuyên bố quyền lợi lịch sử và địa lý của Triều đình Việt-Nam trên quần đảo này.

Năm 1932 chính phủ Trung Hoa đặc nhượng quyền khai thác phân chim trên đảo Hoàng Sa. Trước sự phản kháng của Pháp, chính phủ Nam-Kinh cho rằng dù Hoàng Sa có của Việt Nam đi nữa thì vẫn thuộc về chủ quyền Trung-Hoa vì dưới thời Gia-Long, Việt Nam là chư hầu của Trung-Hoa. Nhưng cũng vào năm 1932 một nghị định của Toàn-quyền Pháp sát nhập đảo Hoàng Sa vào tỉnh Thừa Thiên.

Năm 1939 Toàn-quyền Pháp lại ban hành một nghị-định mới ấn định việc quản-trị hành chánh tại quần đảo Hoàng-Sa. Theo Nghị-định này một đơn vị hành chánh Tuyên-Đức và phụ thuộc (Délégation de d'Amphitrite et dépendances) và đơn vị hành chánh Nguyệt Thiềm và phụ thuộc (Délégation du Croissant et dépendances).

Năm 1939 Nhật dùng võ lực chiếm Hoàng-Sa và chỉ rút khỏi vào năm 1946 sau khi Đệ-nhi thế-chiến.

chấm dứt. Nhưng khi Nhật rút thì quân đội Trung-Hoa quốc gia lại tới chiếm đảo Phú-Lâm. Khi quân đội Trung-Hoa Quốc-Gia triệt thoái vào năm 1950 thì Trung Cộng đến chiếm đảo này cho tới ngày nay.

Tại Hội-nghị San Francisco năm 1951, Nhật đã phải ký hòa-uớc chấp nhận từ bỏ các lãnh thổ mà họ đã chiếm bất hợp pháp bằng võ lực trong thời kỳ Đệ-nhi Thế-chiến kể cả Hoàng Sa và Trường Sa. Nhân dịp này Thủ-tướng Trần Văn Hữu, Trưởng Phái đoàn Việt-Nam tại Hội-nghị đã lên tiếng xác nhận chủ quyền Việt-Nam trên các quần đảo mà không một quốc gia nào, trong số 51 quốc gia tham dự, lên tiếng phản đối.

Quần đảo Trường Sa

Từ năm 1834, dưới triều Minh Mạng, cuốn Hoàng-Việt Địa-dư-chí đã in bản-đồ đảo Trường Sa như là một thành phần của lãnh thổ Việt-Nam. Trong khi người Việt Nam khám phá ra quần đảo này, biết đích xác vị trí của nó thì người Trung Hoa chỉ biết tới quần đảo này một cách hết sức mơ hồ. Họ gọi chung quần đảo Trường Sa và tất cả các đảo phía Nam đảo Hải-Nam là các đảo Nam-Sa (Nansha).

Cho đến năm 1918, ngoài người Việt Nam, không có nước nào biết đến quần đảo Trường Sa.

Quần đảo này gồm có những nhóm đảo quan trọng nhất là :

1. Nhóm Danger Nord gồm có các

đảo Cayé de l' Alerte và Cayé du Sud Ouest.

2. Đảo Thị Tứ : gồm có các đảo York Occidental, Récif Subi, Loai Ta, Itu Aba.

Phái đoàn các bác học thuộc Hải-học-viện Nha-Trang, sau khi nghiên cứu thồ địa tại vùng này vào các năm 1926 và 1933, đã xác nhận rằng quần đảo Trường Sa được cấu tạo trên một Cao-nguyên chìm dưới mặt biển và nối liền với lục địa Nam-Việt.

Năm 1918, nhận thấy có nhiều phân chim tại Trường Sa, ông Nori-take Tsumoto, Chủ tịch hãng Lasa, quyết định khai thác phốt-phát tại các đảo Loai Ta, Nam Xít, Trường Sa và Amboine, từ năm 1921 đến năm 1923.

Cùng một lúc chính phủ bảo hộ Pháp cũng tỏ ra rất hoạt động trong việc chiếm cứ quần đảo Trường Sa. Năm 1930 tàu La Malicieuse được cử tới chính thức chiếm cứ đảo Trường Sa. Năm 1933, ba chiến hạm Alerte, Astrobale và Cucherousset được phái tới chiếm cứ các đảo khác trong quần đảo. Mỗi khi chiếm một đảo thì 3 vị hạm trưởng lại soạn chung một văn-kiện chiếm cứ, đóng vào một cái chai và xây cái chai này vào trong một tấm bia xi-măng.

Năm 1933 một nghị-định của Thống-đốc Nam-Kỳ sát nhập quần đảo Trường Sa vào địa-hạt tỉnh Bà-Rịa. Trước quyết định này Nhật đã lên tiếng phản đối vì có nhiều người Nhật cư ngụ tại đảo Shinnan (còn gọi là Pratley).

Năm 1938, Nhật chiếm cả quần đảo Trường Sa. Năm 1946 khi Nhật rút quân thì Trung-Hoa Quốc-Gia chiếm đảo Itu Aba. Năm 1949 nước này rút về. Nhưng đến năm 1956 khi Phi luật-tân đòi một đảo trong quần đảo thì Trung Hoa Dân Quốc lại đưa quân trở lại đảo Itu Aba để xây một

pháo đài kiên cố ở đây.

Nhưng quyền chiếm cứ của Việt Nam ở Trường Sa lâu nhất vì ngay từ triều Minh-Mạng nhà vua đã cho chở vật liệu ra xây một ngôi chùa ở đảo Ban Na cùng với một tấm bia ghi "Minh Mạng năm thứ 16" bằng chữ nôm.

II) MỘT CUỘC TRANH CHẤP PHÁP LÝ VÀ CHÍNH TRỊ

Tuy chủ quyền Việt Nam trên các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa đã rõ rệt nhưng Trung Cộng, khi gửi chiến thuyền tới vi phạm, đã không tỏ ra một chút lưu tâm nào tới tính cách pháp lý của hành động này. Chủ quyền của Việt-Nam tại các quần đảo này dựa trên căn bản các lý thuyết về chiếm cứ đất vô chủ của quốc-tế công-pháp.

— Lý thuyết về chiếm cứ đất vô chủ của luật quốc tế:

Vấn đề chiếm đất vô chủ (Res nullius) được đặt ra khi các quốc gia Âu-châu bắt đầu chính sách bành trướng trên thế giới để chiếm các thuộc địa. Để giải quyết những tranh chấp giữa các quốc gia này đức Giáo hoàng Alexandre VI, năm 1493, đã ban hành một sắc-lệnh (Bulle) chia địa-cầu làm hai phần, lấy ranh giới là một đường chạy dài 100 dặm về phía Tây đảo Cap Vert. Tây-ban-nha được phép chiếm cứ và khai thác các lãnh thổ tại Mỹ châu và Thái-bình-dương và Bồ-đào-nha được phép chiếm các lãnh thổ ở Á và Phi châu.

Nhưng vào thế-kỷ sau, các quốc gia Pháp, Hòa-lan và Anh cũng theo

gót Bồ-đào-nha và Tây-ban-nha đi tìm thuộc địa nên sự phân phối của Giáo-hoàng đã hết hiệu lực pháp lý và người ta bắt đầu đòi hỏi những điều kiện khó khăn hơn để cho việc chiếm cứ có giá trị pháp-lý.

Vào thế kỷ thứ 19, khi phong trào kiểm thuộc địa được các nước Âu-châu tích cực theo đuổi, các luật-gia quốc-tế đã đưa ra tiêu chuẩn chiếm cứ thực sự (Occupation effective).

Vào thế-kỷ thứ 20 thì tất cả quốc-gia trên thế giới đều công-nhận quy-tắc: sự chiếm cứ một lãnh thổ chỉ có giá trị pháp lý nếu lãnh thổ này chưa thuộc chủ quyền của một quốc gia nào khác.

Vào năm 1931, nguyên-tắc trên đã được một án-lệ của Pháp-đình Thường-trực Quốc-tế (Cour Permanente de Justice Internationale) xác nhận trong vụ tranh chấp Đông Groenland giữa Na-Uy và Đan-Mạch. Năm 1931, Na-Uy đưa ra một tuyên cáo nói rằng Đông Groenland từ nay được Na-Uy chiếm cứ và chính phủ Na-Uy sẽ hành sử quyền hành tại đảo này. Đan-Mạch đưa vấn đề ra trước Pháp-đình Quốc-tế để xin tuyên

bổ là quyết-định của Na-Uy vô hiệu lực vì Groenland không phải là một lãnh thổ vô chủ mà thuộc về Đan-Mạch. Như vậy Pháp-đình có nhiệm vụ là xét xem Đan-Mạch có làm đủ bổn phận của một quốc-gia chiếm cứ hay không.

Pháp-đình quyết-định rằng khi chiếm cứ một lãnh thổ thì quốc-gia chiếm-cứ phải biểu lộ ý chí muốn chiếm cứ thật sự bằng cách hành-sử quyền hành của mình ở lãnh thổ này một cách liên tục. Trong trường hợp đảo Đông Groenland, vì Đan-Mạch đã hành sử quyền hành của mình như ấn định việc cai trị, đặc nhượng quyền săn bắn và đánh cá, như vậy Đan-Mạch đã thực sự có chủ quyền tại đảo Đông Groenland.

Bản án của Pháp-đình Quốc-tế đã bỏ tước cho quyết định trọng tài của Max Huber trong vụ tranh chấp đảo Palmes giữa Hoa-Kỳ và Hoà-Lan vào đầu thế kỷ thứ 20. Trong vụ này Hoa-Kỳ, vì thừa hưởng quyền lợi của Tây-ban-nha, nên đòi đảo Palmes do Hoà-Lan đang chiếm cứ viện cớ là Tây-ban-nha đã khám phá ra đảo này vào thế kỷ thứ 16. Trọng tài Max Huber quyết định rằng tuy khám phá ra nhưng vì Tây-ban-nha sau đó hoàn toàn bỏ rơi đảo Palmes nên không còn chủ quyền ở nơi này nữa. Ngược lại Hoà-Lan tuy đến sau, nhưng cứ chiếm thực sự nên được coi là có chủ quyền.

Áp dụng hai quy-tắc nói trên trong vấn đề Hoàng-Sa và Trường-Sa người ta thấy rằng không những

Trung-Hoa không bao giờ chiếm cứ thật sự các quần đảo này mà còn «bỏ rơi» các quần đảo khi họ tuyên bố với Sứ thần Anh năm 1896 rằng các quần đảo trên không thuộc về Trung-Hoa. Như vậy dù có nói rằng dưới triều Gia-Long, Việt Nam là chư hầu của Trung-Hoa thì Trung-Hoa cũng không còn có chủ quyền ở các quần đảo Hoàng-Sa và Trường Sa vì chính họ đã khước từ hành sử uy quyền của họ tại các nơi này.

Ngược lại Việt Nam luôn luôn có sự hiện diện trên các quần đảo này và luôn luôn nói lên ý chí hành sử uy quyền Nhà nước đối với các đảo này khi ta đặc nhượng quyền khai thác phốt-phát hay khi ta cho chiến hạm tuần tiễu để bảo vệ trật-tự và quyền-lợi của ta tại các đảo.

Nhưng thật ra thì ngoài khía cạnh pháp-lý của cuộc tranh chấp chúng ta còn thấy một khía cạnh chính trị của vấn đề.

Tính cách chính trị của cuộc tranh chấp :

Trong khuôn khổ thuyết Nixon, quân đội Mỹ, từ năm 1969, đã triệt thoái khỏi Á Châu. Trong khi đó các nước Á Châu chưa kết hợp được để tạo ra một lực lượng quân sự đủ mạnh khả dĩ thay thế Hoa-Kỳ trong vai trò canh sát quốc tế. Vì vậy mà tại Á Châu giờ đây có một khoảng trống chính trị và quân sự. Khoảng trống này cả Nga lẫn Trung Cộng đều lăm le lấp kín bằng can thiệp quân sự. Vì vậy mà từ vài năm vừa qua Nga đang ve vãn Ấn-độ và

Tích-Lan đề được quyền đặt các căn cứ hải-quân tại Á-châu. Trong khi Nga tìm cách đi vòng từ phía Nam lên phía Bắc Á-Châu, thì Trung Cộng cũng tìm đường tiến từ phía Bắc xuống. Vì vậy mà Bắc-Kinh đã ngang nhiên chiếm một số đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa để có những điểm tựa, những trạm đường cho bước tiến của họ. Vì vậy mà ta thấy không những Bắc Kinh đòi Hoàng-Sa mà cả Trường Sa nữa.

Mới đầu nhìn vào, người ta có cảm tưởng rằng cuộc tranh chấp hiện tại Hoàng-Sa chỉ có liên-hệ tới một quốc gia nạn nhân của cuộc xâm lược là Việt Nam. Nhưng nếu xét kỹ vấn đề người ta phải công nhận rằng vụ Hoàng-Sa trực tiếp liên-hệ tới tương lai của tất cả Á-Châu vì các hành động của Trung-Cộng tại Hoàng-Sa chỉ là một bước đầu của chính sách bành trướng của nước này.

Bắc Việt và Mặt trận Giải phóng khi giữ thái độ im lặng đã lựa chọn « tình đoàn-kết Cộng-sản » để hy-sinh sự vẹn toàn lãnh-thò quốc gia. Người Cộng-sản Việt-Nam đã nhân danh một chủ-nghĩa mà đi ngược lại quyền lợi của dân tộc. Còn các quốc gia Á-Châu khác, nếu họ không có một hành động tích cực nào để ngăn chặn Trung Cộng thì trong dài hạn hiềm họa xâm lăng của Trung Cộng sẽ lan đến lãnh thổ của họ.

Ngày cả Nga-xô, một nước Cộng sản, mà cũng lên tiếng đề kêu gọi các quốc gia trên thế-giới ngăn chặn các hoạt động gây hấn vô trang của Trung

Cộng tại quần đảo Hoàng Sa. Làm như vậy, không phải là Nga có ý bênh vực Việt-Nam Cộng-Hòa mà chỉ muốn chống âm mưu bành trướng của một Trung Cộng hiếu chiến.

Nếu chỉ vì muốn đẩy mạnh chính sách sống chung hòa-bình mà các đại cường Anh, Mỹ, Pháp không lên tiếng, thì đây là một điều thất sách. Ba nước này, nếu họ không tích cực ủng hộ Việt Nam, thì chính họ đã không làm tròn nhiệm vụ bảo vệ hòa bình thế giới. Vì Trung Cộng khi vi phạm lãnh thổ Việt-Nam không phải chỉ nhằm một nước ta mà còn theo đuổi những mục tiêu xa hơn. Nếu Trung Cộng đạt được các mục tiêu này thì nền hòa bình thế giới sẽ bị đe dọa trầm trọng trong những năm sắp tới.

oOo

Cuộc tranh chấp giữa Việt Nam và Trung Cộng trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường-Sa là một thử thách cho nền hòa-bình thế giới. Nếu các quốc gia khác không cấp thời ngăn chặn tham vọng của các lãnh tụ Bắc Kinh, người ta e rằng Trung Cộng sẽ dùng chính sách tâm thực để lấn dần các quốc gia Tây phương. Nếu vào thế kỷ thứ 13 vó ngựa Mông Cồ đã đi tới Đông Âu thì các quốc gia trên thế giới, nhất là các đại cường, sẽ phải chịu trách nhiệm trước lịch sử nếu hải quân Trung Cộng một ngày nào đó xuất hiện trên Đại-tây-dương.

TỪ MINH

VĂN HỌC PHÂN TÍCH TOÀN THƯ

của Giáo sư **THẠCH TRUNG GIÀ**

Cuốn sách đầu tiên

* Lựa chọn và phối hợp những quy phạm Đông Tây thành một hệ thống thích nghi với thực trạng nghiên cứu văn chương và triết học.

* Cung hiến những nguyên tắc căn bản cho mọi chương trình Đề Nhị Cấp, Đại Học Văn Khoa, Sư Phạm và những người nghiên cứu ngoài khuôn khổ học đường.

LÁ BỐI xuất bản

KẾ TOÁN - TỐC KÝ NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

93 Ngô Tùng Châu (Saigon 2)

124 Hùng Vương (Saigon 5) từ 18 giờ 30

Sách mua tại trường giá đặc biệt

Quản đốc: **G.S. TRẦN MINH XUÂN**



Nhức đầu

Nhóng

Budon

TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỳ

KN-1211/811/0000

Học không cần trường?

Nhìn vào thực trạng giáo dục ở miền Nam VN, những người lo lắng hoặc có trách nhiệm hầu như đều đồng ý về khuyết điểm căn bản sau đây : tính chất lỗi thời, vụ hình thức, xa rời thực tế của nhà trường. Nói cách khác, *nhà trường không gắn liền với công cuộc phát triển Quốc gia.*

Hiện tượng một số rất đông sinh viên đổ xô vào những phân khoa như Văn-khoa, Khoa-học, Luật-khoa chẳng những không phải là bằng chứng của tiến bộ, phát triển mà trái lại chỉ bày tỏ một bế tắc càng ngày càng trầm trọng. Những trường này dạy học cho những người chỉ có thể đi dạy học, sau khi ra trường, và họ càng ngày càng thiếu chỗ dạy hoặc không được dạy những ngành mình đã học. Đây là một vòng lẩn quẩn, khép kín : học để dạy lại những điều đã học, *những điều đã học chỉ để dạy, ít liên quan mật thiết đến thực tế trước mắt.*

Ngay cả một số trường thực nghiệp cũng không thực dụng vì không được mở theo một kế hoạch hợp lý, sát thực tế.

Do đó vấn đề đặt ra chỉ là lo làm sao cải tổ nhà trường cho phù hợp với những nhu cầu thiết thực, thích nghi đáp ứng những đòi hỏi Phát triển Quốc gia ; nói cách khác, chú trọng tới *công dụng và hiệu năng của nhà trường*, mơ ước mở thêm được nhiều trường có hiệu năng tốt, cao, vì

thực hiện được cương bách giáo dục, học chính miễn phí, mở thêm nhiều trường cũng như xây thêm nhiều nhà thương là dấu hiệu của tiến bộ, theo kịp đà phát triển của các nước tiền tiến.

Tâm trạng mơ ước trên thực sự bị giao động khi đọc Illich (1) vì những phê phán của Illich không phải nhằm những cách thức tổ chức nhà trường làm sao để có hiệu năng tốt, cao mà nhằm chính sự hiệu nghiệm như *mục tiêu cơ bản của nhà trường* ; Nhà trường bị chỉ trích không phải vì không gắn liền với phát triển quốc gia nhưng chính vì gắn liền với phát triển, xuất hiện như khuôn mẫu giáo dục lý tưởng, điều kiện duy nhất của phát triển.

Illich phê phán nhà trường ở các nước tư bản tiền tiến, các nước theo xã-hội chủ-nghĩa như Liên-xô, và cả ở những nước kém mở mang đang muốn vươn lên, tiến tới theo

(1) I Van Illich, tu sĩ, cha người Nam-Tur, công giáo, mẹ người Đức gốc Do-Thái, sinh ở Âu-Châu, cư ngụ ở Mỹ, phụ trách một xứ đạo ở Nữu-Uớc, làm Phó Viện-trưởng một Đại-học Công giáo ở Porto-Rico. Sau đó ông thiết lập ở Cuernavaca (Mễ-tây-cơ) một Trung-tâm thông tin và tài liệu như một thứ Đại-học tự-do. Vì chỉ trích viện trợ Công giáo của Bắc Mỹ cho Châu Mỹ la-tinh, chỉ nhằm che đậy một thứ thực dân mới nên Roma cấm tu-sĩ, linh-mục tiếp-xúc, đi lại với Trung Tâm trên, do Illich điều khiển.

gương các nước tiến tiến tư-bản hay xã-hội chủ-nghĩa.

Thực ra, thông qua việc phê phán chính nhà trường đề ra một giáo dục không cần nhà trường, Illich nhằm phê phán cả một xã hội, một nền văn minh. Đó là một phê phán triệt để, đụng tới những khía cạnh cơ bản của xã hội hiện đại mà nhà trường chẳng qua chỉ là một thề-chế trong những thề-chế khác cần được phê phán của xã-hội trên.

Do đó, phải đặt những phê phán của Illich trong khung cảnh những phê phán xã-hội hiện-đại tiêu biểu hơn cả qua phong trào phản kháng của sinh viên, phong trào bảo-vệ môi-sinh, hiện-tượng hip-pi...

Tuy nhiên những ý kiến của Illich mới chỉ là những trực quan có thể độc đáo, và có tính chất căn bản, nhưng chưa phải là những phân tích thật khoa học, dựa trên những con số thống-kê xác thực.. Đó là lý do giải thích sự dè dặt của các nhà chuyên môn (kinh tế, chính trị, bác học...); sự dè dặt trên rất chính đáng vì tác giả cũng không mong gì hơn những phát biểu của mình trở thành những tư tưởng gợi ý để suy nghĩ và mở đầu những phân tích phê phán qui mô về nhà trường cũng như về toàn thể văn đề xã hội, văn minh hiện đại.

oOo

Có thể lược tóm những phê-phán nhà trường của Illich vào ba điểm chính sau đây :

1. — Không thầy đồ mầy làm nên.

Câu thành ngữ hiểu theo một nghĩa rất hẹp bày tỏ một quan niệm nhầm lẫn, một ảo tưởng cho rằng mọi hiểu biết, kiến thức là do nhà trường mà có, và chỉ cái học hiểu biết ở trường mới có giá trị, do đó được nhìn nhận. Đây không phải là quan niệm riêng của mấy nhà giáo, nhưng là của cả xã hội, vì xã hội chỉ công nhận giá trị của kiến thức hấp thụ ở trường để thẩm định việc tuyển chọn thăng tiến xã hội... Nhà trường trở thành độc quyền về đào tạo và thăng tiến xã hội qua những chứng chỉ, văn bằng mà nhà trường cấp phát và xã hội coi những bằng cấp của nhà trường như điều kiện, đảm bảo việc tuyển chọn, thăng tiến.

Nhà trường độc quyền bao thầu giáo dục, học chính đương nhiên nhận lãnh một sứ mệnh lớn lao do xã hội ủy nhiệm : đào tạo toàn thể công dân. Vì ai cũng phải đi học nên việc dạy học ở trường đòi hỏi cả tổ chức quốc mô, trở thành định chế. Trong viễn tượng đó, trước tiên phải kể đến chính sách cưỡng bách giáo dục, miễn phí. Tất cả công dân ở lớp tuổi niên thiếu đều phải đi học. Nước nào càng tiến tiến, nhà trường càng được mở mang, tuổi học cưỡng bách càng tăng (18 tuổi chẳng hạn). Rồi tất cả đều được cung cấp một chương trình học chung theo lớp tuổi. Sau cùng việc học được chỉ định vào thời kỳ niên thiếu ; tốt nghiệp, mãn khóa kể như đã học xong, học đủ...

Gần đây người ta thấy cần phải học bổ túc sau khi đã ra đời (recyclage) nhưng không nghĩ ra cách bổ

túc nào khác ngoài cách lại buộc cựu học sinh, sinh viên trở về ghé nhà trường thực hiện việc học thêm...

2.— Chuyên môn hóa một thiếu số.

Một khi đã quan niệm chỉ có nhà trường mới cung cấp kiến thức và chỉ kiến thức nhà trường mới có giá trị, được nhìn nhận, dĩ nhiên đi tới hệ-luận hiểu biết nào cũng phải được giảng dạy ở trường và do đó phải mở đủ các thứ trường để thực hiện những giảng dạy: học làm báo, học ngoại giao, học buôn bán, học lãnh đạo, học làm bếp, học làm cha mẹ, vợ chồng... Cái gì cũng có lớp học, trường học.

Ngay cả những kiến thức không liên hệ đến thực nghiệp như văn chương, triết lý cũng phải học ở trường, chia theo chương trình và được cấp bằng. Một quan niệm sống của người xưa, ngày nay có thể theo hay không theo, nhưng vẫn bắt buộc phải học chỉ vì có ghi trong chương trình hoặc là điều kiện để được cấp bằng...

Nhưng điểm nghịch lý trong việc nhà-trường-hóa sự tiếp thu mọi thứ kiến-thức là đề đáp ứng nhiều đòi hỏi khác nhau về kiến-thức, nhà trường càng ngày trở thành chuyên nghiệp. Nhà trường càng trở thành chuyên nghiệp, nhà trường càng chỉ có thể đào tạo cho một số ít trở thành chuyên viên đồng thời làm cho số đông trở thành phi-chuyên-viên. Nói cách khác giáo dục càng chuyên khoa

thì hình như càng gắn liền với một quá trình làm khan hiếm chuyên viên và do đó gây nên những thiếu sót càng ngày càng lớn.

Một người bị trúng gió độc nằm bất tỉnh ngoài đường. Người đi đường, bà con hàng xóm trông thấy ai nấy đều lo lắng tìm cách cứu chữa: xoa dầu, cạo gió... vì ai nấy đều cảm thấy có trách nhiệm, bồn phận cứu cấp.

Nhưng trong một xã-hội chuyên-môn-hóa, chữa bệnh là việc của bác sĩ và chỉ bác sĩ mới đủ khả năng và có quyền chữa bệnh, do đó có trách nhiệm chữa bệnh. Trong một xã hội tùy thuộc vào bác sĩ như thế, người đi đường, bà con lối xóm nghĩ rằng cần tìm bác sĩ, vì đó là việc của bác sĩ hoặc không dám nghĩ đến cứu cấp vì cho rằng mình không đủ khả năng chuyên môn. Bác sĩ đến, nghĩ rằng cần một xe cứu thương, và muốn có xe chạy, cần tài xế trực, cần cả một tổ chức nhà thương gồm đầy đủ nhân viên hành chánh, y sĩ, y tá, lao công. Tổ chức nhà thương đó lại nằm trong toàn bộ tổ chức y-tế rộng lớn qui mô. Tóm lại, chữa bệnh một người trúng gió độc ngoài đường tùy thuộc cả một định-chế pháp-ly qui định quyền lợi, bồn phận: Bác sĩ chữa, dược sĩ bán thuốc và chỉ bán theo toa bác sĩ. Xã-hội càng chuyên-môn-hóa, càng tùy thuộc vào chuyên-viên, chỉ bác-sĩ mới chữa bệnh, chỉ dược-sĩ mới bán thuốc từ những bệnh hiểm nghèo, những thuốc đặc biệt, đến cả những bệnh

thuốc thông thường. Trước đây, mỗi thứ thuốc đều kèm theo một giấy ghi đầy đủ công-thức thuốc, căn bệnh, tác dụng của thuốc và cách dùng, trừ trường hợp đặc biệt, cần hỏi bác sĩ, còn cứ đọc giấy đó mà dùng thuốc, chữa bệnh. Nhưng ở Mỹ những chỉ dẫn đó không còn được ghi kèm theo thuốc bán nữa. Âu Châu đang cố gắng theo kịp sự tiến bộ của Mỹ quốc bằng cách cũng bắt đầu cho áp dụng sự kiểm-duyệt trên. Tác giả kể lại là sắp đi diễn thuyết ở tiểu bang Iona thì bị cảm ho nhưng không thể vào hiệu thuốc mua ít viên thuốc ho vì họ không được quyền bán nếu không có toa bác-sĩ, bắt buộc tác giả phải đi khám bác sĩ; lọ thuốc được sĩ bán theo toa chỉ ghi vòn vẹn một con số và một chỉ dẫn ngày uống 2 viên. Dược sĩ cũng từ chối không giải thích về nội dung thuốc (tính chất, tác dụng) vì không có phép bác-sĩ, việc giải thích là bất hợp pháp...

Kiến thức nào cũng trở thành chuyên môn và bị một nhà nghề được pháp luật đảm bảo. Xã-hội càng chuyên môn-hóa, càng cần nhiều trường đào tạo chuyên-môn, nhưng cũng càng làm đui chột, ngăn cản khả năng chuyên môn của đa số, dù chỉ ở mức độ thấp bình thường.

Trước đây, ai cũng ít nhiều làm bác sĩ. Xã hội càng chuyên-môn-hóa, chỉ có bác sĩ và bác sĩ chuyên môn mới có thể chữa bệnh. Nhưng đã rõ, chính thiếu số chuyên môn đó lại tạo ra tình trạng khan hiếm, thiếu sót.

3. — Xã hội phi nhân.

Xét về phương diện ngân sách, thật là phí tổn số tiền dành cho việc đào tạo chuyên môn. Số tiền này thường rất lớn so với số tiền chi cho việc đáp ứng nhu cầu thông thường của đa số. Theo tác giả, ngay cả nước giàu, tiền tiến, cũng không có khả năng thiết lập những nhà thương hiện đại, tối tân, đầy đủ mọi ngành chuyên môn ở khắp nơi; những nước nghèo, kém mở mang càng không có điều kiện bắt chước các nước giàu...

Nhưng đó chưa phải là điều đáng nói hơn cả. Hậu quả trầm trọng của một xã-hội chuyên-môn-hóa là *giảm-lược con người* vào một chức năng và *khống chế tự-do* trong mục tiêu hiệu-nghiệm kỹ-thuật, kinh tế...

Sự phân công và tổ chức hợp-lý là một đòi hỏi xã-hội; nhưng ở các nước kỹ nghệ tiền tiến hiện nay đòi hỏi đó đang trở thành tuyệt đối và nhất là để phục vụ cho một nền kinh tế thị-trường dựa trên mục-tiêu kiếm lời.

Cái gì muốn, cần, đều được thể hiện bằng hàng hóa, đồ dùng; hàng hóa, đồ dùng thỏa mãn những nhu cầu thực sự, và cả những nhu cầu giả tạo nữa. Hàng hóa được sản xuất ra để tiêu thụ, và tiêu thụ thúc đẩy tăng gia sản xuất; sản xuất được tăng gia dĩ nhiên lại thúc đẩy gia tăng tiêu thụ.

Con người cần hàng hóa, đồ dùng, phương tiện, và trong số những đồ dùng phương tiện cần thiết, phần nhiều đồ dùng phương tiện tự mình không thể tạo ra được, nghĩa là phải

tùy thuộc vào người khác cung cấp. Con người cần đồ dùng, phương tiện, nhưng cũng cần tự do được sử dụng phương tiện, tự do biến chế đồ dùng, tự do tổ chức theo sở thích và khả năng của mình

Xã hội chuyên-môn-hóa, kỹ-nghệ-hóa càng ngày càng đưa đến chỗ không thể đau ốm ở nhà, được sự săn sóc của gia đình, và bắt buộc phải đi nằm nhà thương để những người chuyên môn chữa bệnh và không ai trong gia đình được phép tham dự vào việc chữa trị chăm nom người đau bệnh.

Một xã-hội được tổ chức một cách "hợp-lý" như vậy trở thành phi-nhân vô vị, ngay cả đối với những người có điều kiện, vì tổ chức hợp lý, mục tiêu hiệu nghiệm kỹ thuật, kinh tế đã gắn lược những quan-hệ nhân-loại vào những quan-hệ chức-năng, máy móc vô hồn vô nghĩa, mất tính chất tự nhiên, tự trị, sáng tạo, thích nghi, linh động (1).

Thời xưa, nhà trường tạo ra sự giàu có kiến thức, không biến thành giàu có của cải vật chất được. Nhà trường trong xã hội hiện đại, là một thứ đầu tư nhân sự, nhằm tạo ra sự giàu có kiến thức biến đổi được thành giàu có của cải vật chất. Nhà trường nhằm mục đích phục vụ sản xuất và tiêu thụ. Muốn sản xuất hàng hóa phải có chuyên viên, kiến thức,

mà nhà trường là nơi sản xuất chuyên viên, kiến thức.

Điều mà tác giả tố cáo ở đây là mục tiêu sản xuất, thị trường đã biến thành kỹ nghệ cả những khu vực không sản xuất như y tế giáo dục, giao thông, xây cất, những khu vực cần bảo vệ một chút tự do tổ chức, tự trị, linh động, sáng tạo để có thể sống một cuộc đời thoải mái, ý vị.....

Nhưng đã rõ trong một xã hội chuyên-môn-hóa, kỹ-nghệ-hóa tất cả, và chỉ nhằm mục đích hiệu nghiệm kinh-tế, không còn chút tự do quyết định nào theo sở thích. Xây nhà trở thành kỹ nghệ, do đó muốn có nhà ở chỉ có thể mua hoặc thuê một căn nhà do kỹ nghệ cung cấp cũng như chữa bệnh, nhà trường là một kỹ nghệ, kỹ nghệ sản xuất, bán thuốc, do đó có pháp luật bảo đảm bên vực quyền lợi của những người làm ăn liên hệ và kết quả là những người ngoài phải hoàn toàn tùy thuộc vào tổ chức, định chế, với những bắt buộc, cấm đoán của nó... vì có như thế mới có hiệu nghiệm kỹ thuật, hiệu nghiệm kinh tế...

NGUYỄN VĂN TRUNG

Kỳ tới : Đi một ngày đàng học một sàng khôn

(1) Tác giả chỉ định những đặc điểm trên bằng khái niệm «Convivialité» đối lập với khái niệm sản xuất.

VĂN HỌC THỂ GIỚI HIỆN ĐẠI

... Một tổng hợp đầy đủ nhất về nền Văn học Thể giới hiện đại của Anh, Nga, Pháp, Đức, Mỹ, Mẽ-Tây-Cơ, Ba-Tây, Nhật-Bản, Trung Hoa...

Tác phẩm quy tụ tất cả các nhà phê bình văn học nổi danh.

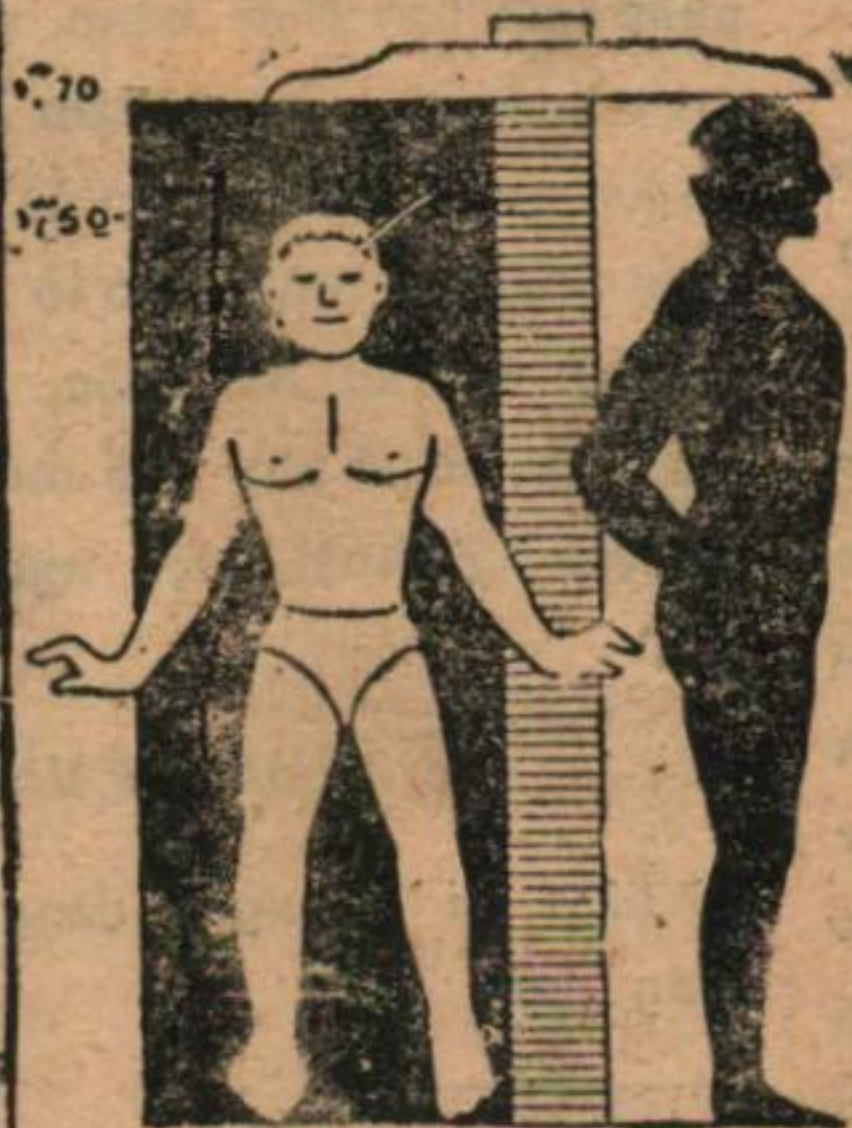
Bản dịch của Bửu Ý

An Tiêm Xuất bản

ĐỒNG-NAI PHÁT HÀNH

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C . D . PP . B2 . B6 . B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ .
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG .
ÍT ĐAU RĂNG .
YẾU PHỔI .
MỆT MỎI .

LABOHADZER

'VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ'

Tư tưởng Lão Trang trong Y-thuật Đông-phương

PHẦN II. — LÝ-LUẬN CĂN-BẢN

« ... (The Oriental physicians) worked with many theories not of course of modern type like those of science since the Renaissance but nevertheless of considerable heuristic value ».

J. NEEDHAM (1)

Lý-luận căn-bản của Đông-Y thì ai cũng biết là xây-dựng trên quan-niệm âm dương.

Nếu chúng ta tin theo truyền-thuyết Trung-Hoa thì thuyết âm dương ra đời cùng với Phục-Hy, bởi Kinh Dịch khởi thủy do vua Phục-Hy (-4477 đến -4363). Trong khi ấy thì Đạo Đức Kinh của Lão-tử ra đời, cũng vẫn theo truyền thuyết, vào khoảng thế-kỷ thứ 6 trước Tây-lịch. Thuyết ngũ hành xuất-hiện vào lối thế-kỷ thứ 4 trước Công-nguyên, vào đời vị âm dương gia lừng danh Trâu Diên dưới thời Chiến-Quốc. Đến đời Hán (thế-kỷ -2) thì ngũ tạng đã được đặt song song với ngũ hành để làm nền móng cho toàn-bộ y-thuật Đông-Phương.

Âm dương là quy-tắc mẫu chốt của nghệ-thuật phòng bệnh chữa bệnh cổ-truyền, quán triệt tất cả chứng mạch, biểu lý, thượng hạ, hàn nhiệt, hư thực, khí huyết, động tĩnh v.v...

Theo Đông-Y, trong tất-cả các

trường hợp, âm dương luôn luôn đối nghịch nhau, dương thịnh tắc âm suy, âm thịnh tắc dương suy. Nhưng âm dương tuyệt-đối không thể tách rời riêng rẽ, không thể có tình-trạng thuần âm hay thuần dương Trái lại, trong âm có dương, trong dương có âm.

Quan-niệm ấy, Lão-tử đã mô-tả rõ-ràng khi viết trong Đạo-Đức Kinh, chương 42 : « Vạn vật phụ âm nhi bảo dương, xung khí dĩ vi hoà » : vạn vật công âm mà bổ dương, do chỗ xung nhau mà hòa với nhau.

Vừa công âm vừa bổ dương : đây chính là phương-thức mô-tả hết sức linh-động tình-trạng sức khỏe và bệnh tật, vì chất sống và sự sống chỉ là một tổng hợp những mâu-thuân, nhưng đồng thời, những mâu thuẫn ấy vẫn luôn luôn bổ-túc cho nhau. Giữa sự xô-xát, xung-đột của hai nguyên lý âm dương, có một cái gì đó, nắm giềng

(1) J. Needham. — Sex hormones in the Middle Ages. *Endeavour*, Vol XXVII, no 102, p.130, 1968.

mối và làm cho chúng dung-hòa nhau, tức là điều mà Lão-tử mô-tả là “xung khí dĩ vi hòa”. Yếu-tố hòa-hợp ấy, xét dưới khía-cạnh triết-học, tức là cái *Dụng* của *Đạo*, nhưng áp-dụng vào y-lý, phải chăng chính là sự sống? Tuy nhiên, điểm mấu chốt hơn là dấu có xung đột, nhưng sự xung-đột ở đây là để đi đến dung-hòa, chứ không phải xung-đột để đến một mất một còn, để đến thủ tiêu nhau. Nếu âm dương không thúc đẩy, không đối đãi, thì không thể có Động, và nếu không có sự kiện “xung nhau mà hoà nhau” thì không thể hình-thành sự vật nào hết trong vũ-trụ.

Cho nên có thuyết cho rằng cái học của Lão-tử thoát thai từ Kinh Dịch, điều này rất có thể, vì lẽ Đạo-Đức Kinh xuất-hiện sau Kinh Dịch, mà theo Dịch Kinh thì âm dương là hai nguyên lý mâu thuẫn, có những đức-tính riêng biệt khác hẳn nhau như cương nhu, nóng lạnh, sáng tối v.v... Hễ âm cực thì dương sinh, dương cực thì âm sinh, “vật cùng tắc biến, vật cực tắc phản”, nhưng khi phản biến thì lại biến thành đối địch của nó, lạnh biến ra nóng, nóng biến ra lạnh, tối biến ra sáng, sáng biến ra tối trong tự-nhiên giới; thực hoá ra hư, nhiệt biến thành hàn, biểu chuyển vào lý v.v... trong y-học. Đây cũng chỉ là quan-niệm của Lão-tử “...thệ viết viễn, viễn viết phản”: mỗi vật khi đến cực-độ thì phải biến, mà biến thì phải biến trở về cái đối-lập của nó. Như vậy, trong vũ-trụ, vạn vật luôn luôn thăng giáng, phù trầm. Lão-giáo muốn rằng bất cứ tiến-trình

nào — tự nhiên, thiên-văn, sinh-lý và cả chính-trị nữa — cũng đều biến thiên theo từng chu-kỳ: một quốc-gia loạn rồi an rồi lại loạn, một chế-độ thịnh hôm nay thì sẽ suy ngày mai, bởi lịch-sử chẳng qua chỉ là tái diễn trường kỳ. Trong nhân-thể cũng vậy, tạng phủ hoạt-động theo từng chu-kỳ có khi dài có khi ngắn. Chu-kỳ ngắn như một chu-chuyển tâm — tức là một vòng tim đập, xin mượn danh-từ Tây-Y cho dễ hiểu — chỉ không đầy sáu mươi giây, như hô-hấp, mỗi lần thở ra hít vào trên dưới ba phút; *vừa* như vòng chuyển-dịch của vệ khí mà Đông-Y mệnh danh là *tiểu hội*, mỗi ngày có hai mươi lăm vòng, nghĩa là mỗi ba mươi phút; *dài hơn* như chu-kỳ tạng phủ hay luận cứ *đại-hội* của vịnh vệ: một ngày một đêm một lần, khí của mỗi tạng lại tuần-tự vượng lên, cũng như vịnh và vệ cứ hai mươi bốn giờ thì lại *đại-hội*; *dài hơn nữa*, như chu-kỳ kinh-nguyệt, mỗi tháng một vòng kinh... Nhưng trong cái thịnh của phế tạng — chẳng hạn — vào giờ này, đã có manh nha cái suy của phế tạng mười hai giờ sau, và trong cái suy của phế tạng mười hai giờ sau, đã có khai mào cái thịnh của phế tạng hai mươi bốn giờ nữa..

Sở dĩ âm biến được ra dương, dương biến được ra âm, tráo qua trở lại — tức là *phản phục*, theo lối nói của Lão-tử — là vì trong âm có dương, trong dương có âm. Ứng-dụng vào y-học, quan-niệm phản phục ấy của Đạo-giáo đã có đất đứng rất vững chắc trong những ý-

niệm như hàn nhiệt thác tạp, hư thực hỗn hợp, biểu lý tương nhiễm v.v..., nói tóm lại, là những luận-cứ sinh-lý, bệnh lý rất linh-động mà Đông-Y qui-nạp thành ý-niệm *tương quan bát cương qua lại*. Ở đây, chúng tôi không đi sâu vào chi-tiết, chỉ xin chọn một ví-dụ về kinh mạch để trình-bày thêm cho dễ hiểu. Đông-Y quan-niệm rằng các đường kinh đi ở phần ngoài cơ-thể, vì vậy thuộc biểu (biểu chỉ phần ngoài của cơ-thể), trong khi các tạng-phủ vì ở bên trong nên thuộc lý. Dĩ nhiên nói biểu tức là đã nghĩ đến lý bởi vì phải có lý thì mới có biểu: nếu không có những tạng phủ ở bên trong, thì lấy gì để mà so sánh với, để đi đến kết luận là kinh mạch ở phần ngoài? Nói cách khác, ngoài tức là xét tương-đối đối với trong, biểu tức là xét tương-đối đối với lý. Nhưng trong cái biểu, cái ngoài, cũng có những phần ngoài vừa, những phần ngoài ít: do đó, ta có những đường kinh rất biểu — *biểu trung chi biểu*: biểu ở trong biểu — nghĩa là những đường kinh nằm rất cạn, rất ngoài. Có những đường kinh nằm sâu, nằm trong, tức là những đường kinh *biểu trung chi lý*: lý ở trong biểu, tức là phần sâu ở trong phần cạn. Lại có những đường kinh nằm lưng chừng, hoặc nửa phần cạn nửa phần sâu: *bán biểu bán lý*. Đối với âm dương cũng vậy, luôn luôn phải hiểu âm dương theo nhãn quan tương-đối, tỷ giao. Phía trước cơ-thể chẳng hạn là âm nếu so với phía lưng, nhưng cũng ở phía trước thì ngược là dương nếu đối với bụng.

Đầu là dương nếu so với phần thân mình còn lại, nhưng chỉ trong phạm vi đầu thì trán ít dương hơn gáy. Phần dưới cơ-thể đành là âm, nhưng mặt ngoài của hạ chi thì ít âm hơn mặt trong v.v...

Cho nên, sử dụng hai từ biểu lý, phân biệt một đường kinh là thuộc biểu, một đường kinh khác là thuộc lý, cũng chỉ là một cách diễn tả tư tưởng gương ép, khiến cưỡng: bởi vì khi đã định cho sự vật một cái *danh* để chỉ vật ấy thì ta đã vô-tình lìa xa cái chân diện mục của chính sự vật, tức là cái chân-lý toàn-diện của sự vật. Bởi lẽ «*Đạo khả Đạo phi thường Đạo*» cơ mà. Do đó, trong y-khoa, cùng với Lão-tử, ta cũng có thể nói: Dương khả Dương phi thường Dương, Âm khả Âm phi thường Âm, Hàn khả Hàn phi thường Hàn, Biểu khả Biểu phi thường Biểu v.v... Thế thì sở-dĩ lại gọi đó là Đạo cũng chỉ là điều vụn vặt bất đắc dĩ, cũng chỉ vì quán-lệ ngôn-ngữ mà đành gương kêu thôi: «*Ngô bất tri kỳ danh, cưỡng tự chi viết Đạo*», ta không biết tên, gương gọi đó là Đạo..

Lý-luận như thế, tư duy như vậy, luôn luôn tâm niệm rằng mọi sự mọi vật chỉ là một khía cạnh, một thành phần, một bộ-phận, và rằng sự ấy vật ấy chỉ có lý-do tồn-tại khi nó được đặt vào bối-cảnh của chính nó, với cái toàn-thể mà nó là một thành-phần, thì, lý-luận theo đường hướng ấy, bắt buộc phải nương tựa vào phương-pháp tổng-hợp, vốn là một cá-tính rất đặc-thù của Đông-Y. Tốt

xấu, vinh nhục, lớn nhỏ... đều chỉ là kết-quả lẽ-lối nhận-thức của kẻ sống trong quan-niệm sai lầm của Bản Ngã, của Nị Nguyên, chỉ thấy sự vật rời rạc mà không biết nhận chân sự liên-quan mật-thiết trong vạn vật, vốn dĩ chẳng chít, giằng téo, dính líu nhau như những tảng phủ, kinh lạc trong cơ-thể sống. Vì vậy, ta không nên ngạc-nhiên khi thấy người y-sĩ phương Đông luôn luôn nhìn con người bệnh-tật dưới nhãn-quan toàn diện, hơn thế nữa, còn sẵn-sàng đồng-hóa nhân-thể với vũ-trụ bên ngoài.

Cũng như vũ-trụ, cũng như Đạo, trùm lấp khắp nơi mà lại không làm sao thấy được, nên gần như không có gì cả, là ý-niệm độc-đáo mà chỉ có Đông-Y mới có về khí. Giống như Đạo, khí thì *đại doanh nhược xung* (Đạo-Đức Kinh, chương 45): đầy tràn, lại dường như trống không. Làm sao thấy được, sờ được, bắt được khí? Nhưng làm sao phân-biệt được sự sống với sự chết? Cũng vẫn là thân xác này, mà tại sao chỉ một thoáng chốc đã biến-đổi từ một tình-trạng mệnh-danh là sinh qua một tình-trạng mệnh-danh là tử? Sinh và tử khác nhau ở đâu khi cả hai cũng đều có cùng một cơ-sở vật chất là cơ-thể? Bất buộc phải có một cái gì đó, mặc dầu ta không thấy được, để định tính sự sống, cái gì đó tức là khí, mà tính-chất cũng giống hệt Đạo, cũng "tuy đầy tràn mà lại tựa như trống không". Bởi vì khí là dạng-thể sinh-lý của Đạo, nên khí cũng ở vào vị-thế *trung-dung*, cũng

vi nhi vô vi, làm mà không làm, cũng là *chân không*, cũng là *vô hữu*, và do đó, cũng luôn luôn ở vào một tình-trạng *vận chuyển triền-miên*, biến dịch liên tục. Đối với người Đông y-sĩ, những đặc-tính ấy của khí đã trở thành mặc nhiên, và thực sự họ không hề thắc mắc, không cần được giải-thích gì cả. Bởi từ hằng mấy nghìn năm rồi họ đã tăng-trưởng trên phong-thổ tư duy tổng-hợp, họ đã thở hít khí trời toàn diện của lý-luận y-học. Đối với họ, khí là khí, cũng như Đạo là Đạo, thế thôi.

Trong phạm-vi khoa-học căn-bản, ảnh-hưởng của Lão Trang vào y-khoa cũng có một số hệ-quả đặc-thù.

Cơ-thể-học chẳng hạn, theo cái nhìn của đạo học huyền đồng, phân chia thân-thể con người ra làm ba vùng. Vùng trên hay vùng đầu là nguồn gốc của đức minh-trí, tức là sự sáng suốt, mà nhân-thể chỉ là trú sở. Chữ *châm cốt* — xương gối — là một từ của Đạo-gia, mà Tây-Y đang mượn của Đông-Y để chỉ cái xương ót. Nơi vùng xương ấy, phái đạo-sĩ đặt một cái gối ngọc — *ngọc châm* — giữ vai trò quan-trọng trong các phép tu dưỡng. Trong não bộ là Nê hoàn cung — từ này vay của tiếng sanscrit (1) —, cũng gọi là bễ tủy (*tủy hải*). Tủy hải là gốc nguồn tinh khí.

Vùng giữa chủ-yếu có cột sống, được mô-tả như là một ống thông.

(1) Huard P, et Wong M. — La Médecine des Chinois. L'Univers des Connaissances. Hachette Éditeurs. Paris 1967 (p. 52).

nối liền các xoang não vào các trung tâm sinh dục. Cột sống chấm dứt nơi một điểm gọi là *thiên-tru* — cột nhà

trời, nằm phía sau ót, chỗ giáp ranh mái tóc (bình).



Cơ-thể-học Đạo-giáo

Vùng dưới có một yếu-điểm : đan điền, nằm gần rốn. Phái tu tiên luyện đạo cho rằng đan điền là điểm tụ-hội của sinh khí hạ thân, nhất là của khả-năng sinh- dục. Bao nhiêu sức lực của con người đều qui-tụ vào chỗ trọng-địa ấy, và nếu biết vận-dụng khí-lực lưu-thông đúng cách nơi cứ-điểm đan điền thì ta có thể gia bội tuổi thọ, tăng-cường chính-khí. Cho nên môn-đệ các phái võ thường nói đến ngưng tụ khí lực vào đan điền, đưa khí từ đan điền lên v.v., trong khi giới Đông

y-sĩ thì lại nhìn các động-tác thủ-thuật của Tây-y ở vùng bụng với một cặp mắt cực kỳ e dè, vì tin rằng mỗ bụng thì khí lực nội phúc sẽ tiêu tán nhiều.

Hai chữ *hồn phách* của Đông-y, tạo nền móng cho lý luận khí hóa của can phế — can tàng hồn, phế tàng phách — cũng nhuộm màu huyền tã. Lão-Trang chủ-xướng kẻ nào không tiết dục, buông thả phóng túng thái quá sẽ bị hao tán hồn phách, suy kiệt tinh dịch và vì vậy, sẽ phải yếu vong. Đ

diễn dịch hai chữ này, *Kaltenmark* ⁽¹⁾ cho rằng hồn là âme supérieure céleste, phách là âme inférieure terrestre; trong khi theo *Hubotter* ⁽²⁾, hồn là vernünftiger Geist và phách là vegetativer Geist. Là gì đi nữa, thì cũng không ai phủ nhận gốc nguồn của hai từ ấy là do nơi tư tưởng Lão Trang.

Trang-Tử trong Nam-Hoa Kinh, khi bàn đến cái tận thiện, đã chủ trương rằng không có một cái tận thiện nào có thể đem đặt làm cái tận thiện mẫu cho muôn loài. Nói cách khác, mỗi vật đều có tính phận riêng của nó, do Tạo-hóa an-bài, cho nên cái tận thiện của hạt minh châu không phải cái tận thiện của đoá trà mi hay của chim anh vũ. Từ đấy suy ra, trong cùng một cơ thể, phế tạng tận thiện không giống thận tạng tận thiện. Đó cũng là một điều hiển nhiên khác mà người y-sĩ phương Đông, trầm mình trong dòng tư tưởng Lão-Trang, luôn luôn chấp nhận như là một định-đề. Bước thêm bước nữa, thận tạng bệnh tật đương nhiên phải không giống phế tạng bệnh-tật, rồi bước thêm bước thứ ba, cá-nhân A ốm đau tự nhiên chẳng thể giống cá-nhân B đau ốm. Cho nên Đông-Y dẫu có mô tả một số bệnh — hiểu theo nghĩa maladie, disease của Tây-Y — nhưng không bao giờ gán cho bệnh một tầm quan trọng như Tây-Y. Trái lại người Đông y-sĩ thường lý-luận trên cơ-sở những hợp-chứng, và đối với mỗi hợp-chứng, y-lý cổ-truyền có một số thang phương kinh-diễn hoặc canh-tân đề đối-phó. Vì vậy, những lối nói : đây là một

trường hợp vong âm, đây là một “ca” huyết hư hỏa vượng, đây là một chứng trạng biểu thực lý hư, cô này bị nhiệt nhập huyết thất v.v... là những lối nói hết sức quen thuộc trong Đông-Y. Dĩ nhiên đối với mỗi chứng-trạng, mỗi cơ-địa có một phương-thức trị-liệu riêng, dẫu là với thang dược hay châm cứu, và điều này gần như đối nghịch với tiến-trình trị-liệu Tây-phương, thường chỉ biết lo dán lên mỗi bệnh-chứng một nhãn-hiệu nào đấy đề rồi tùy theo bệnh-danh mà lựa chọn liệu-pháp.

Phong-thái bào-chế, phối-hợp thuốc men của Đông-Y cũng là phong-thái vi nhi vô vi : trị bệnh mà như không trị bệnh. Khi đau sắc thuốc uống thuốc cũng chỉ như lúc khỏe pha trà nhấp trà. Xương thú có thể hầm đề nấu cháo thì cũng có thể cô đề chế cao. Thành ra ngày thường ta dùng thực-vật, động-vật làm thực-phẩm, thì khi ốm đau, ta cũng dùng thực-vật, động-vật làm dược-liệu. Cho nên Đông-Y rất thiện dụng lối dùng toàn-bộ vị thuốc, mà rất coi thường các phép trích-khai, bởi hai lý-do : thứ nhất, vì hợp lẽ tự-nhiên, đúng qui-tắc vi nhi vô vi ; thứ hai, vì thích-nghi với nhân-quan tổng-hợp, toàn-diện. Do nơi quan-niệm phép trị lớn (đại-chế) thì không trị bằng cách chia lia, không phân-biệt thân một nơi, tâm một ngả, mà phải làm cho tâm

(1) *Kaltenmark M.* — Lao-tseu et le taoisme. Paris. Editions du Seuil. p. 157. 1955.

(2) *Hubotter F.* — Chinesische Medizin. Ciba Zeitschrift N° 94, Band 8. Wehr Baden. 1959.

thể bệnh-hoạn trở về với thiên chân, tức là với cái lẽ Sống Một, không tách riêng tâm khỏi vật, cho nên phương-pháp trị-liệu của Đông-Y, nhìn chung, là dựa vào chiến-lược đại chế bất cát (Đạo-Đức-Kinh): phép trị lớn, không chia. Trong một thang thuốc cũng vậy, có vị bổ thì phải kèm vị tả, cạnh thuốc bốc lên quá đáng phải kèm thuốc hạ xuống phần nào. Do đó, lối dùng thuốc của Đông-Y thường rất mực từ-tốn, khoan-thai — cả trong lúc cứu-cấp — ít khi dùng các loại thuốc công tả mãnh liệt. Bởi giống như bậc danh tướng không dám dùng sức mạnh để thắng địch mà chỉ tìm cách thắng một cách khéo-léo, dựa vào thuật «thắng vì bất đắc dĩ», người thầy thuốc cũng chiến-thắng bệnh-tật theo đường lối quả nhi bất đắc dĩ (Đạo-Đức-Kinh). Mà Đông-Y không phải là không biết đến các vị thuốc có tính-năng hùng-hậu, độc-hại. Trái lại, Phụ-tử, thuộc bảng A của Tây-Y (bảng kê các vị thuốc độc), là một trong bốn vị thuốc quý của phương Đông (Sâm, Nhung, Quế, Phụ).

Trong thực-tế, tất cả nghệ-thuật dùng thuốc bốc thuốc là biết dừng lại đúng lúc, biết đến đâu là đủ, mà Lão-tử vẫn hằng khuyên nhủ qua những lời nói «tri chỉ, tri túc». Mà thực ra thì đây cũng chỉ là lập-trường của Paracelsus, người y-sĩ Đức lừng danh của thế-kỷ thứ 15: «Arznei ist Nahrung, und Nahrung ist Arznei» (thuốc là thức ăn, mà thức ăn cũng là thuốc).

Và rồi mục-tiêu tối-hậu của phép trị-liệu bệnh-tật cũng chỉ là giúp bệnh-

nhân trở lại tình-trạng bình thường, như, nghĩ theo Trang-Tử, phận-sự duy-nhất của mỗi vật là trở về với cái chân-thể — tức là Đạo —, nghĩa là trở về với cái «tính» của mình, để sống theo «tính». Ấy tức là «phản kỳ chân» hay «phục kỳ bản». Thì Đông-Y cũng không hề nói khác. Cứu-cánh của bất kỳ liệu-pháp nào bao giờ cũng là «trị bệnh tất cầu kỳ bản». Phải chữa bệnh tận gốc, để cho con người trở lại nguyên-trạng bình-thường, «.. dĩ phục vận vật chi tự nhiên» (Đạo-Đức Kinh, chương 64), giúp vận vật sống theo tự nhiên.

Hệ quả đương nhiên của những định-lý tư duy như vừa trình-bày, đối với y-lý Đông-phương, cho thấy rằng y-lý ấy chịu ảnh-hưởng của giới lạt-ma hay giới phươg-sĩ, là, đối với y-lý Đông phương, ngoài các liệu-pháp cơ-học và thực-vật sinh-học, còn có một lối trị-liệu tâm-linh tâm-trí nữa, với điều-kiện là tình trạng lý-trí, khả-năng tự-chế và tinh-thần kỷ-luật nội-thân của bệnh nhân cho phép làm như vậy (Krasinski (1)). Mà đối với con người phương Đông bình thường thì bao giờ cũng có sự cho phép ấy.

TRẦN-VĂN-TÍCH

Sg 12. 12. 1973

Kỳ tới: Phần III. — Lối xử thế của bậc lương-y

(1) Krasinski C. v. K. — Ist die Akupunktur in ihrem Selbstverständnis an einem taoistischen Dualismus gebunden? XVI. Internationaler Kongress für Akupunktur. Baden Baden. Verlag Maisonneuve. S. 182. 1972.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH: 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh	Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuột : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xỏ-sổ
- 13% mỗi năm : nếu có dự xỏ-sổ
- 4% mỗi năm : để xỏ-sổ
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Năm 2.000

III. CANH TÂN KỸ THUẬT

Một chương lý thú trong cuốn *Năm 2.000* là chương về các canh tân kỹ thuật.

Thực ra thì sẽ có nhiều canh tân lắm, nhưng Ủy ban chỉ lựa 100 khu vực thôi mà ủy ban cho rằng có từ 90 đến 95% chắc chắn sẽ thực hiện trước năm 2.000. Mỗi canh tân đó có những đặc điểm này : hoặc quan trọng tới mức có thể gây một sự thay đổi lớn lao trong những năm sắp tới (chẳng hạn dùng *rocket* vượt đại dương cực mau, chỉ trong hai, ba chục phút khi mà hiện nay các máy bay siêu thanh — *supersonique* — phải mất hai ba giờ ; hoặc có tính cách lan tràn, phổ biến khắp thế giới (như y phục bằng giấy), hoặc có thể giúp cho chúng ta chế tạo được rất nhiều vật khác (như những siêu chất : *super-matière*) ; hoặc làm tăng sức sản xuất lên rất cao ; hoặc cực kỳ quan trọng cho sinh mạng con người (như những trái thận nhân tạo dễ dùng).

Vậy tuy gọi là canh tân (*innovation*) nhưng sự thực có thể gọi là những cách mạng trong mỗi khu vực, những phát minh quan trọng.

100 canh tân ấy, ủy ban sắp theo một thứ tự có ý nghĩa : — 25 canh tân đầu hết là những tấn bộ có lợi cho nhân loại (dĩ nhiên có những

canh tân có lợi về phương diện này mà có thể có hại về phương diện khác, nhất là khi lấy nhãn quan chính trị mà xét).

— 25 canh tân kế đó ích lợi không hiển nhiên và nhiều người cho rằng nên hãm lại, đừng phổ biến (chẳng hạn những canh tân hậu quả có thể làm cho con người bị chính quyền dòm ngó suốt ngày đêm, không còn gì là đời tư nữa.)

— Còn 50 canh tân cuối ủy ban thêm vào vì thấy « lí thú ».

Những canh tân có lợi

1- Tia *laser* và *maser* sẽ có nhiều áp dụng để đo, truyền, bắt, cắt, hàn gắp, chiếu sáng, phá hủy, v.v... Dùng tia *laser* tám màu người ta có thể « tích trữ » một trăm triệu màu tin tức trên một miếng phim rộng 2,5 phân vuông,

2- Có những chất rất cứng, bền, chịu được những nhiệt độ rất cao,

3- Có những chất dễ may quần áo rất rẻ tiền (giấy, sợi hoặc *plastique*)

4- Có thêm nhiều vật liệu mới để chế tạo,

5- Có những phi cơ mới siêu trực thăng (lên thẳng rất mau) hoặc những phi cơ không lồ phản lực hay siêu thanh,

6- Cách dùng chất nổ dễ dợt

(emboutir) đồ sẽ có nhiều áp dụng trong thương mại,

7- Đoán thời tiết chắc chắn hơn và dài hạn hơn,

8- Nghề trồng trọt ở miền nhiệt đới phát triển mạnh,

9- Nhiều máy điện-lực mới,

10- Nhiều nguồn năng lực mới dùng vào sự chuyên chở trên mặt đất.

11- Dùng máy chụp hình rất nhạy từ trên một độ rất cao có thể chụp hình mặt đất mà vẽ bản đồ và khảo sát về địa chất,

12- Tàu biển sẽ cải thiện nhiều,

13- Giảm được nhiều tật do di truyền,

14- Kỹ thuật nhương phổi (prothèse) sẽ được áp dụng rộng rãi để thay một số bộ phận trong cơ thể,

15- Có những kỹ thuật mới để cho không khí, dòng sông đất cát khỏi bị nhiễm uế,

16- Kiểm soát được sức nặng và sự ăn ngon của con người,

17- Có những kỹ thuật mới để đào tạo, huấn luyện người lớn,

18- Có nhiều loại cây và động vật mới ích lợi cho loài người,

19- Y sĩ tạo được sự đông miên ngắn (vài giờ hay vài ngày) cho bệnh nhân.

20- Dùng máy tính để phân tích rồi dùng những pháp tự động để

sản xuất những vật rời (nghĩa là không phải sản xuất từng loạt) một cách rẻ tiền,

21- Kiểm soát được giấc ngủ và sự nghỉ ngơi,

22- Khoa kiến trúc rất tiến bộ, kỹ thuật rất mới

23- Khai thác biển, đào mỏ ở dưới đáy biển, trồng trọt, tạo năng lực...

24- Chụp hình và truyền hình có chiều sâu.

25- Các việc vặt trong nhà sẽ làm bằng máy tự động.

oOo

Những canh tân có thể có hại

Hai mươi lăm canh tân trên quả thực không có gì làm cho chúng ta ngạc nhiên và chắc chắn tới cuối thế kỷ này thực hiện được gần hết. Và một số canh tân hiện nay đã thực hiện được một phần rồi, như canh tân số 11, 14, 18, 24, 25...

Tiếp theo là 25 canh tân Ủy ban cho là có thể có hậu quả tai hại và chính quyền nên hạn chế. Tôi không chép lại hết, chỉ lựa một số thôi.

— Các máy tự động và các máy điện tử IBM sẽ được phổ biến trong kỹ nghệ

— Các kỹ thuật mới để dò xét, coi chừng và kiểm soát cá nhân

— Kiểm soát khí hậu một cách hạn chế,

— Kỹ thuật mới mẽ, chắc chắn hơn để «dạy dỗ» và tuyên truyền về

cách cư xử của con người trong đời công và tư.

— Truyền đạt trực tiếp bằng cách kích thích bộ óc.

— Đông miền dài hạn, hằng tháng hoặc hằng năm.

— Kĩ thuật mới và tương đối hiệu nghiệm để chống chiến tranh du kích, cũng có thể để cải thiện chiến tranh du kích nữa.

— Kĩ thuật mới rẻ tiền, chắc chắn hiệu nghiệm, để dùng kiểm soát sinh đẻ.

— Thuốc mới rất hiệu nghiệm để kiểm soát sự mệt nhọc, sự nghỉ ngơi, tình cảm và cá tính con người.

— Muốn sanh trai hay gái tùy ý.

— Hơn nữa, có thể thay đổi cả «tính» của trẻ và người lớn: trai mà biến thành gái và ngược lại,

— Nhiều phương pháp dạy dỗ mới

— Kéo dài đời sống thêm lên nhiều, làm cho tuổi già lui lại,

— Thức ăn thức uống tổng hợp (synthétique), tựa như đường hóa học ngày nay,

— Thay đổi được dễ dàng nét mặt, cả màu da nữa,

— Lấy một bộ phận trong cơ thể người này cấy vào cơ thể người khác.

oOo

Những canh tân lí thú

Sau cùng là 50 canh tân chưa chắc thực hiện được, nhưng lí thú, chẳng

hạn như :

— Lên ở hẳn trên cung trăng và một số vệ tinh — Du lịch từ hành tinh này tới hành tinh khác.

— Xuống ở hẳn dưới đáy biển,

— Cất nhiều nhà cửa trong lòng đất,

— Các cửa hàng tạp hóa sẽ có thể tự động,

— Dùng thật nhiều người máy,

— Dùng nhiều chất hóa học để cải thiện kĩ tính,

— Kiểm soát các chất hóa học trong máu để trị một số bệnh điên và vài hình thức của bệnh già,

— Lấy được dầu lửa một cách rẻ tiền từ chất điệp thạch (schiste bitumeux)

— Bàn bay cho mỗi người (plate forme volante)

— Truyền tin và truyền hình rất rẻ tiền nhờ tia sáng laser

— Biến nước biển thành nước ngọt một cách rẻ tiền,

— Máy tính rất phổ biến: nhiều nhà có thể chung nhau dùng để kiểm soát việc nhà, dịch sách, tìm tài liệu văn học, khoa học...; chính quyền dùng để tìm ra tội nhân, kiểm soát sự lưu thông.

— Máy điện thoại bỏ túi, đi đâu cũng mang theo được,

— Kích thích sự nằm mộng và có thể gọi một mộng nào đó tùy ý mình (thú nhỉ?)

— Không cần giam tội nhân trong khám nữa vì có những cách tối tân để coi chừng, theo dõi, kiểm soát,

— Chiến tranh vi trùng và hóa học rất giản dị và giết người một cách chắc chắn, (không thú chút nào)

— Tạo nhiều nguyệt cầu để đêm đêm soi sáng một miền rất rộng nào đó,

— Tạo được trí khôn "thực sự",

— Kiểm soát được gần hoàn toàn di truyền,

— Cho cơ thể ngưng hoạt động hằng năm hoặc hằng thế kỉ,

— Thay đổi cách thở của các loài có vú (loài người ?)

— Kéo dài đời sống đến 150 năm,

— Kiểm soát được tính tình hoặc trí tuệ con người,

— Có những đường lộ khiến cho sự lái xe hóa ra tự động,

— Lề đường tự động, người ta khỏi phải đi,

— Thay đổi thái-dương-hệ (!)

— Tạo và nuôi thai trong phòng thí nghiệm,

— Thay đổi loài người,

— Tạo được sự miễn dịch suốt đời người về hầu hết các bệnh

oOo

Những canh tân ảnh hưởng lớn tới xã-hội

Trong những số canh tân kể trên, Ủy ban nhấn mạnh vào bốn canh tân

dưới đây vì có ảnh hưởng lớn tới xã hội vào cuối thế kỉ :

1- Máy điện tử

Mới khoảng mười năm trước đây một chương trình programme) có 5.000 chỉ-thị (instruction) (1) đã là lớn lao lắm rồi. Ngày nay dùng máy tính điện tử, một người có thể điều khiển một chương trình mười lần lớn hơn, và một kíp có thể làm công việc mười lần lớn hơn nữa, nghĩa là gần 500.000 chỉ-thị.

Mà khả năng của các máy ấy cứ hai ba năm lại tăng lên gấp mười, như vậy tới cuối thế kỉ có thể tăng lên trăm tỉ lần, một con số kinh khủng ! Cứ cho rằng nó chỉ tăng lên gấp ngàn hoặc triệu lần thôi, rồi ngừng lại, cũng đủ cho chúng ta ngộp rồi.

Vậy chúng ta đừng vội tin những người hoài nghi chế máy điện tử là không thể có sáng kiến vì nó bị trí óc của người chế tạo ra nó hạn chế. Theo Ủy ban thì tới năm 2.000, nhiều máy tính có thể vượt được nhiều cơ năng trí tuệ của con người, có lẽ cả cơ năng sáng tạo nữa, mà lại còn có những khả năng khác, loài người không có. Điều đó tuy không chắc chắn nhưng không có gì đáng cho ta ngạc nhiên.

Đành rằng máy tính là máy tính chứ không phải là bộ óc, cơ cấu nó

(1) Trong bài này có nhiều thuật ngữ và cả những danh từ thường dùng nhưng ý nghĩa đã thay đổi, tôi không phải là nhà chuyên môn nên có thể dịch sai,

khác, nhưng chính vì vậy mà nó dùng những cách thức khác ta nên khả năng của nó vượt được trí óc về một số phương diện, và nó có thể tạo ra những cái tựa như ý nghĩ, ý muốn, những phản ứng tựa như xúc động của ta.

Rồi đây người ta sẽ dùng nó mỗi ngày mỗi nhiều, và sự « hợp tác » giữa nó và chúng ta sẽ chặt chẽ tới nỗi như có tình trạng « cộng sinh » (symbiose) với nhau nữa : có lẽ rồi mỗi nhà sẽ có một cái kệ nối với một công sở chuyên về máy tính (như máy điện thoại hiện nay nối với sở Bưu-điện) ; tại sở này có một học thể cho mỗi nhà ; và mỗi người có thể nhờ máy tìm cho những tài liệu mình muốn (tài liệu của riêng mình cũng như của chung mọi người như sách trong thư viện...), nhờ nó giúp mình trong việc học hành. Lúc đó học đường và khoa sư phạm sẽ thay đổi hẳn.

Như vậy máy tính có thể coi như là khí cụ căn bản của vài chục năm tới đây.

2 — Máy tự động :

Từ lâu rồi, một số máy dùng trong nhà đã biết tự động, như máy điều nhiệt (thermostat). Nhưng mãi gần đây các máy tự động mới phát triển rất mạnh ở Mĩ, làm cho dân Mĩ lo ngại.

Người ta tính phỏng rằng những máy ấy làm cho mỗi tuần có từ 40.000 tới 50.000 người mất việc. Trong kĩ nghệ thép, mặc dầu người ta hạn chế sự dùng máy tự động mà từ 1953 đến đến 1966 đã có 600.000 người

mất việc. Nhưng người ta biết rằng những người mất việc ấy kiếm được dễ dàng công việc khác vì luôn luôn có những công việc mới, do đó mà tỉ số người thất nghiệp ở Mĩ vẫn thấp.

Trong mười năm sắp tới, máy tự động sẽ lan tràn vô nhiều khu vực mới. Chẳng hạn sở Bưu điện Mĩ sẽ dùng máy tự động để phân phát thư rất mau : thư bỏ vào thùng hôm nay là ngày mai đã tới tay người nhận rồi, dù người này ở nơi hẻo lánh nhất trong nước.

Trong gia đình, theo Giáo sư cơ giới Meredith Wooldridge Thring ở Đại học Queen Mary (Londres) thì trong mười, hai mươi năm nữa, sẽ có người máy làm cho ta những công việc nặng nhọc (quét nhà, cọ sàn, rửa chén, làm giường v.v...). Mỗi người máy đó sẽ nhớ được lệnh bà chủ nhà ban ra và làm được năm, sáu công việc.

3 — Máy IMB (International Business Machine)

Đương có phong trào sinh viên mình ở ngoại quốc đua nhau học môn Informatique. Khoa học này mới có độ mười (?) năm nay mà ở Pháp đã có một bộ tự điển gồm 10.000 thuật ngữ riêng cho nó rồi. Đủ biết nó phát triển ra sao.

Nó là khoa dùng các máy IBM, mà những máy này có công dụng « ghi nhớ, phân tích và lấy ra các tin tức » để dùng. Information chúng ta dịch là thông tin ; informatique.

chúng ta dịch là gì bây giờ : ghi tin ?
dùng tin ?

Hiện nay chẳng những trong việc nghiên cứu khoa học, trong kĩ nghệ thương mại, chiến tranh, mà ngay cả trong chính trị, người ta cũng dùng máy IBM mà nhiều người gọi tắt là máy điện tử (sự thực nó chỉ là một loại máy điện tử thôi).

Theo Ủy ban, khoảng mười lăm năm nữa, các máy IBM sẽ phát triển ghê gớm. Bất kì một sự kiện gì lớn hay nhỏ, công hay tư, chẳng hạn địch đã di chuyển bao nhiêu chiến sĩ về phía nào (1) nhà bác học nào đã tìm ra thuốc mới nào để ngừa thai ; ông lớn nào đã chuyển bao nhiêu tiền hôm nào qua ngân hàng nào ở ngoại quốc, đã nói với « đào » những gì đêm nào, lúc mấy giờ, mấy phút, tại đâu ; ông X có nốt ruồi trên má bên nào v.v., hết thảy đều sẽ được máy ghi lại, phân loại rồi khi nào ta cần dùng tới thì chỉ bấm một nút là máy « trình » cho ta ngay.

Những máy ấy giúp cho khoa học, cho xí nghiệp được rất nhiều, nhưng có điểm đáng ngại là chính quyền (hoặc các tổ chức tư) có thể xâm nhập vào đời tư của chúng ta. Chẳng hạn một vị tổng thống nào đó, nếu muốn, có thể đặt nhiều hệ thống dò xét từng gia đình những người đối lập (2); rồi cho máy ghi hết cả lại, để khi nào muốn « hạ » họ, « đốt cháy » họ thì lấy ra mà dùng. Tiểu bang New York đã dùng thử những máy đó : cảnh sát ghi số những xe lên cầu Manhattan; một máy tính so sánh những số ấy với hồ sơ các xe mà cảnh

sát đương lùng bắt. Và chiếc xe chưa qua tới cầu bên kia là đã bị « nhận diện », chặn lại rồi !

Khoa học càng tiến bộ bao nhiêu, chính quyền càng có nhiều phương tiện kiểm soát, đàn áp cá nhân bấy nhiêu, và cá nhân càng biến thành con số không trước quyền lực vô biên của bộ máy cai trị. Nhưng cá nhân cũng có những phương tiện rất tinh vi để ám sát nhà cầm quyền, và nhà cầm quyền nào bây giờ đi đâu cũng phải có những biện pháp bảo vệ rất phức tạp.

4 — Những tiến bộ của khoa sinh vật học

Vấn đề này mới có một tầm quan trọng hơn nữa.

Rồi đây bằng những phương tiện y học, hóa học và sinh vật học, người ta có thể thay đổi sức khỏe, tăng tuổi thọ, điều này đáng mừng, mặc dầu khi tuổi thọ trung bình của con người là một trăm rưỡi năm thì sẽ phát sinh rất nhiều vấn đề rắc rối cho xã hội. Đáng ngại nhất là người ta có thể thay đổi cả tâm lí, định trước thể chất những đứa trẻ sẽ ra đời, định trước cho chúng là con trai hay con gái, có bộ óc hay bắp thịt vào hạng nào để

(1) Trong trường hợp này máy rất có lợi, nó cho ta biết được ngay một tình trạng nào đó để ta kịp đối phó trước khi tình trạng thay đổi.

(2) Như vụ Watergate đàn em của Nixon do thám các hoạt động chính trị của đảng Dân-chủ đối lập với Nixon trong vụ bầu cử Tổng Thống 1972 thật như nước cho Mi

Sau chúng thành nhà bác học hay lực sĩ.

Nhưng trước hết, chúng ta hãy xét những tiến bộ đáng mừng đã. Bệnh đau tim hiện nay hoành hành ở Mĩ : 55% người chết là vì đau tim. Rồi đây người ta sẽ kiểm được những thuốc mới, phương pháp mới để trị được bệnh ấy.

Bệnh cancer trong khoảng ba chục năm nữa cũng giảm được một nửa, nghĩa là số người khỏi bệnh sẽ tăng lên gấp đôi.

Bệnh tê thấp có thể biến mất trước năm 2.000.

Người ta hi vọng kiểm được những chất hóa học để kiểm soát bộ óc, trị một số bệnh điên, chứng mau quên của người già, sự dẫn độn của những đứa trẻ chậm phát triển.

Nhưng người ta có thể dùng kĩ thuật kiểm soát bộ óc ấy vào những mục tiêu không tốt đẹp; chẳng hạn bắt một kẻ nào đó phải thú những điều xấu họ đã làm, rồi cho hắn uống một thứ thuốc, tựa như thứ cháo lú của Diêm Vương, khiến cho hắn quên hết những gì đã nói.

Người ta lại có thể "tạo" ra những người rất thông minh và những kẻ rất dẫn độn để chuyên phục vụ, làm nô lệ cho hạng trên. Thế là có hai giai cấp rất cách biệt nhau mà giai cấp sau không bao giờ có ý nghĩ tranh đấu để cải thiện thân phận của mình, vì dĩ nhiên giai cấp trên nắm trọn bí quyết kiểm soát bộ óc của giai cấp dưới.

— Một tiến bộ «vượt bậc» nữa : chỉ trong mười, mười lăm năm nữa thôi, một bà chủ nhà có thể lại một công sở lựa trong một dãy gói nhỏ (tựa những gói hạt giống bông Đà-lạt hiện nay) một cái thai mới được một ngày đã làm cho đông lại. Mỗi gói có một cái nhãn cho biết thai chứa ở trong sẽ thành trai hay gái, màu da màu tóc ra sao, to lớn hay nhỏ bé, thông minh nhiều hay ít, dễ bảo hay không... Mà bảo đảm là không mắc một tật di truyền nào. Trả tiền rồi, bà ta đem về đưa cho bác sĩ đặt vào trong tử cung cho tới khi nó đủ chín tháng mười ngày.

Khi nó lớn lên, thấy nó dễ bảo, nhu mì quá chẳng hạn thì có thể nhờ bác sĩ chích cho nó những chất hóa học nào đó để nó cương cường lên, có nhiều nam tính hơn.

Có thể rằng Ủy ban đã hơi hài hước một chút, nhưng họ tuyên bố rằng những chuyện ấy có thể xảy ra được, họ cảnh cáo nhân loại phải thận trọng trong vấn đề ấy, nó có thể gây một cuộc đảo lộn cả trật tự xã hội. Phải kiểm soát việc bán thai, đành rồi, nhưng giao cho ai công việc kiểm soát và kiểm soát theo những tiêu chuẩn nào đây ? Nhà bác học Bonner đề nghị thành lập một cơ quan chuyên lãnh việc kiểm soát, còn theo nhà bác học Simon Ramo thì phải đào tạo một giới thượng lưu gồm các kĩ thuật gia xã hội được huấn luyện kĩ lưỡng về vấn đề, nhưng rồi ông lại bảo : "Tôi không muốn cho một người bà con, bạn bè nào của tôi lãnh trọng trách quyết định trong những việc ấy. Trách

nhệm ghê gớm quá mà, những người có lương tâm không dám lãnh, mà kẻ nào dám lãnh thì phải vào hàng như Staline hay Hitler. Thật nguy cho nhân loại.

Vấn đề kiểm soát sinh đẻ sẽ được giải quyết một cách hoàn hảo trong mười, mười lăm năm nữa. Lúc đó ai cũng nhận sự hạn chế sinh dục là cần thiết và khoa học sẽ tìm được những kĩ thuật giản dị, rẻ tiền, tác dụng lâu dài. Hiện người ta đã chế

được những hoàn thuốc mà phân lượng rất nhỏ có thể uống hoài mỗi ngày và "hoàn thuốc sáng hôm sau" để uống một lần một thôi sáng hôm sau đêm giao cấu. Ít năm nữa người ta có thể chích hoặc cấy dưới da chất progestérone công hiệu có thể từ một năm tới hai mươi năm.

NGUYỄN HIỂN LÊ

Trích trong "Những vấn đề của thời đại"

Kỳ tới: VI Dự đoán về chính trị

**hãy
hút...**



BASTOS **trên**



ĐẦU LỘC
truyện hảo

Đi thăm thân phụ Nguyễn Du

Sau khi Hòa bình lộ dạng, tôi lập tức lên đường như ước nguyện từ lâu.

Tôi đã đi Hội-An để tìm những gì có liên quan tới anh em Nhất Linh và đã trình bày trong các số Bách-Khoa vào tháng 4-73 (1).

Tôi lại tiếp tục nhiều cuộc hành trình khác vào Hội-An, Bình-Định, vào Nam...

Lần này, tôi mời bạn đọc theo dõi cuộc tìm kiếm của tôi về một vài dữ kiện nhỏ có liên quan tới nhà Tây Sơn mà bắt đầu là cuộc thăm viếng thân phụ Nguyễn Du.

Và muốn thăm ông, tôi mời các bạn trở lại Hội-An.

oOo

— Quái, thân phụ Nguyễn Du, tác giả Truyện Kiều? Ông vào Hội-An làm gì mà tới thăm. Mà đầu ông có vào đó thì còn hơi hướng nào để chúng ta chiêm ngưỡng?

Nếu có câu hỏi đó, cũng cần xem lại Sử và cũng cần bạn nhớ cho rằng: trước khi chúa Nguyễn chạy vào Nam để biến Ô Cáp, Sài-gon thành những hải-cảng, đô-thị quan trọng nhất hiện nay ở Miền Nam (và có lẽ toàn quốc?) thì Hội-An đã là cửa biển và đô-thị có địa-vị vô song ấy của Nam Hà. Tất cả những ai đến Quảng-Nam quốc (2) (tức Nam Hà), những ai muốn chiếm xứ này, phải đánh cho được dinh Quảng-Nam (Làng Thanh Chiêm, cách Hội-An tám, chín cây số ngàn) và chế ngự hải cảng ấy (3). Nếu không thì lực lượng chủ yếu của Triều đình Phú-Xuân trấn đóng ở đây, thường do các con Chúa lãnh đạo, sẽ vùng dậy để phản cộng mặt Nam hoặc

mặt Bắc. Và đạo quân trấn đóng vùng này, cả thủy lẫn bộ, với nhiều tiềm lực quân sự mà chưa bị tiêu diệt thì dòng họ Chúa Nguyễn còn thành thời an tọa.

Bởi lẽ đó, khi Tây Sơn nổi lên, họ tiến quân ra đó; khi quân Trịnh vào Thuận-Hóa liền tiến đánh vùng này, khi Gia-Long phục quốc, khu vực ấy đã suy yếu, vậy mà Nguyễn Ánh vẫn ngự tàu Thoại (của riêng ông) thu phục Đà-nẵng, chiếm đóng Quảng-Nam rồi mới sai cả thủy, bộ tấn công Phú-Xuân.

Bởi lẽ Quảng-Nam có địa - thế

(1) Bách Khoa các số 389 (I) và 390 (K).

(2) Danh xưng Nam Hà của người Bảo và người ngoại quốc thời đó.

(3) Sau khi vua Gia Long phục hồi lại triều Nguyễn thì việc hải phòng thiên về Đà-nẵng. Pháp ban đầu cũng nghĩ là phải chiếm Đà-nẵng chế ngự Việt-Nam nên đã mấy phen tấn công.

xung yếu, một mặt bảo vệ kinh-đô, một mặt tỏ chức Nam tiến nên ai giữ được là có hy vọng giữ được kinh đô và khống chế Miền Nam nên nó trải qua không biết bao nhiêu bị n cổ « gà luộc mấy lần », nhân dân vô cùng đau khổ. Suốt thời kỳ Tây Sơn tranh hùng với Trịnh, Nguyễn, những địa danh của nó như Cu Đê, Hàn, Cần Sa, Hội An, Bến Ván (Bản Tân)... luôn luôn được nhắc tới vì hết ở tay chủ này lại chuyển sang tay chủ khác chưa kể những cuộc vùng dậy ở địa phương.

Và đó cũng là lý do khiến thân phụ Nguyễn Du vào Hội An.

oOo

Trước khi tìm gặp Xuân Quận-công Nguyễn Nghiễm, ta cũng nên biết lý do tại sao ông vào đây.

Thời kỳ này, Chúa Nguyễn ở Phú Xuân đang trải qua sóng gió lớn. Quyền thần Trương Phúc Loan muốn tái diễn trò « Vua Lê, Chúa Trịnh » ở Nam Hà. Tây Sơn nổi lên. Chúa Trịnh thừa cơ hội diệt Nguyễn để nhất thống (1) như lẽ tất nhiên của lịch sử bất buộc. Trịnh chuẩn bị lên đường. Tĩnh-đô-vương Trịnh Sâm theo lời cầu của Bùi Thế Đạt trấn thủ Nghệ-An « đương đêm cho triệu Chuông phủ Đại-tư-đồ quốc-lão Việp Quận-công Hoàng Ngũ Phúc (đương nghỉ việc ở nhà) và Tham-tụng Đại-tư-đồ Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm vào bàn việc đánh Thuận-Hóa. Hai vị đại thần đều tán thành. Liên sai Hoàng Ngũ Phúc làm Thống suất Bình Nam Đại tướng quân » (Việt Sử

Xứ đảng trong của Phan Khoang, Khai Trí 1969 trang 261) và sau khi Ngũ Phúc tiến quân sâu vào Nam Hà thì Nguyễn Nghiễm làm Tả Tướng quân tiến vào Nghệ-An; Chúa Nguyễn phải lo diệt Trương Phúc Loan, quyền thần, theo yêu cầu Hoàng Ngũ Phúc. Nhưng diệt Loan rồi, Phúc cứ tiến vào Phú Xuân; Chúa Nguyễn phải chạy vào Quảng Nam. Tĩnh-đô-vương Trịnh Sâm thúc Phúc đuổi theo. Nguyễn Nhạc bấy giờ chiếm Quảng Nam, nhân cơ hội Chúa Nguyễn vào liền bắt Hoàng Tôn Dương để giả tạo mình chủ và chính thức đương cự với quân Trịnh nhiều trận. Những danh tướng miền Bắc như Hoàng Đình Thề, Hoàng Phùng Cơ, đều có tên trong các trận chiến tiếng tăm này. Trận Cẩm Sa có tính cách quyết định chiến trường được diễn ra như sau vào năm 1775 : « ... Hoàng Đình Thề đến Cẩm Sa. Nguyễn văn Nhạc sai Tập Đình làm Tiền-Phong, Lý Tài làm Trung-quân đem 6.000 quân, hơn 30 thớt voi chia làm 5 chi đón đánh. Quân Tây Sơn đều đội khăn đỏ, mình trần, xông vào đánh bừa, không đội thành trận. Trước kia quân Tây Sơn đánh thắng quân Chúa Nguyễn luôn là nhờ cách đánh ấy. Không ngờ nay quân Trịnh, mặc dầu hỗn dẫu, vẫn nghiêm trận, không động. Hoàng Đình Thề nhắm trước mặt thúc voi tiến đánh. Quân Tây Sơn hoặc bị giết,

(1) Chữ « nhất thống » đây có nghĩa khác với nhất thống trong sách Hoàng Lê nhất thống chí, chẳng hạn như câu « Sâm (Trịnh) có chí thống nhất đất nước » trg 39, nghĩa là Trịnh Sâm muốn giết Lê, cướp luôn ngôi ở Bắc.

hoặ bị voi rầy, chết không xiết kể, bèn vỡ cày. Tập Đình đem 1 chi quân ở đằng sau, dựng cờ, đánh trống trong rừng làm nghi binh, rồi phục binh ở ấp Biều-Mang (1) để tập kích hậu quân của Trịnh, nhưng cuối cùng cũng bị tướng Trịnh là Nguyễn Đình Đồng đánh bại. Hoàng Ngũ Phúc sai quân đuổi theo, Tây Sơn thủy binh thì do cửa Đại Chiêm ra bể, bộ binh thì nhắm Quảng Nghĩa mà chạy. Quân Trịnh bị t được đồ đảng, quân nhu, khí giới rất nhiều, đuổi theo đến Thanh Hà, rồi chiếm dinh Quảng-Nam (2), Việc Quận công bèn đóng quân lại ở đây, tuyên dương đức ý của Triều đình, phủ dụ dân chúng." (3)

oOo

Vậy trận Cầm Sa phải xem là trận thua lớn nhất của Tây Sơn ở thời kỳ đầu tiên nhưng không ngờ cũng là lý do và cơ hội để Trịnh đại bại sau này khiến Tây Sơn làm chủ Việt-Nam. Về dấu tích trận này, chúng ta có thể vòng quanh ra các chùa sau Hội An. Nơi đây có chùa Chúc Thánh (hay Chùa Khoai), một trong những chùa cổ nhất Việt Nam còn lưu lại và bên cạnh là chùa Phước Lâm. Chùa Chúc Thánh do người Trung Hoa dựng còn chùa Phước Lâm thì do người Việt Nam lập. Tôi nghĩ chùa Chúc Thánh cũng là di tích cổ nhất của thành phố được xem là thành-phố-Cổ-viện vì hầu hết những đền đài nhà cửa trong Hội An chỉ có mới vài ba trăm năm trở lại đây, còn các chùa lịch sử này thì có trên dưới 500 năm. Trên nóc chùa Chúc Thánh, còn một

cây xa-cò dưới cây đòn dông, có ghi rõ dòng chữ này, ai cũng có thể đọc được (nếu biết chữ Hán): « Cảnh Thái ngũ niên ». Cảnh Thái, niên hiệu Vua Trung-Hoa thế kỷ XV (1450-1456) đến nay là 518 (năm trăm mười tám) năm. Chùa Phước Lâm chỉ tạo sau đó trên dưới hai mươi năm, nghĩa là cũng đã đến 5 thế kỷ rồi. Sự kiện rành rành như thế mà nhiều nhà khảo cổ tiếng tăm không biết. Cả giáo sư Trần Kính Hòa, người chuyên nghiên cứu Hội An (chúng tôi sẽ trình bày vài công trình của ông) cũng không biết và ông đã nhờ cụ Thái Phước Thực tìm xem họ sau khi ông rời Việt Nam. (Điều đáng cho các giáo sư Việt Nam ta lưu ý là ông cụ người Tàu nói tiếng Việt đôi khi còn «cứng» này đã tự tạo một quyển Tự-diễn các triều Vua Trung Hoa-Việt Nam đối chiếu (và tôi nhờ sách ấy mới tra ra hiệu Cảnh Thái) và cụ còn đang soạn một bộ Tự-diễn chữ Nôm là thứ chữ đáng ra các giáo sư Việt Văn phải biết, song rất ít ai chịu học và một số phải cầu cứu ông khi gặp tiếng mẹ đẻ cổ kính này.)

Tôi nhắc tới hai chùa ấy vì vị trụ trì chùa Phước Lâm đã dẫn và chỉ cho tôi xem những biển đời lớn của các chùa vùng này do trận Cầm Sa gây nên. Nguyên chùa trước kia

(1) Tôi đoán là Bồ Mưng mặt địa danh gần Đà Nẵng.

(2) Nay thuộc làng Thanh Chiêm như đã nói trên.

(3) Việt sử Xứ đảng trong. Sđd trang 279

rất thấp, rồi khi xảy ra trận đánh kéo dài cả chục cây số, quân hai bên xung sát kịch liệt đã dẫn tới chém giết nhau tại vùng này. Các tường quanh nhà chùa đều bị san phẳng, tảng ni chạy trốn hết. Về sau mới trở lại, nhặt nhạnh những gạch ngói xây đắp nên cảnh chùa mới. Vậy tuy là chùa tạo dựng đã lâu, song cũng có nhiều thay đổi khác trước do lần tái tạo cách đây hai trăm năm.

Một trận đánh mà kéo dài từ Cầm Sa (gần Đà Nẵng) quanh biển xuống tới ngoại ô Hội-An thì quả thật — so với thời ấy — đáng gọi là trận đại chiến. Nhờ những địa danh còn lưu lại trên khắp mặt trận Quảng Nam, diễn tiến từ Hải Vân qua Cu Đê vào tới Bến Ván, một sử gia nào đó nếu theo dõi có thể vẽ lại đồ biểu cuộc chiến tranh rộng lớn trên khắp vùng Quảng Đà (Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Tín) thời kỳ này, tưởng cũng không khó khăn lắm.

oOo

Bây giờ, ta theo dõi lực lượng Hoàng Ngũ Phúc thắng trận vào Nam.

Phúc đóng ở đâu? Trên kia có nói lực lượng ấy đóng trên dinh Quảng Nam (Thanh Chiêm) vậy bộ phận nào ở Hội An? Tôi không rõ. Nhưng chắc chắn là phải có những đội quân nòng cốt. Cũng chắc chắn là bạn các ông Xuân Quân công Nguyễn Nghiễm có tới thăm Chùa Ông vì hiện nay còn lưu lại đến ba

bài thơ hoặc xướng họa, hoặc đề từ ở đó. Các bài thơ này đều được khắc gỗ rất trang trọng, treo ngay phía trước chánh điện (nơi có tượng thầy trò Quan Công) được xem như những báu vật quý trọng nhất, mặc dầu trên mấy trăm năm nay, chùa không thiếu gì hoành phi, câu đối qua các thời Vua Càn Long, Quang Tự cho tới hiện đại.

Tiện đây, tôi ghi vài nét về Chùa Ông, ngôi chùa danh tiếng của Hội An, tọa lạc ngay trước chợ (góc đường Cường Để, Nguyễn Huệ) luôn luôn có người vào ra xin xăm, xin bói. Chùa rất rộng lớn, kiến trúc theo lối Tàu. Giữa có chính điện, hai bên có tả vu và hữu vu. Chúng ta vào chùa, phải qua một tiền đường, một mảnh sân có bày cây kiềng mới tới chính điện nơi thờ Ông. Ông là Quan Vân Trường hay Quan Võ, hay Quan Công, được xưng tụng là Quan Thánh đế quân, đời Tam quốc, tiêu biểu cho lòng Trung Nghĩa. Chùa này, chắc có từ lâu, vì dưới thời Chúa Nguyễn Phước Châu (1674-1725) đã thấy Thích Đại Sán ghi trong « Hải ngoại Ký sự ». Người Trung Hoa ra Hải ngoại, lập Chùa Ông ngoài lễ thường, còn hàm ý tỏ lòng trung với nhà Minh mà họ cho là chánh thống, còn nhà Thanh họ cho là tà ngụy, và trong bọn người lưu vong ấy không thiếu gì kẻ vẫn nuôi chí « phản Thanh phục Minh ». Lâu ngày ở Việt Nam, họ trở thành « Minh hương » và hạng này đã đóng góp rất nhiều cho sự thịnh vượng của Hội-An; sự

canh tân cải tiến ấy đã biến cải tình nhỏ của Miền Trung trở thành xứ sở lãnh đạo Phong trào Duy Tân một thuở nào.

Tôi thường tới Chùa Ông không phải để xin xăm, xin bói, để hỏi vận số nơi mấy anh chàng nói phét lấy tiền các bà, các cô nhẹ dạ mà để ngắm các pho tượng ở chính điện. Tôi không rõ miếu Quan Võ ở Chợ lớn các tượng to lớn thế nào chớ tại đền này thì thật là to. Ít nhất tượng «Quan Ngải» cũng phải to bằng ba bốn người, nặng trên trăm ký, mặt đỏ gay, râu năm chòm, mặc lục bào uy nghiêm hùng tráng. Lúc còn nhỏ, tôi không dám nhìn thẳng mặt ông. Lớn lên thì không chỉ nhìn thẳng, tôi còn tỉ mỉ quan sát và buồn cười khi thấy có ai đặt vào cánh tay hộ pháp của ông một chiếc quạt con rất khôi hài.

Lần này, tôi còn cần chép những lời tán tụng ngài của một đoàn tướng lãnh quan trọng của Bắc Hà. Tôi đã mời cò ghi lại rồi nhờ ông bạn già, Nguyễn Bội Liên, người cũng đã từng ngắm nghĩ nhiều về các bài thơ này phiên dịch ra quốc âm (1).

Sư đề Hội An đề Quan Phu Tử miếu

*Nguy ếp viêm đồ khải khái thân.
Đào viên huynh đệ tức quân thần.
Trực tướng trung nghĩa sư thiên cổ.
Vô luận anh hùng địch vạn nhân.
Tâm thượng Cao, Quang hoàn nhất
thống.*

*Quốc trung Ngô, Nguy thất tam phân.
Chỉ kim vạn quốc đồng chiêm phụng.
Phỉ trực nguy nhiên hải thượng thần*

Cảnh Hưng tam thập lục niên Ất vị (mùi) đoan dương tiết. Tứ Tân hội khoa Tân sĩ, kim Tử Vinh Lộc Đại phu, Phụng sai Tả tướng quân nhập thị tham tụng, Hộ Bộ Thượng-thư tri Đông các kiêm tri trung thư giám, Quốc sử Tổng tài, Đại tư đồ trí sĩ khôi phục Trung Thiệp Quân Doanh.

Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm Hy tư phủ thơ.

Năm Ất mùi (vị) vua Cảnh hưng (Hiền Tông) thứ ba mươi sáu, tiết đoan dương (5/5) (1775) Được tứ Tán sĩ khoa Tân-hội phong chức Kim tử vinh lộc đại phu, được sai làm chức tả tướng quân nhập thị tham tụng, chức Thượng thư bộ Hộ, coi việc ở Đông các kiêm chức Trị trung thư giám và chức Tổng tài ở Quốc Sử quán, chức Đại tư đồ, đã về hưu trí được phong lại chức Trung thiệp Quân doanh là :

Xuân Quận công Nguyễn Nghiễm hiệu Hy tư phủ đề thơ

Tạm dịch :

Quân đến Hội An đề miếu Quan Công

*Phò vua khải khái một niềm,
Vua tôi mà cũng anh em vườn đào.
Nghìn năm trung nghĩa gương cao.
Anh hùng địch vạn người sau lọ bàn.
Tấc lòng ví tựa Cao, Quang.
Chia ba dưới mắt đầu mang Nguy, Ngô.
Đến nay thiên hạ phụng thờ
Nguy nga đền miếu ngưỡng nhờ uy linh*

Phụng Tùy Bình Nam Nhung vụ kinh Hội An phổ đề Quan phu tử miếu thi :

*Vị quốc đơn tâm hứa quốc thân
Nghĩa tại tự đệ tiết tư thần*

(1) Trong cuốn « Quảng Nam nhân vật lược chí » 1969 do Ty Tiểu-học Qui Nhơn ấn hành, ông Nguyễn Bội Liên đã giới thiệu các bài thơ này.

Anh hùng phi đán Thục tam kiệt.
 Trung liệt đương cầu cổ nhất nhân
 Trục bá viêm đồ vi kỷ trách
 Khảng tương xích đảng hứa thù phân.
 Giác oa thế sự đồ trần tích
 Chánh khí dương dương vạn cổ thần.

Và Lạc khoản đề là :

Tứ Binh Tuất khoa Tấn sĩ phụng thị
 (một chữ không rõ) giảng thiêm sai tri thị
 nội thủ tả công phiên, Đông-các đại học
 sĩ Uông-Sĩ-Điền (1) canh hòa tả tướng
 quân tham tụng tôn quý đài nguyên vận
 tức là Tiến sĩ Uông Sĩ Điền ở trong đạo
 quân bình Nam, họa nguyên vận bài thơ
 của Nguyễn Nghiễm.

Vì nước lòng son, hiển cả mình,
 Nghĩa tuy tôi chúa, thật em anh.
 Thanh danh đất Thục ba người kiệt,
 Trung liệt đời xưa một kẻ thành.
 Quyết đồ cơ đồ làm trách nhiệm,
 Thế chia chân vạc đề ai dành?
 Việc đời sừng ếch đều phori dấu.
 Chính khí muôn năm đề tiếng linh.

Tả tướng quân thiêm tụng Tôn
 quý đài nguyên vận.

Cang thường nhậm trọng trí kỳ thân
 Thất mã đơn đao thế đệ thần
 Tam quốc anh hùng vô địch thủ
 Nhấ trường trung liệt hữu hoàn nhân
 Uy lưu Hoa hạ thù thiên cổ
 Nghĩa tại xuân thu bình thập phân
 Chính khí dương dương khung như
 ịnh
 Năm niên vi tướng ức niên thần.

Tứ Quý mùi khoa Tấn sĩ hàn lâm viện
 thị giảng Phu-Hiên Nguyễn Kim Tân (2)
 canh hòa Tả tướng quân tôn quý đài nguyên
 vận Hoàng Triều Cảnh Hưng tam thập lục
 niên Ất mùi mạnh hạ kinh đề.

Tức là bài họa của tiến sĩ Nguyễn Kim
 Tân năm 1775 ;

Tạm dịch :

Nghiêng mình đồ nặng gánh cương
 thường
 Gươm ngựa xông pha vạn dặm trường
 Ba nước anh hùng không kẻ thắng
 Một niềm trung liệt khó người đương
 Oai vang Hoa hạ nghìn thu đề
 Nghĩa sánh Xuân Thu mấy dễ nhường
 Tướng hai chục năm, thần vạn thu
 Phò vua chính khí tiếng còn vang.

Quan phu tử miếu tán :

Thiên quyền tây cổ
 Độc sinh thần võ
 Viêm tộ thi vi
 Phi cung tam cổ
 Đào viên nhất tự
 Huynh đệ quân thần
 Tả chu hữu triền
 Lịch khám phục đồn
 Bắc Ngụy Đông Ngô,
 Tam phân đánh túc
 Thất mã đơn đao
 Đế Hán ư Thục
 Xích tinh nhất tuyến
 Xung mạc khả hồi,
 Cao, Quang cự vật
 Thóa thủ tòng khôi
 Phi trục đã dưng
 Phi trục đã trí
 Trung nghĩa lưu quang
 Thiên thu ngững chỉ.
 Bí cung hữu tuất
 Di tượng hữu nghiêm
 Mặc phò ngã Việt
 Hích hích viêm viêm

Tả tướng quân Hồng Ngự cư sĩ đề

(1) Trên bảng không rõ là Dư hay Điền,
 sử ghi là Điền.

(2) Trên bảng đề là Nguyễn Kim Tân,
 nhưng sử ghi là Nguyễn Lệnh Tân.

Dịch :

Trời doái về Tây
Sinh đấng thân võ
Giang sơn nghiêng ngửa,
Vời hiền ba phen
Đào viên kết nghĩa
Vua tôi anh em
Vua giúp tá hữu
Giành đất phá đồn
Nguy bắc, Ngô đông
Chia ba chân vạc.
Một ngựa một gươm
Vua Hán đất Thục
Lòng son một g di
Cát bụi san tằm
Cao, Quang đất cũ
Vung tay lại dăng.
Lòng ngay ấy đủ g
Dạ thẳng tứ tài.
Trung nghĩa sáng chói
Nghìn thu gương nhờ
Điện thờ nghi ngút
Thần tượng uy nghiêm.
Giúp cho nước Việt,
Hiền hách lừng thom.

Tả tướng quân Hồng Ngự cư sĩ đề
(Hồng Ngự là đạo hiệu Nguyễn Nghiễm)
Tất cả bốn bài trên đều đề năm Cảnh Hưng
ba mươi sáu, Ất vị, tức là 1775.

Tiết đoan dương. Ta nên nhớ trận Cầm
Sa xảy ra ngày 24-4 âm lịch mà 5-5 âm
lịch đã có mặt các vị này ở đây—chưa đến
nửa tháng — là rất sớm.

Chúng ta đã đọc những bài thơ
trên, những thi phẩm mà tôi không
làm bàn giá trị kỹ thuật và thi tứ,
song tôi biết nó thuộc loại di tích
quí báu ít khi có cơ hội tìm thấy ở
vùng Nam Hà, tôi tự thấy có bổn
phận ghi lại vài nhận xét nhỏ.

Nguyễn Nghiễm, danh sĩ hiệu

Nghi Hiền, biệt hiệu Hồng Ngự cư
sĩ. Ông người làng Tiên Điền, huyện
Nghị Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, đỗ Hoàng
giáp khoa Tân Hợi 1731, làm quan
trải các triều Lê Thuần Tôn, Ý Tôn,
Hiền Tôn. Ông là thầy của Nguyễn
Thiếp tức La Sơn Phu Tử và
cha của Nguyễn Khản làm Tham
tụng, Nguyễn Điều, Nguyễn Nể,
Nguyễn Du... Ông cũng là sử gia,
tác giả « Việt sử bị lãm » và là thi
sĩ với hai tác phẩm « Xuân đình tạp
vịnh » và « Quân trung liên vịnh ».

Trên đây, Nguyễn Nghiễm đến
thăng miếu Quan Võ để thi
cho chúng ta thấy ông rất quan
tâm các lễ trung nghĩa. Không chỉ
làm một bài thất ngôn bát cú cho hai
bạn họa, ông còn làm riêng một bài
tán dài ký là *Hồng Ngự cư sĩ* nữa,
như thế càng chứng tỏ ông quan
tâm tới mức nào. Bài trên và dưới
có mang tâm sự nào riêng của ông
không? Người ta bảo ông có làm
bài phú « Khổng tử mộng Châu
công », ần dấu tâm sự dựng lại cơ
đồ nhà Lê, có thật không? Những
bài thơ trên đây của người tướng
viễn chinh có cơ hội thuận lợi rất
dễ biểu lộ tư tưởng thâm kín, có
thật sự phản ánh nỗi niềm riêng tư
ấy không, với :

« *Tâm thượng Cao, Quang (1) hoàn
nhất thống?*
Quốc Trung Ngô Ngự thất tam phân? »

Những tư tưởng ấy thật ra chỉ
nói cái hoài bão đánh chiếm lại Nam

(1) Hán Cao Tò, Hán Quang Võ là
những người dựng nên cơ đồ nhà Hán.

Hà, tiêu diệt sự chia cắt để nhất thống cho *Lê-Trịnh* mà thôi. Hoài bão đó càng trở nên thật rõ rệt, và đây hình ảnh trong bài trường thiên :

*Bắc Ngụy, đông Ngô
Tam phân đánh túc
Thất mã đơn đao
Đế Hán ư Thục
Xích tinh nhất tuyến
Xung mạc khả hồi
Cao Quang cự vật
Thỏa thủ từng khôi...*

Ta có cảm tưởng rõ rệt giữa cảnh tam phân Lê Trịnh, Nguyễn, Tây Sơn, chàng Tả tướng quân Nguyễn Nghiễm một người, một ngựa xông pha nơi đèo heo hút gió (đất Thục) để dựng lại cơ đồ Chúa cũ (đế Hán). Chàng chỉ có :

*Lòng oan một giải
Cát bụi san bằng
Cao Quang đất cũ
Vung tay lại dăng (khôi phục)*

Nguyễn Nghiễm có lý tưởng cao đẹp (theo ý ông) như thế không? Tôi ngờ là có. Vì ông là vị quan văn đã về hưu rồi mà còn được Chúa Trịnh nửa đêm mời ra thì ngoài tài năng, đức độ, tất ông phải có một quan điểm, một chí hướng được chúa tin cậy, chia xẻ hay chấp nhận. Sự kiện về hưu, các sách không nói, song chính tài liệu trên kia nói rõ (Đại tư đồ trí sĩ khởi phục trung thiệp quân doanh). Như vậy, chúa Trịnh đã hết sức tin cậy ở cha con ông. Và như thế Nguyễn Nghiễm là một trong hai người (người kia là Hoàng Ngũ Phúc, Tổng tư lệnh) được Chúa Trịnh đặc

biệt mời đến để giao toàn quyền quyết định việc Nam xâm và chúng ta có thể đoán Nguyễn Nghiễm còn là tai mắt của chúa. Vì bấy giờ con của Nghiễm là Nguyễn Khản, anh ruột Nguyễn Du, đang giữ địa vị trọng yếu nhất của Triều Lê Trịnh. Hoàng Lê nhất thống chí đặc biệt nhấn mạnh : « Trước Khản làm Tả thị lang, sung chức bồi tụng, với Xuân quận công cùng ở chính phủ. Sự « sang yếu » của Khản hồi ấy, so với các quan văn võ thật là có một không hai (trang 35). Không chỉ Trịnh Sâm mà sau này Trịnh Tông lên lại vẫn giữ nguyên, nếu không hơn, nội cảm tình kỳ lạ đó đối với gia đình Xuân Quận công « Tông (sau khi bị giam rồi được kêu binh giết Trịnh Cán, con Đặng Thị Huệ, đưa lên làm Chúa) được hơi yên ; liền đem những người thân cận vào chỗ trọng yếu ; Tả tử giảng Nguyễn Khản được làm Tham tụng » (trang 35) (1). Không chỉ Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Khản mà đến Nguyễn Điều (em ruột kế ngay Khản) cũng có địa vị lớn theo sự xếp đặt của chính Khản « Nguyễn Khản lúc mới phục chức, được làm trấn thủ Sơn Tây, đến khi vào làm tể tướng, thì cho em ruột là Điều (2) nhạc hầu Nguyễn Điều ra thay » và chính Nguyễn Điều đã bày cho Khản một cái mưu giết hết kêu binh — nhưng không thành — đã khiến các trấn và cả kinh thành Thăng Long rung động một thời... Những chuyện

(1) Ngô Tất Tố dịch, Tự Do. Sài-gòn 1958.

(2) Tôi ngờ là Điều (vì tên Nguyễn Điều) (X).

này, riêng trong Hoàng Lê nhất thống chí, đem chép cả lại cũng được một bài thi vị. Ở đây, tôi chỉ cốt chứng minh là cả gia đình Xuân Quận công được yêu chuộng tới đâu và vào mặt thời, Chúa Trịnh Tông còn nhiều lúc muốn đem cả *thân mình che cho Nguyễn Khản khỏi bị hại* là khác. Trờ lại thời Nguyễn Nghiễm còn ở Quảng Nam, lực lượng Chúa Trịnh Sâm đang hùng mạnh đuổi Chúa Nguyễn vào Nam, truy kích Tây Sơn đến Bến Van (Bản Tân) rồi vào Quảng Ngãi. Nếu truy kích nữa, với thế chẻ tre ấy, chắc gì Tây Sơn tồn tại, nhất là bây giờ, quân Nguyễn Nhạc đang ở tình trạng rối ren nội bộ; đó là chưa kể tai họa Lý Tài, Tập Đình người Trung Hoa chiến đấu cho Tây Sơn gây ra. Nhưng quân Trịnh đã dừng lại ở Quảng Nghĩa. Hoàng Ngũ Phúc đóng ở Châu Ô. «Trong khi ấy Nhạc bèn đón Đông cung (Hoàng tôn Dương) về Quy-Nhơn. Lúc ấy quân của Hoàng Ngũ Phúc đóng đồn ở Quảng Nam, quân của Tổng Phúc Hạp tiến đến Phú-Yên, Nhạc sợ không chống nổi bèn dời Đông cung về Hà-Lieu và An Thái, đem hết tiền của châu báu giấu ở Tây-Sơn-thượng để né tránh, lại sai đáng viên, bọn Phan văn Tuế cầm thư và vàng lụa đến Hoàng Ngũ Phúc xin nộp đất ba phủ Quảng Nghĩa, Quy-Nhơn, Phú Yên xin làm tiểu tướng vì đại quân đi trước tiến lấy Gia-định. Ngũ Phúc bằng lòng, bèn tạm trao chức cho Nhạc làm Tây Sơn hiệu trưởng Tráng tiết tướng quân, sai bọn Nguyễn hữu Chính đem sắc, ấn, cờ gươm cấp cho Nhạc» (1)

Hoàng Ngũ Phúc đã mắc mưu Nhạc rồi. Ở đây, như nói trên kia, Nhạc biến bại thành thắng. Ít lâu sau, quân Trịnh đóng ở Quảng Nghĩa mắc bệnh dịch, chết vô số. Hoàng Ngũ Phúc cho rút quân về. Chỗ này cho thấy tinh thần hèn kém, vô trách nhiệm của viên tướng già Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc. Vì đã gọi là tướng có một chút kiến thức, ai cũng biết muốn giữ Thuận Hóa tất phải giữ Quảng Nam vì hễ môi hở thì răng lạnh. Sự quyết định của Phúc sẽ di hại rất lớn sâu xa về sau. Đó là lý do khiến hai vị đại tướng khác chống lại: Nguyễn Nghiễm và Nguyễn Lệnh Tân. Hai vị này muốn quân Trịnh lưu lại, đặt các quan trấn thủ. Chắc chắn họ đã thấy rõ khu vực *chiến lược* này liên quan tới đại cục Phú Xuân và Bắc Hà như thế nào rồi. Mất hai phủ Thăng (Thăng Hoa) Điện (Điện Bàn) tức là vùng Quảng Nam thì quân đóng ở Thuận Hóa sẽ bị đánh úp bất cứ lúc nào như các chúa Nguyễn, Tây Sơn đã từng kinh nghiệm và sẽ chứng tỏ.

Hoàng Ngũ Phúc tại sao lại nhất quyết rút về? Ai đọc qua lịch sử đoạn này cũng có thể thấy mấy lý do khiến viên đại tướng ấy lui binh:

- a/ Ông đã già yếu quá rồi. Sự kiện hiển nhiên là khi về Thuận Hóa, ông bị bệnh rồi chết trên đường về Bắc.

- b/ Ông đã thỏa mãn, hoàn toàn thỏa mãn. Không kể danh vọng, phẩm

(1) Nhà Tây Sơn. Đại Nam chính biên liệt truyện. Phủ QVKĐTVH Sài-gòn 1970. (trang 6b — 7a).

tướng, ông còn vơ vét được một số vàng quá lớn :

* Vàng của Trịnh Sâm cho riêng 100 lượng khi ông chiếm được Phú Xuân,

* Chúa Nguyễn nhân tờ biểu dâng vua Lê, tờ khai dâng chúa Trịnh cũng biểu riêng ông 200 lượng,

* Con Trương Phúc Loan nhờ Tuân-thọ-hầu dâng 30 nén vàng (một nén từ 20 đến 24 lượng) 200 nén bạc để chuộc tội. Đó là chưa kể không biết bao nhiêu lần kính biểu, cho chác khác — hoặc cho Ngũ Phúc hoặc cho nhân viên. Đến nỗi Lê Quí Đôn phải hỏi : « Sao còn nhiều vàng thế ? »

* Chúng ta đoán ông đã thu vô số tiền bạc khi chiếm Thuận Hóa mà chia khóa kho tàng nằm trong tay tỳ tướng Hoàng Đình Thề.

* Nhận số vàng của Tây Sơn như đã thấy trên kia, trước khi lui quân khỏi Quảng Nghĩa...

Thuở ấy, Quảng Nam còn cả một mỏ vàng. Lê Quí Đôn đã tả lại trong Vũ-biên tạp-lục những cách lấy vàng, đãi vàng trộm vàng. Mà nguồn Thu Bồn lại thuộc quyền « lương bổng » của Trương Phúc Loan. Người ta đã tả khá nhiều về cái giàu vô hạn của viên thái phó này, kể cả trong sách Âu Tây, tôi không cần nhắc lại. Tôi chỉ muốn nói là Hoàng Ngũ Phúc ít ra cũng đã quá nặng túi tham, lại quá mệt mỏi rồi, bây giờ chỉ nghĩ tới sự mang vàng về Bắc mà tận hưởng tuổi già, còn gì vui sướng hơn. Bọn

tướng tá quân sĩ của ông quá no nê rồi. Chẳng hạn, con Trương Phúc Loan đã từng cho Tào Nhuận, tỳ tướng của Ngũ Phúc, 30 nén vàng (600 lượng). Hay như đoạn sau này, chép lại theo Vũ-biên tạp-lục : « Nguyễn Phước Thuần cùng bảy tôi (...) lại bỏ thuyền đi đường núi, qua núi Hải Vân, ẩn ở trong chùa ba ngày. Việc quận công sai bọn Hoàng Đình Thề đuổi kịp Phước Thuần. Những người đi theo (Phước Thuần) đều chạy tan cả, quan quân tranh nhau lấy vàng ngọc, không đuổi đến cùng » (1).

Xem qua đó đủ biết tư cách Hoàng Ngũ Phúc và quân đội của ông ra sao rồi. Bây giờ họ đều giàu có, vàng bạc nặng túi, việc gì phải ở lại hy sinh cho cái lý tưởng mù mịt của ai ai !

Ấy thế mà lịch sử số vàng bạc của Hoàng Ngũ Phúc mang về chưa phải chấm dứt với cái chết chạy trốn của vị Đại tướng Tổng tư lệnh đầu. Vẫn phải có đoạn hậu như sau « ... Vì khi Ngũ Phúc chết, cả Hữu Chính lẫn Đình Báu đều bị cáo là đã lấy trộm của cải của Ngũ Phúc và đều bị tù ». (2). Hữu Chính tức Nguyễn Hữu Chính, chúng ta quá quen biết. Còn Hoàng Đình Báu thì đúng ra là Hoàng Đăng Bảo cháu Việp quận công (sách vừa nhắc cũng bảo thế) và ông là Huy quận công hay quận Huy, rể chúa Trịnh Doanh

(1) Việt sử xứ đàng trong (sđđ, trg 274).

(2) Nguyễn Phương — Việt Nam TBT : Tây Sơn. Khai Trí 1968.

khét tiếng một thời (xin xem lại Hoàng Lê nhất thống chí, sđd) cả hai người ấy mà phải tù vì chuyện vàng của Ngũ Phúc thì ta có thể đoán Phúc giàu đến mức độ nào sau cuộc viễn chinh ăn cướp ở phương Nam!

Chỉ thương hại cho Nguyễn Nghiễm, mang tấm lòng cô trung đi gởi ở tha phương, muốn làm người anh hùng giải tấm lòng son ở Kinh Châu (Quảng Nam) cũng chẳng ai nghe. Tôi đoán ông đã dẫn những người cùng tâm sự với mình trong chuyến viếng thăm Chùa Ông này. Vì ngoài Ông Sĩ Điền mà hành tung chưa rõ, chớ Nguyễn Lệnh Tân thì thật «son sắt một lòng». Vì Tân không chịu rút khỏi Quảng Nam như đã biết mà sau này ở Thuận Hóa năm 1777 (Đinh dậu) «Ngô Câu (hay Quận Tào) mất viên đốc thân Nguyễn Lệnh Tân» (1). Lệnh Tân là người có tài lược biết phòng xa. Thấy hiểm họa Tây Sơn, Lệnh Tân nhiều lần đã trình bày với Ngô Lầu và cũng đã gởi mật khải ra Bắc cho Trịnh Sâm biết nữa. Công việc đó của Lệnh Tân đã không được ích gì, lại làm cho cấp trên nghĩ rằng ông là người hiếu sự» (2) Ông bị gọi về Bắc. Rồi Tây Sơn tiến binh gặt Quận Tào, chiếm Phú Xuân sau khi nắm vững Quảng Nam. Sự nghiệp chúa Trịnh lập tức đổ xuống dốc nhanh như chớp!

Những vị trung thần tên còn lưu lại ở Hội An này cũng không còn cơ hội xuất hiện. Và thay vì tên Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Khả, Nguyễn Điều, Nguyễn Nể, khi Gia Long chiếm trọn Nam Bắc, người ta lại thấy nổi lên một cái tên mới của giòng họ

lừng danh này : Nguyễn Du. Song đó lại là một chuyện hoàn toàn khác một «ngã rẽ tâm tình» của chính trị, quân sự và văn hóa.

Khi luận về Nguyễn Du, người ta vẫn hay nhắc tới Nguyễn Nghiễm như là kẻ có ý thức phục hồi nhà Lê và Nguyễn Du là thi sĩ hoài Lê. Tôi không rõ có ai tìm được tâm sự và di bút nào khác của các vị này ở đâu không? Chứ như qua các bài thơ trên (kể cả bài phú Khổng tử mộng Châu Công?) qua sự trọng đãi của Chúa Trịnh Sâm (3), Trịnh Tông, quá đối đặc biệt đối với gia đình Nguyễn Nghiễm, tôi khó quan niệm Nguyễn Nghiễm hay Nguyễn Du nhớ nhà Lê hơn Chúa Trịnh trong khung cảnh chính trị *Vua Lê, Chúa Trịnh* (3). Trong ngày Nguyễn Huệ trương cờ *Phù Lê diệt Trịnh* ra Bắc và Nguyễn Huệ chưa lộ bản ý thôn tính, Hoàng Lê rất có hy vọng nhất thống, cũng không thấy bóng dáng cha con ông nơi nào...

Nhiều người ngày nay thường quan niệm vào thời ấy, trung thần là *những ai muốn diệt Trịnh để phù Lê*. Tôi nghĩ là các vị ấy nên đọc kỹ lại «Hoàng Lê nhất thống chí» sẽ thấy khác hẳn thế. Chúng ta sẽ thấy cả gia

(1) 4 lần sách chép Nguyễn Lệnh Tân. Nhưng chắc chắn là sai, cũng xin nhắc : Ở Hội An đề Nguyễn Kim Tân. Kim và lệnh rất giống nhau.

(2) Tây Sơn TBT sđd. trang 142.

(3) Theo Hoàng Lê nhất thống chí, qua một đoạn tôi dẫn trên kia, Trịnh Sâm rất muốn diệt Lê để cướp nước gọi là «nhất thống».

đình Nguyễn Nghiễm thực sự phụng sự chúa Trịnh đến mức độ nào khi Nguyễn Điều giúp cho Nguyễn Khả một mưu kế đề tiêu diệt Kiều binh phục hồi toàn bộ uy quyền cho Trịnh Tông (đề... lấn hiếp nhà Lê!) Còn sự kiện Nguyễn Du có định theo Lê Chiêu Thống sang Tàu hay muốn phục hồi nhà Lê v.v... thì điều đó không có nghĩa là ông rời lý tưởng «Vua Lê Chúa Trịnh» của cha, anh ông. Thật sự, theo chỗ tôi thấy ở Bắc Hà thời ấy, qua Hoàng Lê nhất thống chí, có một người xứng đáng gọi là có lý tưởng ấy : Nguyễn Hữu Chỉnh. Tuy về sau ông có thể nào đi nữa thì cái động cơ thúc đẩy ông vào Nam đề lôi kéo Nguyễn Huệ ra Bắc với cờ «Phù Lê diệt Trịnh» ban đầu thật vì chí hướng đó và ông đã mạnh tay thực hiện hoài bão của mình khi đã trở về đất Bắc. Tôi chép lại hai sự kiện trong HLN TC để chứng minh :

a/ Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Khả, Nguyễn Điều không phải người của nhà Lê :

«... Chỉnh vốn không ưa cả hai, liền nghĩ : Gần đây triều đình vẫn tin cậy mà mình đã biết, chỉ có Tứ xuyên hầu Lê duy Phiên, Kiến xuyên hầu : Trương-đăng Quỹ, Thao đường hầu : Uông sĩ Lãng, Luyện đường hầu : Trần công Phước, Khiêm sai Nhữ công Chấn, Hoàn quận công Nguyễn Hoàn, tất cả 6 người, Chỉnh bèn tâu xin Hoàng thượng tuyên sắc đòi đến : Hoàng thượng đều lập tức vời vào (trg 79)

Nếu quả Cha con Nguyễn Nghiễm

là người có lòng với nhà Lê, làm sao Chỉnh quên được, làm sao Lê Hiền Tôn quên được ? Chuyện ấy đã quá rõ ràng.

b/ Sự kiện chứng tỏ thêm là Chỉnh thật sự tôn Lê diệt Trịnh đến cùng. Đó là việc Chỉnh giết Đỗ thế Long, bạn tù với Chỉnh, một người có tài làm thơ quốc âm như Chỉnh, được Chỉnh mời làm thượng tân, rất tin cậy, tin dùng. Vậy mà khi giết Trịnh Tông rồi, việc gì đã xảy ra :

«...»

— «Nhà vua vốn đã tôn sẵn cần gi dơi ông tôn phù ? Chẳng qua ông cũng chỉ mượn có đó để làm cho trôi cái mưu cướp bóc đó thôi. Nhưng mà nhà nước đương như bình vàng không mẻ, bỗng chốc vô có ông đưa người ngoài tới đây, làm hại chủ sủy, làm tàn nhẫn dân, người trong thiên hạ sẽ cho ông là beo, sói, điêu, quạ. Gọi là tàn tặc chưa phải quá lạm. Nay ông tựa vào thế lực ngoại quốc, chẳng qua cũng như «cáo mượn oai hùm» mà thôi. E rằng lòng người còn nhớ họ Trịnh chắc phải có ngày sinh biến. Rồi nữa người ta bỏ ông mà về, ông đem cái thân còn con đề cống cái tội tày trời, làm thế nào mà đứng vững được với thiên hạ ? (1)

Chỉnh càng cần răng tức giận, nhưng cũng vờ dỗi sắc mặt mà nói :

(1) Đây là luận điệu chung của đa số quan lại thời Lê Trịnh mà Đỗ thế Long đã thay họ phát biểu, tỏ ý vừa nhớ nhà Lê, vừa không quên công ơn và oai quyền thật sự Chúa Trịnh.

— Vậy ông bạn của giống beo, sói diều, quạ, bảo giống beo, sói, diều, quạ nên làm thế nào ?

Long đáp :

— Ông ra chuyến này, chẳng qua muốn vì ngài trấn quán trước (1) trả thù với bọn kiêu binh. Nay tại kiêu binh đã diệt, ấy là chí ông đã toại. Nếu ông xoay lại những điều đã định từ trước, khéo điều chỉnh với quý quốc, khiến họ no nê các sự ước muốn mà rút quân về, rồi ông lại chọn ở trong Tôn thất họ Trịnh, kiếm một người khá lập nên làm chúa, mà ông là 1 vị phụ tá. Đó là cái công không mấy đời có.

Chỉnh nói :

— Phải, đề tôi nghĩ xem. Bây giờ ông hãy về nhà, tìm một người nào đáng nói, sửa lại lời nói cho khéo, chờ đến khi họ thích nghe, sẽ dùng lời nói mà làm con đường tiến thân thì hơn.

Long ra khỏi, Chỉnh bảo với người chung quanh :

— Rõng (2) thì phải đưa xuống nước, không nên cho ở trên cạn để làm mê hoặc thiên hạ.

Rồi Chỉnh sai người chặn ngoài cửa, bắt Long trở lại đem ra đim xuống giòng sông Nhị-Hà». (trang 74, 75).

Đó, con người Nguyễn Hữu Chỉnh như thế đó. Vậy mà bảo cha con Nguyễn Nghiễm quả thật có bụng tôn Lê, lẽ nào ông dám quên, vua Lê dám quên vì họ đều là những nhân vật đang được trọng vọng và Vua Lê, Hữu Chỉnh đang run sợ trước thế lực

Chúa Trịnh sống lại, đang khao khát người trợ giúp như kẻ khát ở trong sa mạc.

Nguyễn Nghiễm vì nhà Lê ?

Nguyễn Du hoài Lê, không biết, không nhớ gì nhà Trịnh ?

Những thi sĩ khác được xếp vào loại hoài Lê, những tác giả « Trấn Bắc hành cung cổ dãi dầu » chẳng hạn, đều vì Lê chứ không vì Trịnh ?

Đó là những câu hỏi tôi không dám lạm bàn vì tôi không chuyên nghiên cứu văn học, sử vào thế kỷ này. Tôi muốn chờ một giải đáp có căn cứ chứ không phải những lời suy luận suông của các nhà phê-bình-tùy-bút.

oOo

Tôi tạm dừng cuộc thăm viếng lại đây đề mời độc giả vào Bình-Định nơi sào huyệt Tây Sơn vào buổi đầu Xuân.

NGUYỄN VĂN XUÂN

(1) Chỉ vào Quận Huy.

(2) Chỉ vào Long

— Đắt Mới tập san xã hội, văn học, nghệ thuật Bình Tuy dày 102 trang, gồm những bài biên khảo, hồi ký, văn thơ, về những danh lam thắng cảnh những kỷ niệm ở Bình Tuy của các cây bút gốc ở địa phương này, và « Sơ luận về những nhà thơ trên 40 ». Giá mỗi số 200đ.

— Sông sương mù tập truyện của Lữ Quỳnh do Ý Thức xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập truyện thứ 2 của tác giả dày 94 trang gồm 6 truyện ngắn, in đẹp. Giá 250đ.

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngô-Lão — SAIGON

Điện thoại : 25.861

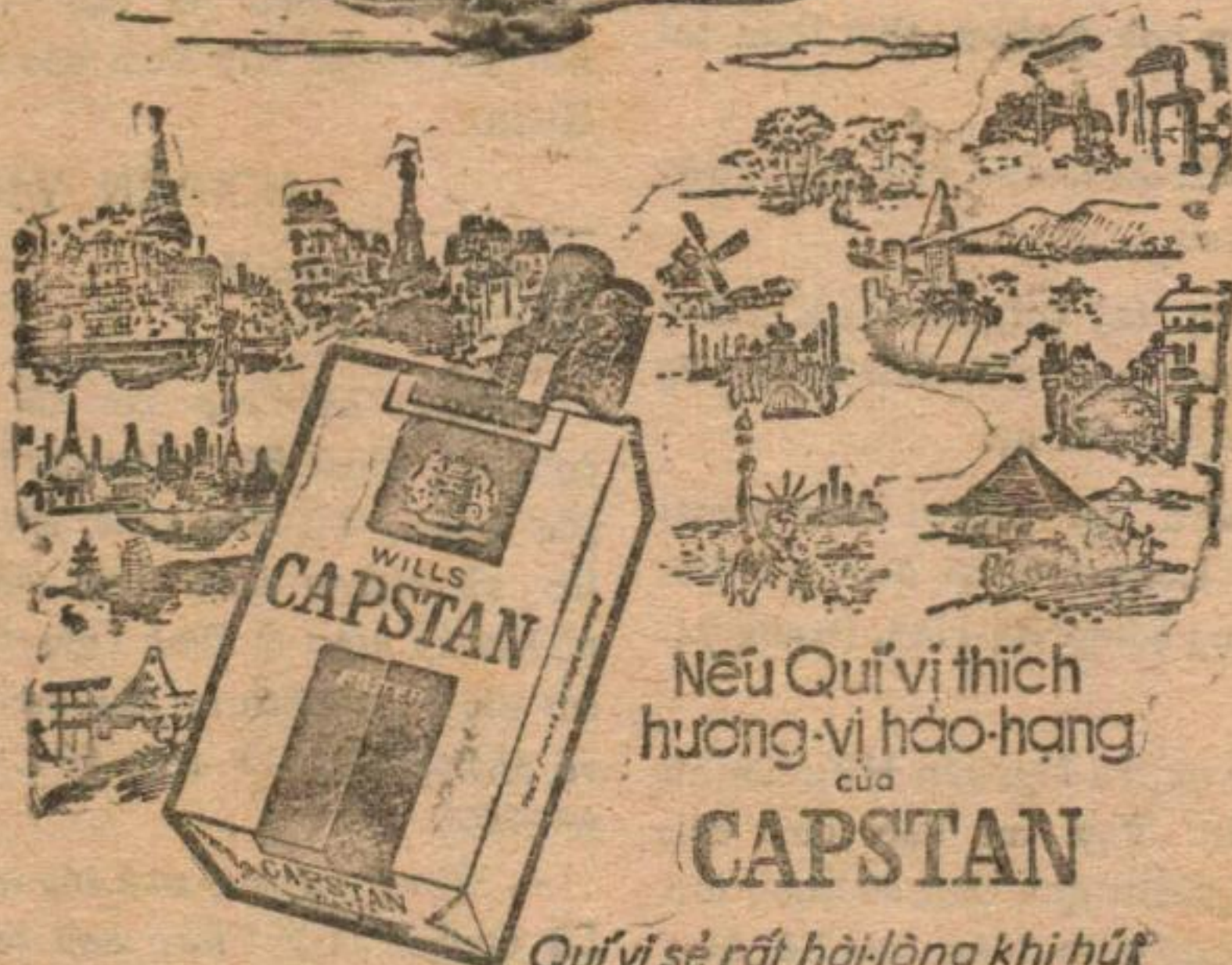
NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Cởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc

Ước vọng hòa bình qua những bài thơ chống chiến tranh của Đỗ Phủ

Xưa nay bất cứ không gian thời gian nào, chiến tranh vẫn là hiện thân của bạo tàn, của đổ nát, của mọi mất mát đau thương đối với con người. Đó là một định luật tất yếu, mà cũng là một thực tại hiển nhiên theo đúng cái hiển nhiên của thực tại.

Chiến tranh đã biến giá trị con người thua cả con vật. Cồ nhân nói : « Con thời thời loạn không bằng con chó người bình » (Loạn thế nhân bất như thái bình cẩu) đâu phải là lời nói ngoa.

Thiệt vậy, người đi gây chiến đã khoác cho chiến cuộc những danh xưng, những nhãn hiệu kêu như sấm và đẹp như hoa...nhưng với ác thần chiến tranh, công trình văn hóa nghìn năm thua xa giá trị của một vũ khí giết người hàng loạt, vì chúng đã thủ tiêu mọi sự vật trong chớp mắt. Dưới mắt ác thần chiến tranh, bờ tre ruộng lúa, Phật tự Thanh đường...tất cả chỉ là chướng ngại, chỉ là nơi ẩn nấp của quân thù, phải hủy diệt tất cả, cả đến một bông hoa lạc lổng mọc bên vệ đường cũng không được chấp nhận, vì với ác thần chiến tranh, đây là hiện tượng của sức sống trong lòng đất địch. Dưới gót ác thần chiến tranh, phải là chỉ có cây người, chỉ có tro tàn gạch vụn, và chỉ có hoang vu... Thiệt là phi nhân vô đạo hết chỗ nói.

Tâm trạng đó là tâm trạng của

những người đã phải điều linh trong cảnh chiến tranh ly loạn, mà thi hào Đỗ Phủ, qua kinh nghiệm xót xa của bản thân, đã nói hộ chúng ta — nhân dân Việt nam — qua hai cuộc chiến tranh nối đuôi nhau kéo dài ba chục năm ròng.

Hiệp-định Ba-lê đã được ký kết vào ngày 27-1-1973 và bản Thông-cáo chung đã được tuyên bố ngày 13-6-1973. Đáng lý ra cái xuân Nhâm-Dần này chúng ta đã được uống rượu mừng xuân, nhưng vì Cộng-sản ngoan cố, nên chúng ta vẫn còn phải đổ máu đón xuân.

Ôn lại một số thơ của Đỗ Phủ, chính là ý niệm muốn lên án Cộng-sản đang tiếp tục gây chiến vậy.

Ít dòng về thi hào Đỗ Phủ

Ông chính tên là Đỗ Tử-Mỹ, một Thi hào đời Đường, đồng thời với Lý-Bạch, quê ở huyện Tương-Dương. Làng ông ở là làng Đỗ-Lăng, nên ông tự mệnh là Đỗ-Lăng bố y lại cũng gọi là Thiệu-Lăng già lão.

Người đời sau sợ lẫn lộn với Đỗ Mục, một thi nhân khác cùng họ, nên người ta thường gọi là Lão Phủ.

Những nhà viết văn học sử Trung-Hoa hiện đại, quy định ông vào văn phái « hiện thực » hay cũng gọi là « tả chân » vì thơ văn ông thường là những tác phẩm phản ánh thực tại

xã-hội bằng bút pháp «tả chân» khác với Lý-Bạch có tính cách lãng mạn.

Bối cảnh lịch-sử của thơ văn Đỗ-Phủ

Bối cảnh lịch sử của thơ văn Đỗ-Phủ là bối cảnh lịch sử chiến tranh ly loạn đời Đường-huyện-Tống với những trận giết An-lộc-Sơn, và những cuộc nội chiến khác tiếp tục kéo dài.

Đời Đỗ-Phủ trên 30 năm luân lạc vì chiến tranh, sống một cuộc đời trôi bèo bọt gió, đi tới đâu tai nghe mắt thấy, cũng đều là những chuyện thảm mục thương tâm vì chiến tranh, sưu cao thuế nặng, bắt phu bắt lính, như ông đã mô tả trong bài: «Ông lính lệ ở làng Thạch-Hào» sau đây:

Khách lỡ bước bóng chiều thấp thoáng,
Thôn Thạch-Hào tìm quán nghỉ chân.
Lại ta cày thửa, cày thửa,
Nửa đêm rượt tới nhà dân bắt người.
Ông chủ quán kịp thời lánh mặt,
Tôi chân trường nhảy phốc chạy bay.
Thấy chông thoát được là may,
Vợ già ra cửa khoanh tay đón mời,
Lại tức giận buông lời quát mắng,
Cái lối đình ai chẳng khiếp gan.
Bà già nhỏ lụy chứa chan,
Sút sùi lẻ lẽ nghe càng thảm thương;
Rằng nhà lão ba con trai trẻ,
Đất Nghiệp Thành bắt phải tòng chinh,
Một trai thư gửi về trình,
Hai trai vừa mới bỏ mình chiến khu.
Tin sét đánh lòng đau máu mủ.
Hai con đánh giấc ngủ ngàn thu
Cheo neo một kiếp sống thừa,
Rày tuy đang sống nhưng chưa biết
chừng.
Nay nhà lão chẳng còn ai nữa

Một cháu thơ nhờ sữa mới còn,
May sao mẹ nó ở cùng,
Vào ra nào có tầm quân lánh đầu.
Thân tuổi tác sức dầu suy giảm,
Nguyễn theo người đâu dám trễ chân,
Hà-Dương kịp tới cửa quân,
Việc còn giúp được một phần hôm
mai,
Đêm khuya vắng tiếng người lặng
ngất
Nghe sụt sùi tấm tức gần xa.
Sáng nghe khách bước chân ra
Chia tay với một ông già cô đơn:

Tiêu-Mai dịch.

Tuy nhiên, xét cho cùng, có lẽ không có một sự mất mát đau thương vì chiến tranh mà con người phải xót xa rời bỏ cái không gian cư ngụ của mình với tất cả mọi cảm tình ràng buộc thiêng liêng, tình cảm gia đình. Vậy mà trước sức xua đuổi tàn nhẫn của ác thần chiến tranh, con người vẫn phải ra đi.

Nhưng đi đâu? Có nơi nào khác hơn nơi chôn nhau cắt rốn của mình, đâu thì cũng chỉ là những cảnh tượng trong bức họa bi đát duy nhất do ác thần chiến tranh gây dựng bằng thuốc súng hòa trong nước mắt và máu tươi.....

Nhưng rồi chợt một ngày xuân nào đó, trước sự hồi sinh của vạn vật, ít nhiều mang đến niềm tin yêu về viễn tượng của một thiều quang trong đẹp, con người bỗng nhận được thư nhà, tâm sự đã bồi hồi xúc động như thế nào. Chúng ta hãy lắng nghe Thi hào Đỗ-Phủ kể về trong bài «Xuân vọng» sau đây:

Nước tan, sông núi vẫn còn,
Thâm u cây cỏ rập rờn thành xuân.
Trông hoa lệ cảm tuôn dầm,
Nghe tim đau nổi từ phần lìa tan!
Xuân tàn chiến họa còn lan,
Thư nhà đâu bỗng muôn vàng đến tay.

Tóc sương mấy sợi vẫn dài,
Luống công bồi chải trâm gài cũng dư.

Nguyễn-Quang-Tô dịch.

Bao năm tang tóc khói lửa, đồng ruộng bỏ hoang, trên cái khờ giặc già bắt phu bắt lính, trồng thêm một cái rất khờ nữa là nạn đói.

Một hôm ông lên về thăm nhà, vừa tới cửa nghe tiếng bà vợ khóc con thê thảm, tiếng khóc từ trong nhà văng ra; ông chạy xốc vào ôm xác chết đứa con, hỏi ra mới biết, con ông đã bị chết vì đói. Rồi ông viết:

Vào cửa nghe rõ tiếng gào,
Con nhỏ đói đã chết.

Còn gì thống khổ cho bằng, con người sống trong thời đại mà bọn thống trị chỉ vì quyền và lợi, mà gây chiến tranh tang tóc, lầm than cho muôn họ.

Vì sợ tên bay đạn lạc mà ông phải tạm lánh xa quê hương làng mạc. Một hôm ông trở về thăm xóm làng, thì ôi thôi, xóm làng ông đã trở thành tro bụi sau một trận ác chiến của đôi bên!

Ông sụt sùi khóc:

Binh hung muôn nước nổi nao,
Quê hương ta đã ra sao đó rồi.
Xưa kia quen biết những người,

Hay đau sớm đã hóa nơi chiến trường.

Trần Trọng Kim dịch

Chỉ có những kẻ làm và bán vũ khí hay những người đầu cơ trục lợi, ăn to phát tài vì chiến tranh, mới bảo chữa cho thời chiến tranh loạn lạc bằng câu:

«Trai thời loạn, gái thời bình»

Đành rằng trai thời loạn từ thẳng nhảy lên ông, từ bạch thủ lên cự phú. Nhưng thử hỏi số ấy được bao nhiêu. Ngoài ra bao nhiêu thanh niên cường tráng đã bị chiến trường cắt ngang cuộc đời tươi trẻ đang đầy nhựa sống — «nợ áo cơm phải trả đến hình hài»!

Cồ nhân, cũng đã nhiều người sinh vào lúc loạn lạc chiến tranh, đã thốt ra những câu trách giận ông trời: «Sao không sanh ra thời trước, hay đề qua lúc loạn ly hãy sanh ta». (Hề bắt ngã tiên, hề bắt ngã hậu).

Thông cảm sâu sắc với nỗi khổ vì chiến tranh tang tóc của thời đại chiến quốc mà nhân dân muôn họ đã phải chịu, nên ông Mạnh-Kha, một đại tư-tướng gia của Đông-phương đã lên án bọn hiếu chiến đương thời:

«Người ta dành nhau đất, người ta giết nhau thây phơi đầy đồng, người ta dành nhau thành, người ta chém nhau xác chết đầy thành, bọn người đó đáng phải tội chết, vì vậy kẻ thiện chiến là kẻ đáng phải chịu trọng tội nhất».

(Tranh địa dĩ chiến, sát hân dinh già, tranh thành dĩ chiến, sát nhân dinh thành, tội bất dung ư tử, cổ viết thiện chiến giả phục thượng bình).

Thiệt vậy, những nỗi khổ trong đời không có gì bằng chiến tranh. Vì chiến tranh mà con phải xa cha, chồng phải lìa vợ, kẻ ở không biết người đi chết sống ra sao, người đi luôn nghĩ tới gia đình bố mẹ, vợ con, họ hàng, làng nước, trong những cơn binh đao khói lửa, ai chết, ai sống thế nào.

Có một lần Đỗ-Tử-Mỹ chạy giặc, lâu ngày không trở lại nhà, vợ con, làng xóm tưởng rằng ông đã chết.

Một hôm ông trở về nhà đột ngột, vợ con vừa trông thấy tất cả đều òa lên khóc. Vì quá xúc động nên ông cũng khóc.

« Vợ con đâu tưởng còn ta,
« Hết cơn kinh ngạc khóc òa lệ rơi.
« Loạn ly phải lúc chia phôi,
« Sống về nay được thỏa nơi tắc lòng.
« Đầu tường làng xóm đứng trông,
« Thở than đường cũng nảo lòng xót thương.
« Đêm khuya đốt ngọn đèn suông,
« Nhìn nhau mà tưởng đương cơn mộng vàng.

Trần-Trọng-Kim dịch

Trong thời chính chiến, những thanh niên chỉ là những vật hy sinh cho bọn thống trị gây chiến. Chồng bị bắt lính, có những người phụ nữ muốn tình nguyện đi lính thay cho chồng.

Nếu như người phụ nữ Việt-Nam biết nói :

« Giá vua bắt lính đàn bà,
« Đề em đi đỡ chàng vài bốn năm.

thì Đỗ-Thiếu-Lãng trong bài « Bình xa hành » cũng viết :

Ngựa xe dày nát lòng người chinh nhân (1)

Xe lăn, ngựa hý vang trời,
Cung tên nặng chiu lưng người chinh nhân.

Rộn ràng thân thuộc đưa chân,
Hàm-Dương cầu khuất hồng trần, thấy đâu.

Dừng chân náu áo trông nhau,
Chặt đường than khóc tiếng hầu lên mây.

Khách qua hỏi có sự này ?
— « Trưng binh đâu chỉ bận rày mà thôi,

Mười lăm tuổi đã đi rồi,
Hà-Bắc trấn giữ góc trời bao năm.
Bốn mươi đầu đã hoa râm,
Doanh điền quân lệnh lại lần về Tây.
Ra đi niên thiếu những ngày...
Bạc đầu biên thú, thân này chưa tha,
Biên cương biên máu chan hòa
Xâm lăng mộng Chúa vậy mà chưa tan,
Biết chẳng Hán-tộc giang san :
Sơn Đông một cõi hoang tàn xác xơ,
Dù khi góa phụ cày bừa
Hoang vu nào thấy cõi bờ ruộng nương,
Huống còn lẫn lộn chiến trường,
Gẫm thân gà chó, bẽ bàng chinh-nhân.
Người dù thương, có lời thăm,
Hận lòng đâu dám hé răng giải bày.
Đông qua rồi lại Đông này,
Mỏi mòn trông ngóng một ngày giải binh,
Lại thêm tô thuế cực hình,
Trơ xương, nạo vét mặc tình Huyện quan.

(1) Đầu bài Bình xa hành.

Đúng thay đường lối rõ ràng :

Sinh con, sinh gái, muôn vàn hơn
traị,

Xóm làng già gái gần nơi,

Sinh trai tính mạng chôn vùi cỏ cây

Kìa trông Thanh-Hải xưa nay :

Một vùng xương trắng ngập đầy ai
chôn ?

Vắng trong trời thăm mưa buồn,

Hu hu bao tiếng oan hồn khóc nhau.

Nguyễn-Quang-Tô dịch

Thiệt là náo nùng đến rơi lệ !
Càng phải chứng kiến những trạng
hưởng bi đát do chiến tranh gây ra bao
nhiều, thì người ta lại khát vọng hòa-
bình gần ấy. Vì chỉ có hòa-bình mới
xây-dựng được hạnh phúc cho con
người.

Những tư tưởng của Trạ Vũ trong
bài "Bà mẹ đồng-quê" với cuộc chiến
tranh kéo dài 20 năm tại Việt-Nam.

«Mũ đồng sẽ hóa nôi niêu,

«Súng thép biến ra cày cuốc.»

vẫn không có gì lạ đối với ông Đỗ
Phủ trong bài: «Tam cốc hành» :

« Dưới trời quân quốc biết bao thành

« Chẳng có thành nào chẳng giáp binh ?

« Sao không đem giáp làm nông khí ?

« Một cánh đồng hoang lúa rợn xanh

« Trâu thẽ sức cày

« Tằm trên nong đầy

« Chẳng phiền chinh phụ lệ châu sa

« Trai cày gái dệt hát ngâm nga.

«

Nỗi lòng ước vọng hòa bình của
Thị hào Đỗ-Phủ, cũng là nỗi lòng
ước vọng của nhân dân Trung-Hoa
đời Đường qua bao nhiêu năm chiến
tranh ly loạn, mà cũng là lòng khát
vọng của nhân loại nói chung nhất
là nhân dân Việt-Nam qua 2 cuộc
chiến tranh nối đuôi nhau kéo dài
trên ba mươi năm nay rồi.

NGUYỄN QUANG TÔ

SÁCH MỚI :

- * Cuộc mưu sát các lãnh tụ Đồng Minh

Sẽ phát hành sau Tết :

- * HITLER và các danh tướng Đức quốc xã

RAYMOND.CARTIER

- * Bức Tường Thành Do Thái JEAN – LARTÉGUY

Người Sông Kiên — Lê thị Duyên dịch

SÔNG KIÊN xuất bản — NAM CƯỜNG Tổng phát hành

פנקס

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Lá thư nước ngoài

• MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Tel Aviv 31-12-73

Anh Ch.

Đến Do Thái vào lúc trời sáng rõ, nhờ cái máy bay 747 bị nóng một máy và phải ngừng mất 6 tiếng đồng hồ ở Iran để người ta quạt và thổi cho máy nguội. Nếu không thì đến vào lối 4 giờ sáng, bơ vơ chịu sao nổi. Hôm nay ngồi trong phòng trọ (lại phòng trọ, biết đến bao giờ cho Minh Đức được đóng đô một nơi mà khỏi phải luôn luôn nhìn thấy cái vali nằm kèngh trước mắt). Viết thư này vào ngày thứ bảy, tức là ngày lễ Sabat của dân Do Thái, mọi người đều ngừng làm việc để cầu nguyện.

Nhiều chuyện kể quá, bắt đầu bằng chuyện gì bây giờ? Trước hết là chuyện khó khăn nhé. Độ này báo chí bị canh giữ lắm, đến nơi là phải ký một cái giấy bắt tuân mọi kỷ luật. Bài viết phải đưa ra kiểm duyệt, phim ảnh chụp phải rửa hết đưa cho họ xem nếu không thì lúc đi, họ sẽ mở máy ảnh ra và tịch thu phim còn nằm trong máy. Chương trình tôi phác ra rất nhiều mà gặp lúc này khó quá chắc không làm gì được. đành vậy, thôi thì cứ cho là cái sổ còn phải trở lại Do Thái vài lần nữa!

Lần này là lần thứ ba tôi đến Do Thái và mỗi lần mang mỗi tâm trạng khác nhau. Lần thứ nhất đến với tính chất du khách, sau khi đã nghiên ngẫm hằng năm trời các thứ tôn giáo. Đối với đạo của Do Thái, tôi cũng đã gần như thuộc lòng nhiều đoạn luật lệ kinh điển, vì vậy lần thứ nhất chỉ để mà xác định lại những gì mình đã đọc, đã nghe. Chẳng hạn đi theo «con đường đau khổ» ở Jerusalem là nơi mà Chúa Jésus phải vác thánh giá. Chỗ nào ngài bị ngã lần thứ nhất, lần thứ nhì, lần thứ ba chỗ nào ngài gặp Đức

Mẹ. Hoặc viếng nơi mà Abraham đưa Isaac lên cắt cồ để tế trời hoặc bức tường còn lại của đền Salomon v.v.

Lần thứ hai đến để làm việc. Suốt ngày chạy theo ông lớn bà lớn đi lùng những sự khó khăn cay cú của người ta để đưa lên phim. Việc này làm vì bòn phận, mấy cái đài truyền hình vốn thích đưa ra những gì khó khăn gay cấn của các nước khác. Chỉ có nước họ là họ không dám, vì có ông kiểm duyệt ngồi chồm hòm bên cạnh, có khi ngồi ngay trong đầu óc, trong xương máu, như những người dân ở các nước thiếu tự do!!!

Lần này là lần thứ ba, tôi đi một mình, không có «ê-kíp», khỏi bị ai chi phối. Muốn làm gì thì làm dễ chịu hơn.

Người Do Thái nói chung, rất dễ thương, họ sẵn sàng giúp đỡ khách lạ. Gặp tôi, mọi người đều hoan nghênh vì khi xưa thì các ký giả đến Việt Nam, bây giờ thì ký giả Việt Nam lại phải tìm đến hành nghề ở Do Thái. Thay bậc đổi ngôi thế mới vui phải không anh.

Ở đây Trụ sở Báo chí tổ chức còn hơn ở Pháp, là vì có hai phòng làm việc, bên cạnh có chỗ ăn, và ngay bên trên là các cơ quan thông tin quân sự đề liên lạc với ký giả. Khỏi phải vất vả chạy đầu tỉnh đến cuối tỉnh.

Tôi đòi gặp mấy ông quân sự lớn nhưng tất cả vừa nhận được lệnh không được gặp ký giả. Nếu gặp, phải dán băng keo lên miệng. Như thế thì còn làm ăn chi và tôi không thèm xin xỏ, biết có xin cũng vô ích. Mình là con rồng cháu tiên mà, cần chi ai, chuyện đâu còn đó phải không anh.

Tuy nhiên hôm qua họ cũng tổ chức một buổi đi viếng ngọn đồi Golan cho chúng tôi. Trước khi đi cũng phải ký mấy tờ cam kết xin ngoan, xin không phá phách, chỗ nào bảo cấm phải nghe.

Một điều là với tôi, họ quên dặn mang theo thức ăn, với mọi người họ đều có dặn kỹ nên ai cũng sẵn sàng thức ăn nước uống. Tôi đi tay không và cố nhiên là ăn chực với tất cả. Nhờ một điều là "con rồng cháu tiên" không ăn nhiều, lại kén, ghét các thức ăn của ngoại nhân nên đỡ phiền.

Kề anh nghe, vì họp mặt ở Jérusalem cách Tel Aviv, nơi kinh đô đến 70 cây số nên chiều hôm trước tôi phải xách bị đi về ngủ ở Jérusalem đề ngày mai 6 giờ khởi hành.

Lúc này mới đáng dùng mấy chữ cũ xi "thân gái dặm trường" của xứ ta. Đêm, tôi vẫn chưa quen giờ

giấc, mới qua có hai đêm nên ban chiều buồn ngủ và hai giờ sáng là tỉnh như sáo. Chờ đến năm giờ dậy thay quần áo, trả tiền phòng trọ và nhào vào bóng tối còn đen như đêm 30 Tết xứ mình. (Nói lâm ly một tí cho các anh thương). Hẹn họp mặt ở nhà báo chí, tôi chẳng biết nó ở đâu, cứ đoán đường mà đi, may là đã cố ý giữ phòng trọ nào gần nhất nên không vất vả lắm.

Đến nơi thấy có một đồng nghiệp co ro vì trời đây đang lạnh, tay ôm hai chiếc bánh mì. Hỏi ra mới biết rằng phải đem theo lương thực mà tự nuôi lấy thân. Anh ta đề nghị ngay là sẽ chia cho tôi ăn, sau đó anh nào cũng bảo đừng lo, sẽ chia, sướng không?

Phải cần đến hai xe, hai ông sĩ quan hướng dẫn. Mỗi ông ôm khư khư khẩu súng ngắn với mấy băng đạn. Không biết đề hộ thân hay đề hộ chúng tôi.

Độ này coi bộ họ thù ký giả lắm nên họ không vui vẻ nói năng như ngày trước. Mặc cho chúng tôi đùa nghịch với nhau, ông sĩ quan ôm súng ngồi im hoặc chỉ nhìn vào bản đồ mà thôi.

Từ Jerusalem đến Golan, phải đi mất mấy tiếng đồng hồ vì cách 300 cây số. Golan ở trên cao 1.300 thước. Người ta cho chúng tôi đi viếng hết các vùng mà Do Thái mới chiếm được của Syrie. Ở một làng tên Kuneitra đã xảy ra những trận đánh lớn, cũng như ở Khan Arim-ba, đánh nhau tới 4 lần, và lần thứ tư Do

Thái mới dành được. Nhà cửa nát bấy, những ngôi nhà xi măng cốt sắt mà lúc bị phá vỡ trông tưởng như làm bằng hồ với giấy. Thì ra ở đời chẳng có gì vững chắc.

Những người lính Do Thái bắt đầu hoạt động, ông nào canh gác thì canh và ông nào lo làm đường, xây cất sửa sang thì làm. Thịnh thoảng đi một lúc lại phải ngừng để đưa trình giấy. Có nơi phải quay lui vì được tin đang xảy ra những vụ xung đột lẻ. Hai bên đường, xa một tí là bị rào, vì mình còn chôn đây đó. Hầm hố của người Syrien xây thật chắc, đào ngay trong lòng đá, và cả một ngọn đồi mệnh mông chỉ để làm chiến trường, họ không trồng trọt gì cả, mặc cho cỏ dại với đá cuội tung hoành. Rơi vào tay Do Thái thì trong vài năm sẽ thấy cam quýt mọc xanh rờn. Người Ả rập có câu châm ngôn rằng Do Thái đến đâu là đá sỏi cũng nở hoa. Tuy câu châm ngôn có ý chế giễu sự cần cù của người Do Thái, nhưng trong câu ấy còn mang cái nghĩa thật của nó.

Nhìn những nơi như ở Ach Média mà 600 chiếc xe tăng đã kéo đến và cả súng bắn máy bay được sắp dài còn tro xác lại. Nằm nghe sương lạnh phủ quanh mình, nhớ đến những giờ phút kiêu hùng, ngày nào mới ra lò ở trong công xưởng, ngày nào xuống tàu, ngày nào được đưa ra trận... Anh nghe có thương không, số phận của mấy thứ khí giới ấy cũng giống hệt như cuộc đời mấy chú quân nhân.

Tôi phỏng vấn mấy ông lính Do Thái, họ trẻ, cao lớn, «bô» trai, họ là những viên gạch xây dựng và bảo vệ cho cái quốc gia hai triệu rưỡi người này.

Nhưng cái bi kịch của Do Thái còn thê thiết hơn ở điểm là số người chết và bị thương toàn đàn ông đã làm cho người đàn bà lo sợ. Một câu bảy cô, làm sao giải quyết vấn đề này.

Các cô gái Do Thái bắt đầu cảm thấy mối nguy cơ. Họ vẫn phàn nàn rằng người đàn ông Do Thái ngày nay không còn biết nói một chuyện gì khác ngoài chuyện chính trị. Không thích nghe nhạc, không biết chiều vợ con v.v...

Theo ý tôi thì vấn đề này đã và sẽ không phải chỉ xảy ra ở Do Thái. Muốn giải quyết nó phải đi tìm vào sâu hơn, phải thay đổi cái tâm lý, luật lệ, cải tạo một vài thành kiến, nhưng phạm vi chật hẹp của bức thư ở một xứ giấy cao, không phải lúc để bàn đến vấn đề. Anh đồng ý không?

Có một điểm là được nhìn gần mấy cái xe tăng, mấy khẩu súng bắn máy bay cũng vui mắt, có thể bảo đây là lần thứ nhất tôi được nhìn một bãi chiến trường có chiều dài, chiều rộng như thế. Anh mà thấy thì anh cũng sẽ mê như tôi, nghìn năm một thuở mà, đâu phải dễ.

Chúng tôi đi sát đến vùng giới tuyến mới. Mỗi cuộc chiến là mỗi lần xứ Do Thái có thể mở rộng thêm

mặc dầu theo lời mấy ông quân nhân thì kỳ này người Ả-rập đánh khá hơn kỳ trước. Nội mỗi vùng Golan mà Syrie mất 1000 chiếc xe tăng, Do Thái mất vào lối 400 vì còn mặt trận Si Nai, Do Thái mất tất cả vào quảng trên 800, trong khi Ai cập mất 900 nữa. Nghe ghê không. Nếu bảo là phải có người chết để cho những người khác sống thì chiến tranh đã trả lời đúng nhất. Có chiến tranh thì mấy ông thợ đúc súng mới khỏi bị thất nghiệp. Nhưng nhìn thật kỹ những cái xác chết cũng như những khẩu súng chết, những chiếc chiến xa chết, tôi cảm thấy một sự phi lý, phi nghĩa, phi lễ, phi lung tung. Có lẽ thế giới cần có nhiều triết nhân hơn là cần những bộ óc của các nhà khoa học ngồi tính

toán để chế tạo ra bom súng.

Trên đường về, đũa nào cũng ngắt ngư và đề quên một tôi đề nghị sửa một câu trong chương ba thiên truyền Đạo thư của cựu Kinh ước... «A time to love and a time to hate»... «a time to sign and a time of «no war no peace» (một thời để yêu và một thời để ghét, một thời ký kết và một thời để không hòa không chiến).

Cả bọn phá lên cười, bảo rằng chỉ có ký Việt Nam mới biết cái trò ấy và đề nghị nên in và gửi cho ông Kissinger.

Thăm cả tòa soạn, thăm hết các anh em và hẹn thư sau.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Đám mây trước hiên nhà

Bức thành dày xây bằng gạch từ hồi Pháp thuộc không ai có thể ngờ rằng ngày nay, sau vài trận giao tranh ngắn không lấy gì khốc liệt lắm mà có đoạn đã sập đổ. Ánh nắng chiều như khao khát được chiếu dọi đến miền đất ẩm ướt bên này thành quách. Chính những buổi hoàng hôn đã làm cho ngôi nhà tôi trở thành cồ kính và kỳ dị, trong vườn chim chóc bay tới đậu rất nhiều. Sương mù nhuộm trắng mái hiên nơi treo đầy những gốc cây có hoa ký-sinh mọc.

Bác Diễm đến thăm gia đình tôi vào những ngày ty vệ-sinh thành phố có quyết định khai quang cỏ rác bên ngoài bờ thành, âm thanh của chiếc xe chở rác không lồ đã làm cho tôi đỡ trống trải. Bác Diễm đến đề kể cho chúng tôi nghe những câu chuyện có liên hệ đến cha tôi như một phút giây tưởng niệm hay làm nghĩa vụ giữa người sống đối với người chết.

Buổi sinh thời, cha tôi là một người thích sưu tầm những địa danh trên mặt đất. Ý tưởng cha tôi tiềm ẩn một hoài bão được can thiệp trực tiếp vào những cuộc xâm lấn biên giới, hủy hoại dấu vết cồ tích. Nhưng đến lúc về già, cha tôi lại dành hết thì giờ để nghiên cứu về canh nông, phân bón và ngũ cốc.

Lúc qua đời, cha tôi để lại một tập nhật-ký trình trọng như một gia tài quý báu, trong đó cha tôi ghi đầy đủ

về màu sắc và hình thể của từng quốc kỳ, sự khai quốc, nhân số, khí hậu, sông ngòi của mỗi quốc gia. Ngoài ra cha tôi còn nhắc đến khoảng cách ngắn nhất của từng hải-phận, sự xa cách vời vợi nhưng cùng một con nước giữa eo biển Mễ-tây-cơ với Địa-trung-hải. Những khu rừng buồn và già nhất ở Tây-tạng cùng với dãy cát vàng mênh mông ở Tây-bá-lợi á. Cha tôi vẽ và tô màu một cách cẩn thận lưới gươm sắc bén nằm trên nền cờ Á-rập, những ngôi sao rực rỡ trên cờ Chí Lợi...Phần cuối của nhật ký, cha tôi đã ghi rõ ràng những tìm kiếm về thực vật, những cảm nghĩ của con người đối với cỏ cây, sợi dây vô hình ràng buộc đời sống cây cối với động vật trên trái đất. Cha tôi kể lại những biến cố xảy ra trong sinh hoạt của các sinh tăng cỏ mọc, trong những hoang-nguyên rời. Cuối cùng cha tôi kết luận đề thay lời di chúc :

— Cây cối biết thức ngủ, ăn uống, hồ thẹn thì chắc chắn cũng biết đau khổ. Hãy chôn tôi dưới gốc cây cỏ thụ nào lâu năm nhất.

Nhưng cha sở dĩ viện đủ lý do để từ chối lời di chúc đó và thay vì mộ cha tôi nằm dưới bóng im của tàng cây thì lại nằm phơi trên sườn đồi có ánh nắng chiếu dọi mỗi ngày và cao vừa đủ để cho người đến tảo mộ có thể nhìn thấy một giải đồng bằng trù

phú ở phía dưới, kê cả rặng cát vàng ôm lưng biển cả.

Bác Diễm thường kết luận như đề khuyến khích tôi nên đi theo con đường mà cha tôi đã đi và cho tôi biết cha tôi chẳng những đã có công với gia đình mà còn với cả xã-hội nữa. Bác là một người bạn chí thân của cha tôi nhất là trong những năm tuổi trẻ và là người duy nhất ca ngợi đời sống cha tôi lúc về già. Bác nói :

— Chẳng có gì đáng kể nếu đời sống con người không để lại một kỷ-niệm.

Tôi hỏi :

— Kỷ niệm ?

— Phải, chính nó.

— Còn những người không tậu nổi một kỷ niệm nào cả ?

Bác cười :

— Đó chính cũng là một kỷ niệm đẹp nhất. Một cái đài tưởng niệm không ghi chú một điều gì cả.

Lâu sau, bác hỏi tôi :

— Cháu chôn chặt tuổi trẻ ở nơi nào ?

Tôi hiểu ý :

— Bên này bờ sông.

— Vui dưới lớp phù-sa hay bị thủy triều cuốn đi ?

— Bị san hô gặm nhấm.

Bác lại cười :

— Nhưng thôi đừng nhắc đến chuyện đó nữa.

Tôi chuyển sang một câu chuyện khác, một bầu không khí mới :

— Ba tôi có một mối tình ai cũng cho là lãng mạn, theo bác nghĩ thế nào ?

— Đó là tình sử.

— Và cuối cùng tình sử ấy như thế nào ? Tôi hỏi.

— Chỉ là ngọn khói... cụt đầu.

Tôi thăm thía nỗi buồn. Dãy núi tím mù mù phía trước bị sương chiều cắt làm nhiều ngọn không đều. Sương treo một vài ngọn cây lơ lửng giữa không. Sương bôi một lớp dụ bạc lên cỏ thành. Cha tôi đã qua đời đơn giản như lời cha sở đã nói, *đền thờ Giê-ru-sa-lem kiên cố biết bao cũng phải đổ xuống*.

oOo

Bác Diễm trở về khuất sau hàng cây, chị em chúng tôi vẫn cố ngồi nán lại một khoảng thời gian như thường lệ. Một lần nữa hai chị em nhắc đến chuyện tình của cha tôi mà thăm thán phục. Chuyện cha tôi yêu một người đàn bà có giọng hò Huế lừng danh. Cha tôi đã gặp và yêu trong một mui thuyền nhỏ bé trên sông Hương. Và chẳng bao lâu hai người trở thành đoàn du-ca thâu hẹp trên mặt nước. Cha tôi thường ngâm những đoạn tình phân-ly trong truyện Thúy-Kiều, người đàn bà thì hò những bài ca ngợi thiên nhiên về buổi chiều như dãy núi đá tím, khu rừng xa trăm dặm, nguồn nước, rong rêu và những loài hoa nở về buổi hoàng hôn... Con thuyền của hai người đi khắp các sông ngòi

miền Trung. Hình ảnh cha tôi cao lên ngêu chéo con đò cũ kỹ chở một ngọn đèn leo lét và tiếng hát từ mũi thuyền xao xuyến qua những vùng quê trù phú, vào những mùa trăng lai láng đã khắc ghi khó phai nhòa trong lòng người. Đoạn kết của mỗi tình đó được chị tôi coi như một đoạn tiểu thuyết đẹp nhất và hiếm có trên cuộc trần ai này. Dù cha tôi không được nhắc đến trong đoạn kết này nhưng chỉ một mình người ca kỹ ấy cũng có nhắc lại tấm gương tiết hạnh của nàng Lai-Oanh-Nhi của Tào-Tháo thời Tam-quốc bên Tàu. Chị Ngự nói :

— Đời người không nên chọn cái chết mà nên chọn một nghĩa-địa cho mình.

Tôi hiểu ý chị tôi muốn nhắc lại giòng sông nơi người ca-kỹ đó đã gieo mình xuống, dòng sông lenh dênh và buồn bã vô cùng, dòng sông khơi lại những mảnh trời xưa đã vỡ, cha tôi đã xa biệt mù. Chị tôi buồn như có tâm sự sâu kín không nói ra được. Đôi mắt thấp lên nỗi xót xa của một ngày ở dòng trở về đời.

Chị tôi nhớ lại những ngày còn làm chị đệ-tử đặc trách trông coi vườn hoa huệ của nhà dòng. Chị tôi là một nữ tu được coi như một báo hiệu rủi ro cho nhà dòng. Chị là một người thuộc nhiều thơ lãng-mạn của thời tiền chiến và người duy nhất làm những vần thơ đăng báo ngoài đời ca ngợi sự đơn độc, ca ngợi những trái tim rạn nứt vì cuộc tình bị phụ. Thơ của chị tôi được rất

nhiều người hâm mộ, có người gửi thơ về ca ngợi, tán thưởng và có người vì cảm thơ mà đến nhà dòng xin được gặp mặt. Mỗi tuần chị tôi được bà bề trên đích thân khuyến cáo và đề giúp cho chị tôi có cơ hội quên lãng những điều mà nội-quy nhà dòng không thể chấp nhận, chị tôi được giao thêm một công việc nữa, đó là trông coi nghĩa-địa riêng của nhà dòng, nơi vùi chôn những nắm xương suốt một đời hy-sinh-cho-Chúa, nơi linh hồn những nữ tu chết già lúc nào cũng toát một ân-huệ đặc biệt để giúp cho những đàn em vững bước trên đường-đầy-chông-gai và căm dỗ. Nhưng nhà dòng đã sai lầm khi sắp đặt cho chị tôi một công việc như thế, từ đó thơ chị tôi lại chuyển sang một thế-giới khác, không kém phần ảm-đạm, ca ngợi những ngôi mộ im lìm, những con đường chỉ dành riêng cho đám ma, những con chim chỉ hót cho người chết nghe, những đám cỏ bụi cây và sương mai long lanh. Cuối cùng, hội đồng kỷ luật nhà dòng bỏ phiếu quyết định cho chị tôi ra khỏi dòng kèm theo một ít thủ tục an ủi đã định sẵn. Ân huệ cuối cùng đối với chị tôi bao năm vùi chôn tuổi trẻ ở đó là một buổi chiều mình Thánh Chúa đề riêng cầu nguyện cho chị tôi về đời không còn gặp phải sóng gió. Một chị nữ tu khác đã được ngầm chỉ định chúc chị tôi một lời lúc đưa đến tận bến sông: — Chị về vui vẻ, chán chị người ngoài đời mà lên Thánh. Chị tôi mỉm cười trong bóng trắng của hàng trăm con chim

bồ câu bay ra từ mái hiên thánh đường nhỏ : Cảm ơn em, cảm ơn đồng.

Tôi nhớ ngày chị tôi xách va-ly về, trong va-ly đựng đầy thư và thơ đủ loại, kể cả những tác phẩm chưa được phổ biến. Nét mặt chị tôi ngỡ ngác như xa quê lưu lạc trở về. Ngày ấy mẹ tôi lâm bệnh trầm trọng, khi thấy chị tôi ngoài cửa, mẹ tôi đưa một cánh tay ra vò trong không khí rồi trút linh-hồn.

Đám tang của mẹ tôi thật đặc biệt, gặp ngày trong họ đạo có cuộc cảm trại của đạo-bình đức Mẹ nên những người đi theo đám tang đều mặc đồng phục như đoàn kiệu thường niên. Trên tay mỗi người đều có một cây sáo đốt cháy buổi trưa hè nắng. Lời kinh tiễn mẹ tôi đi thay vì tiếng khóc. Những người đàn bà trong họ đạo bình kể vai gánh mẹ tôi đi thay vì bà con nội ngoại. Hàng trăm cánh tay phụ nữ vãi đất xuống huyết mẹ tôi thay vì sự thừa thớt của vãi bàn tay con cháu. Tên tuổi mẹ tôi được nhắc đến trong đền thờ và được cha sở khuyến khích chung lời cầu nguyện.

Sau cái chết của mẹ tôi, chị em tôi cùng nhau viết một bức thư đề trình bày hết nỗi đơn chiếc trong gia đình và thỉnh nguyện cha tôi nên vì thế mà trở về. Ngày đó nghe đâu cha tôi đang chèo con thuyền lênh đênh trên những vùng sông ngòi ở Thanh-Nghệ. Giòng họ của người ca-kỳ đang trong thời thịnh hành được ngưỡng mộ nhất. Thư đi không có tin về.

Chúng tôi đang đối diện với bóng tối. Trên trời có nhiều sao, nhưng vì sao già cỗi và không đủ trang điểm cho một đêm trần trỗng. Bóng tối ôm chầm lấy chúng tôi, cỏ cây, những ngọn đồi phía trước, con đường đầy cỏ hai bên. Bên kia là dãy núi đá, nếu trong chiều tà, tôi có thể nhìn thấy những đám mây làm cho rừng bớt âm u. Chúng tôi như ngồi đề chứng kiến cho sự tàn phế của trái đất, khởi đầu sự tàn phế này không phải là tiếng loa kèn của thiên thần trên các mộ bia, không phải bằng những hạt mưa lửa nặng nề từ trời cao rơi xuống, không phải bằng sự phẫn nộ từ trên chín tầng mây. Tôi hỏi chị tôi :

— Có phải chị đang chờ trăng mọc không ?

— Phải, một vầng trăng mọc khuya. Em có chắc đêm nay trăng mọc không ?

Đôi mắt chị tôi sáng rực, bỗng chốc nước mắt ứa ra :

— Giây phút này là giây phút thiêng liêng của đời chị. Em đâu có biết. Một chút dây trăng sẽ mọc lên, trăng soi sáng vạn vật, trăng giúp chị tìm lại giây phút thần thánh lúc còn giữ vườn hoa huệ, lúc còn gần gũi nơi vùi chôn những nữ tu chết già. Ềm ơi, con đường nào chỉ dành cho đám tang và cảnh hoa huệ nào chỉ nở để tô thắm cho sự mơ ước của đời người. Từ ngày chị về đến nay, dường như chưa lần nào có một vầng trăng mọc. Kia em thấy không, phương trời kia đã ửng lên, một

vàng trắng sẽ mọc lên ở đó, chị em ta gắng chờ...

Tôi cầm bàn tay chị tôi ướt đầm sương. Và một vàng trắng đã nhú lên. Một vàng trắng ở thật xa.

oOo

Một vàng trắng mọc ở thật xa. Dưới ánh trăng, giữa con đường cát ngoài vườn kia, bóng một người xuất hiện. Tôi cầm chặt thêm bàn tay chị tôi. Bóng người bất động như một tượng đá sắp rữa ra, sắp tan biến vào cát bụi. Nhưng tiếng chị tôi thì thầm thật ấm áp bên tai: «Em ơi, em thấy không, đó là một người đàn ông chị mong ước được gặp một lần trong đời. Đêm nay đã xuất hiện như thường lệ của những đêm có trăng lúc chị còn canh giữ nghĩa-địa nhà dòng. Người đàn ông đó thường tặng cho chị những xác bướm ép nhiều

màu và cũng đã tặng cho chị một bức tranh vẽ quang cảnh của một ngày khăn-trơn-đời tập-thề với những người nữ tu được tắm liệm dưới lớp vải trắng xóa và những cành huệ tươi. Bức vẽ đó đã được nhà dòng tưới xăng đốt trước mắt các chị đệ-tử và nhân viên trực thuộc nhà dòng với lời khuyên phải quên, lãng đi càng sớm càng tốt... Em ơi người đàn ông, chị làm sao nói với em được, lòng chị...

Mồ hôi tôi toát ra, mắt tôi mờ mịt sương trắng. Bóng người vẫn đứng bất động giữa con đường ấy, chắn ngang tầm mắt nhìn ra dãy đồi núi phía trước. Tôi im lặng chờ đợi. Và chị tôi khóc.

7/73

HỒ-MINH-DŨNG

HIỆU MAY

JIM tailor's

441, Phan-Đình-Phùng, 441

Bàn-cờ, Sài-gòn III

Chủ nhân: ĐỖ-HỒNG-NHUNG

*xin kính chúc gia tộc một năm đoàn tụ và Dân tộc
một mùa Xuân hòa bình thật sự.*

CON LỪA VÀ TÔI

của Juan Ramon Jimenez
giải Văn chương Nobel 1956

CON LỪA VÀ TÔI, chuyện của một con lừa tên là La Rô và chủ nhân là thi sĩ, mà người ta quen sánh với cuốn *Hoàng tử Bé* của Antoine de Saint-Exupéry, vì hình thức văn chương và nội dung thơ mộng của nó.

Đây là một chuỗi chuyện ngắn nối tiếp nhau, đầy cảnh sắc và tình tiết của một ngôi làng Tây-ban-nha rất gần gũi với ngôi làng Việt Nam : con chim én, giếng nước, rừng bìm bìm... người với vật gần bó nhau như đôi bạn, quen mặt từng gã bô-hê-miên, thẳng mòi, đứa bé nghèo khó hay tật nguyền, nhớ từng gốc cây bạc hà, cùng mơ những giấc mơ bầm hiu giống nhau, đem lòng yêu những vẻ đẹp phù du nhất... Cho đến ngày cuối cùng bỗng hóa thành thê lương : truyện kết thúc ở cảnh thi sĩ ra đồng đứng bên ngôi mộ của lừa...

An Tiêm xuất bản, tháng 1/73

Đồng Nai tổng phát hành.

Công dụng mới
Thuốc mới

hemocalcium B12

VI. SUY YẾU - CHẠM LỚN
KÉM ĂN - THIẾU MÁU



hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

S
SHAPP SAIGON

Bán tại các nhà thuốc tây

Công thức môn
thuốc mới :

HÉMOCALCIUM B 12

VI. SUY YẾU — CHẠM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
thấu sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

NGỌC LAN

Thơ MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Ngày xưa người ta yêu làm sao anh ?

Ngày nay hình như tình yêu mong manh

Như chim bay, như hoa trôi, như hoàng hôn ~~thanh thanh~~

Vội vàng, vội vàng, có phải thời gian qua nhanh ?

Hôm xưa trời buồn anh sang thăm tôi làm chi

Quen vui lang thang không lo ngày mai chia ly

Tình từ phương nào tràn vào tim tôi bão lụt

Anh cho tôi gì, xin đừng đòi và đừng mang đi

Ngọc Lan, Ngọc Lan, tên một loài hoa xinh xinh

Say mê không anh khi hoa đang mình đoan trinh

Cần hoa lên môi cho môi thêm màu hoa quý

Hôn nhau chiều nay, tôi nghe chiều mai lênh ~~đênh~~

Ai đưa tôi đi khi ta không còn yêu nhau

Anh đưa ai về nhà anh đêm nay, đêm mai, đêm sau ?

Anh siết vai ai, khi thân hình tôi xa vắng

Tôi ngã vào ai khi ngoài trời mưa buồn mau

Nước sông dâng ngâu khi anh chưa hề yêu tôi

Đại hồng, đại hồng, không gian âm u mà thối

Anh sẽ về đâu và tôi về đâu, cát bụi...

Ghi chặt nhau hơn, đêm nay mình còn chung đôi.

Đợi một Xuân nào

Thơ LÊ MINH NGỌC

(Gửi L.T.B.H. Phan Thiết)

Đi ở miền Nam nắng cháy da
Nhìn mai vàng nở nhớ quê nhà
Bao năm loạn lạc không về được
Xuân ấy, Xuân này vẫn cách xa.
Những tưởng lần đi, lần trở lại
Nào ngờ biến biệt mấy can qua,
Từng say men đắng Xuân thiên hạ
Lại Tết tha hương buốt giọng ca
Dòng đời xuôi ngược vui chân khách,
Tháng tận, năm cùng tủi một ta.
Núi sông có biết mình đau khổ
Cây cỏ nào không lúc cỗi, già?!
Thà loạn một lần, thôi chết bỏ,
Còn hơn lây lất mãi phong ba
Càng đi, càng thấm nhiều oan trái
Đêm nối đầy đêm mắt lệ nhòa
Trời rộng, đất dài, chân chớm mỏi
Thương về quê Mẹ, xót quê Cha
Bao nhiêu thể - hệ lăm xương máu
Dấu hỏi xoay quanh lớp tháp ngà
Thơ cuồng, nhạc nộ mà vong quốc
Mũi súng, đầu gươm mà sót sa
Ngụy trang son phấn, tuồng vô lại
Đá giáp, tung hia, cứ ngỡ là...
Hỡi ơi, mòn mỏi trong vô vọng
Người đợi thanh - bình tóc nở hoa.
Đầu non, cuối biển ai tâm sự:
— Xuân có tha - hương mới nhớ nhà.

Đầu năm hỏi nhỏ

Nhớ Thu-Bái-Trình

Bạn,

Sao kẻ cùng tôi đồng nhịp bước
Trên đời, không phải bạn : hồn tôi ?
Và sao bóng bạn là không phải
Người đã cùng ai chẳng thể rời ?

Bạn sẽ ngã đầu lên vai... bạn
Tôi nhìn mắt bạn : gương hồn... tôi.
Bạn = tôi, tôi = bạn, ta = đôi bạn,
Hai bóng ta kẻ : một bóng tôi.

Đời ta êm lướt, đời tươi mạnh :
Kết bởi hoa lêu với trái Lăm,
Hai ta nhịp bước trên đường thẳng,
Góp bốn tay mình cho nước Nam...

NGUYỄN NGU Í

(trích Có những bài thơ..., đang in... từ từ)

Bài thơ khai but năm Cọp 74

Gởi Lê-Thanh-Thái, ABC, Đỗ-Ngê và Thoại-Nguyên

Năm mười tư tuổi, Xuân còn hết ?

Ba ván cờ thua*, bóng xế tà...

— Xế tà.

Sực tỉnh, hai tay đều trắng cả,
Mà màu máu đỏ nháy đùa ca.

Mộng ôm trái Đất**, rờ : răng rụng,
Chỉ lập Hận Thù, xa : quá xa.

Trâu đã cúi đầu, Hùm ngừng mặt,
Thế nào cũng một khúc diên ca!***

(Gác cùng nhìn lên, giao thừa Sửu Dần 74)

Cá-Lí NGUYỄN-HỮU-NGƯ

*1945, 1954, 1964.

** Lúc 16 tuổi, viết ở đầu tập nhật kí : " Sau này, nếu có ai cắc cớ giao cho một trái Đất để an bài, thì mỉm cười mà nhận lấy. Và nếu có ai lại cắc cớ giao cho một cây Gậy để đi ăn mày khắp trái Đất, thì cũng mỉm cười mà nhận lấy.

*** Tác giả, gốc Ngê-Tĩnh vốn thuộc dòng Chim-Băng Nguyễn-Hữu-Chính.

S A I G O N

Thơ VÕ CHÂN CỬU

Anh thấy những gì trong hỗn độn
Cộ xe khói khuất bóng người qua
Xưa kia là ruộng rừng xanh nước
Hơi đất tanh tanh chữa nhạt nhòa

Ồ sao tôi thấy người năm trước
Câu hò buông vọng bóng lau thưa
Ngã ba ngã bảy xe đi khuất
Cơ khí xen cùng nhịp gió mưa
Tiếng ma thiên cổ vang u uất
Vẳng lặng buồn xo suốt bốn mùa

Tôi ngửi mùi tanh rác Sài gòn
Tìm đâu hương rạ nẻo cô thôn
Quê hương, ai khóc thêm lần nữa
Cầu Trương Minh Giảng, bóng hoàng hôn

Vẫn cụm mây con, mờ khói phủ
Vẫn màu huyết dụ, máu say không
Ngó lên cao ngất, tôi còn đủ
Đêm về đồ lệ thức hoài trông

Anh thấy những gì trong hỗn độn
Cộ xe khói khuất bóng người qua
Thời đại chảy dồn qua cuối rạch
Tịch mịch trùm lên những mái nhà.



● BÁCH KHOA

Đàm thoại với nhà văn ĐỖ TRỌNG HUỀ () Hội viên Hội đồng chấm bộ môn Biên khảo, Giải thưởng Văn học Nghệ thuật toàn quốc 1973*

—BÁCH KHOA: Được biết năm nay anh lại chấm Giải thưởng Văn học Nghệ thuật toàn quốc, vậy anh được phân công về bộ môn nào?

—ĐỖ TRỌNG HUỀ: Bộ môn Biên khảo, cũng như những lần trước.

— Ngoài anh ra, Hội đồng chấm bộ môn này còn có những vị nào?

— Có nhà văn Thu-Giang Nguyễn Duy Cần, giáo sư Nghiêm-Toản, nhà văn Giản-Chi, giáo sư Bùi Xuân Bào, nhà văn Lê-Ngọc-Trụ, giáo sư Vũ Quốc-Thông và Linh-mục Bửu-Dưỡng.

— Xin anh cho biết về tổ chức và cách thức làm việc của Hội-đồng.

— Hội-đồng hoàn toàn độc lập, vì vậy chúng tôi tự ấn định lấy cách tổ chức và làm việc. Cũng như mọi Hội đồng khác, trước hết phải bầu Chủ tịch và Thư ký. Nhà văn Thu-Giang Nguyễn Duy-Cần đắc cử Chủ-tịch và tôi Thư ký. Cũng xin minh xác ngay với anh: sở dĩ các vị trong Hội đồng chọn tôi không phải vì tôi có một khả năng gì đặc biệt mà chỉ vì tôi ít tuổi nhất. Mỗi phiên họp

đều phải làm biên bản và đó là nhiệm vụ của Thư ký.

Bộ môn Biên khảo chia làm 3 thể loại:

1 — Biên khảo về các vấn đề Văn-hóa, Xã hội, Phê-bình, Lý-luận Văn-học, Triết-học.

2 — Biên khảo về Việt-sử.

3 — Tham-luận về tư tưởng chính trị Đông, Tây hiện đại.

Do đó Hội-đồng đã đề cử 3 thuyết trình viên cho 3 thể loại nói trên.

— Anh có thể cho biết cả những vị thuyết trình viên được không?

— Sao lại không? Chấm Giải thưởng Văn học Nghệ thuật toàn quốc, là một việc làm quang minh chính đại, mọi chi tiết đều nên công bố, chớ có gì bí ẩn đâu mà phải giấu. Thuyết-trình-viên thể loại thứ nhất là giáo sư Bùi Xuân Bào, thể loại ba là giáo sư Vũ-quốc Thông, còn tôi là thuyết trình viên về Việt sử.

◆ Tiểu sử ô. Đỗ Trọng Huề xin xem trên BK số 400 tháng 12-73, trang 51.

— Có bao nhiêu tác phẩm biên khảo dự thi ?

— Tất cả có 50 tác phẩm, chia ra 31 tác phẩm biên khảo về Văn học, Tiết học, 17 về Việt sử và 2 về Chính trị.

— Như vậy mỗi Giám khảo phải đọc bao nhiêu cuốn ?

— Mỗi người phải đọc đủ 50 cuốn : một công việc vô cùng mệt nhọc và nhức đầu. Riêng về phần tôi, trong thời gian chấm giải, có việc phải đi Huế một tuần, tôi đã phải ôm theo 5 tác phẩm mỏng nhất để đọc trong những đêm dài không ngủ, vừa đọc vừa ghi chú những ưu khuyết điểm.

— Chắc là Hội đồng lựa chọn người trúng giải bằng cách bỏ thăm kín ?

— Vâng. Sau khi nghe thuyết trình viên của mỗi thể loại, chúng tôi thảo luận về giá trị của từng tác phẩm rồi theo nguyên tắc thì bỏ thăm kín để lựa người trúng giải. Nhưng riêng năm nay, sau khi thảo luận mọi người đã hoàn toàn đồng ý với nhau nên không cần phải biểu quyết nữa.

— Anh là thuyết-trình-viên về thể loại Việt-sử, tất biết rõ hơn ai hết giá trị của tác phẩm trúng giải. Xin anh cho biết nhận xét của anh.

— Năm nay, về Việt-sử không có giải nhất. Giải khuyến khích được trao cho bộ « Việt Nam Quốc sử toàn biên » của Sơn-Quang Trần-đình-Chi. Đó là một tác phẩm đồ sộ gồm 6 cuốn với tổng số 2.227 trang đánh máy, chép từ Kinh-Dương-Vương

cho tới Hiệp-định Genève 1954. Chưa nói đến nội dung, chỉ riêng việc gõ viết tay rồi đánh máy lại gần 3 ngàn trang trong lúc ai nấy tối tăm mặt mũi lo cơm áo hàng ngày — chỉ riêng việc đó cũng đáng cảm phục rồi. Nhưng tất nhiên không phải vì lý do đó mà « Việt Nam quốc sử toàn biên » trúng giải. Tác phẩm trúng giải vì có nội dung phong phú, tài liệu dồi dào, về cổ sử cũng như về cận-đại sử và hiện-đại sử. Có những kiến giải rất đặc sắc. Tôi xin kể một thí dụ mà nhà văn Giản Chi đã khen ngợi không tiếc lời. Đọc cổ sử Việt Nam, chúng ta ai cũng thắc mắc tự hỏi làm thế nào mà An-Dương-Vương Thục-Phán có thể di chuyển từ Tứ Xuyên tới tận Bắc Việt để chiếm nước Văn-Lang của Hùng Vương thứ 18. Chính Nguyễn văn Siêu, tác giả Phương Đình địa-dư-chí đã phải kêu lên :

« Như hà Giao-chỉ địa,

Khúc hữu Thục-Vương thành ? »

nghĩa là tại sao ở đất Giao-chỉ mà lại có thành của vua Thục ? Ông Trần-đình-Chi vẽ lại cuộc suy vong của các tiểu quốc trên đất Tàu về cuối đời Chiến-quốc. Thì ra khi nhà Tần diệt nước Thục, con cháu vua Thục chạy sang nước Sở, vua nước Sở cho ra ở đất Điền-trì. Một trong những người con cháu bất khuất đó là Thục-Chế lập ra nước Nam-Cương, tiếp giáp với nước Văn-Lang và gồm những miền rừng núi ở Thái-Nguyên, Cao-Bằng, Quảng-Tây, Thái-Ninh. Con Thục-Chế là Thục-Phán xuất phát từ đó để chinh phục nước Văn-Lang.

Lại có những lập luận rất vững chắc, như lập luận về Hùng-Vương. Cho tới nay vẫn còn có người cho rằng họ Hồng-Bàng chỉ là một triều đại thần thoại, hoang đường. Ông Trần-dĩnh-Chi, ngược lại, xác quyết đó là một triều đại có thực trong lịch sử. Tại sao? Bởi vì di tích Loa thành còn đó cùng với cuộc khai quật hàng vạn mũi tên đồng của An-Dương-Vương ở dưới chân thành Cồ-loa vào năm 1959 chứng tỏ An-Dương-Vương là có thật. An-Dương-Vương đã có thật thì đối thủ của An-Dương-Vương là Hùng-Duệ-Vương cũng phải có thật. Chẳng lẽ An-Dương-Vương đánh thành cướp đất của một kẻ thù tưởng tượng hay sao? Nếu Hùng-Duệ-Vương là nhân vật tưởng tượng, hoang đường, thì làm gì có đất nước cho An-Dương-Vương xâm chiếm?

— Một tác phẩm đồ sộ và đặc sắc như thế tại sao không được giải nhất mà chỉ được giải khuyến khích?

— Thắc mắc của anh rất chính đáng. «Việt-Nam quốc sử toàn biên» chỉ được giải khuyến khích vì có những khuyết điểm quan trọng. Đánh rằng một tác phẩm với kích thước như vậy tất nhiên không thể tránh được sơ sót và chúng ta chẳng nên cầu toàn trách bị, nhưng Việt-Nam quốc sử toàn biên lại vi phạm những nguyên-tắc căn bản của phương pháp biên khảo. Tôi là người đầu tiên lấy làm tiếc rằng VNQSTB không được giải nhất nhưng tôi cũng là người đầu tiên công nhận Hội đồng chấm giải đã quyết định công bằng và hợp lý.

— Xin anh cho một bài thí dụ về những khuyết điểm đó.

— Khuyết điểm lớn nhất là không có bảng kê tài liệu tham khảo, mà cũng không ghi rõ xuất xứ của các sử liệu. Ngay đoạn nói về nước Nam-Cương của Thục-Chế, đọc xong không ai biết tác giả đã căn cứ trên sách nào. Có những hình ảnh chụp lại nhưng không hiểu là lấy ở đâu. Khuyết điểm lớn thứ hai: không có bảng mục lục, dù là mục lục chung cho toàn bộ sách hay mục lục riêng cho từng cuốn, khiến cho việc kiểm điểm, kê cứu rất khó khăn và mất thì giờ. Khuyết điểm lớn thứ ba: không có bố cục rõ ràng. Người đọc có cảm tưởng là sau khi thu thập tài liệu, tác giả cứ lần lượt theo thứ tự niên đại mà tùy hứng viết ra chớ không xếp đặt trước. Vì vậy không thể biết được tác phẩm gồm có bao nhiêu chương bao nhiêu tiết mục. Nếu căn cứ trên cách trình bày (khổ chữ, xuống hàng, qua trang sau) thì cuốn I, chép từ Kinh Dương Vương đến hết đời Lý, chia làm 10 đoạn:

1 — Nguồn gốc dân tộc Việt Nam, Họ Hồng Bàng và nhà Thục: từ trang 1 đến trang 43.

2 — Nhà Triệu, Bắc thuộc lần thứ nhất: từ trang 44 đến trang 59.

3 — Trưng Vương khởi nghĩa: từ trang 60 đến trang 66.

4 — Giao-Châu trước nạn Lâm-Áp: từ trang 67 đến trang 80.

5 — Những vụ biến loạn và khởi nghĩa ở Giao-Châu dưới đời Lục-triều: từ trang 81 đến trang 91.

6 — Bắc thuộc Tùy-Đường : từ trang 92 đến trang 146.

7 — Tên thụy : từ trang 147 đến trang 153.

8 — Nhà Ngô : từ trang 154 đến trang 158.

9 — Nhà Đinh, nhà Tiền-Lê : từ trang 159 đến trang 181.

10 — Nhà Lý : từ trang 182 đến trang 241 (hết cuốn I).

Chúng ta thấy thật là thiếu cân đối mà cũng thật lộn xộn. Kỳ dị nhất là ở giữa thời Bắc thuộc Tùy-Đường và nhà Ngô tác giả lại cho xen vào một đoạn giải thích ý nghĩa của tên thụy các vua chúa dài tới 7 trang, hơn cả đoạn dành cho nhà Ngô chỉ có 5 trang !

— Trong hơn 2000 trang của VN QSTB, chỗ nào hoặc những chỗ nào đã làm cho anh thích thú nhất ?

— Nhiều lắm anh. Kề hết ra, sợ anh phải chạy tiền mua thêm giấy chợ đen cho Bách-Khoa thì tội nghiệp chị ở nhà. Vì vậy tôi chỉ xin kể ba cái thích thú bất ngờ. Cái thú bất ngờ thứ nhất là được đọc một bản thảo thực sự giá trị của một tác giả chưa ai biết tới : mình có cảm tưởng như đã khám phá ra một nhân tài. Cái thú bất ngờ thứ hai là gặp một người chưa từng quen mặt mà lại đồng quan điểm với mình về một vấn đề then chốt của lịch sử dân tộc : vấn đề triều-đại Hùng Vương có thực hay không có thực. Cái thú bất ngờ thứ ba là chính con người đồng quan điểm với tôi đó lại nêu ra một nghi vấn quan trọng đối với tác phẩm

ưng ý nhất của thân phụ tôi và tôi là cuốn *Việt-Nam ca-trù biên-khảo*. *Việt-Nam ca-trù biên-khảo* có trích dẫn bài «Ngọa-long-cương ngâm» của Đào-Duy-Từ. Trong VNQSTB, ông Trần đình Chi sau khi trình bày sự hoài nghi đối với bài mà tôi trích dẫn nói trên, lại nêu ra một bài «Ngọa-long-cương ngâm» khác hẳn.

— Theo ý anh, bài nào đích thực là nguyên-tác của Đào-Duy-Từ ?

— Cổ nhiên khi viết cuốn *Việt-Nam ca-trù biên-khảo*, chúng tôi phải dựa trên những tài liệu khả tín. Nhưng tác giả V. N. Q. S. T. B viết : «Chúng tôi đọc xong hết sức ngạc nhiên. Bởi vì chúng tôi là người Bình-định, đồng hương với Đào-duy-Từ... Bài «Ngọa-long-cương ngâm» lưu truyền ở Bình-định gồm 136 câu, nguyên-tác bằng chữ nôm, sao lục như sau...» Như vậy tài-liệu của ông Trần-đình-Chi cũng lại rất khả tín. Tôi sẵn sàng tin rằng bản của VNQSTB có lẽ đúng hơn vì đó là bản lưu truyền tại quê hương của Đào-Duy-Từ, mà từ thời Đào-Duy-Từ tới nay mới có hơn 300 năm, những điều còn lưu truyền chưa tam sao thất bản đến nỗi sai hẳn sự thật. Tuy nhiên tôi chỉ có thể xác quyết nếu có dịp gặp ông Trần-đình-Chi đề khảo chứng một cách tường tận.

— Ngoài bộ VNQSTB, trong những tác phẩm dự thi thề loại biên-khảo Việt sử còn có tác phẩm nào khác đáng gọi là đặc sắc không ?

— Đáng lẽ tôi không nên đề cập tới những tác phẩm không trúng giải

vì làm như vậy e tổn thương uy tín của tác giả. Nhưng đây là một trường hợp đặc biệt : nói ra không những không tổn thương uy tín của tác giả mà còn có thể giúp cho Ủy ban tổ chức giải thưởng bỏ khuyết điều lệ dự thi. Trong số 17 tác phẩm biên khảo về Việt-sử, ngoài VNQSTB của Trần-đĩnh-Chi, còn một tác phẩm khác cũng rất giá trị : đó là cuốn *«Thoại-Ngọc-Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu-Giang»* của Nguyễn văn Hầu, do nhà Hương-Sen xuất bản. Sách viết có phương pháp, khoa học. Đáng khâm phục nhất là công trình sưu tầm tài liệu. Anh nghĩ coi, tác phẩm dày có 428 trang khổ nhỏ mà tác giả phải bỏ ra 20 năm mới hoàn thành. Chỉ tiếc là bức chân-dung Thoại-Ngọc-Hầu hơi khô khan, không được linh động như bức chân dung «Thầy giáo họ Khổng» của ông Nguyễn Hiến-Lê, mặc dầu «Thầy giáo họ Khổng» sống cách đây trên 2.000 năm trong khi Thoại-Ngọc-Hầu mất chưa tròn 150 năm.

— Có thể so sánh giá trị của *«Việt Nam quốc sử toàn biên»* với giá trị của *«Thoại-Ngọc-Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu-Giang»* không ?

— Cũng có thể, nếu anh muốn. Một bên như khối ngọc lớn mới lấy từ đá núi ra, một bên như viên kim cương nhỏ đã từ công phu mài dũa, chau chuốt.

— Thế thì tại sao viên kim cương nhỏ lại không được giải, ít ra cũng giải khuyến khích như khối ngọc lớn ?

— Tại vì, nói theo kiểu khoa cử

thời xưa, tác giả của viên kim cương đã phạm trường quy ! Số là theo một quy tắc bất thành văn áp dụng từ những năm trước, một nhà văn không thể được trao giải hai lần về cùng một bộ môn, hay ít nữa là cùng một thể loại. Và ông Nguyễn văn Hầu đã một lần trúng giải biên khảo về Việt-sử rồi.

Quy tắc không tặng giải hai lần cho cùng một tác giả tự nó có lý do vững chắc và chính đáng. Các giải thưởng văn học trên thế giới đều áp dụng như thế. Nhưng ở xứ người quy tắc này không gây trở ngại, còn ở nước ta vì nó bất thành văn nghĩa là không được công bố trên giấy trắng mực đen trong khi các nhà văn lại phải làm đơn xin dự giải kèm theo tác phẩm, cho nên mới xảy ra trường hợp Nguyễn-văn-Hầu, làm uổng phí công lao và thi giờ của cả người dự thi lẫn người chấm. Theo tôi, Ủy ban tổ chức giải thưởng từ năm tới nên công bố minh-thị quy tắc này như một điều-lệ dự thi.

— Tóm lại năm nay anh đã hài lòng với công tác chấm giải và ít nhất cũng đã gặp hai tác phẩm ưng ý ?

— Những chữ « hài lòng » và « ưng ý » anh dùng không diễn tả đúng cảm tưởng của tôi. Như tôi đã thưa với anh, đọc kỹ lưỡng 50 tác phẩm trong một thời gian gấp rút thật là một công việc mệt nhọc và nhức đầu. Nhưng khi đọc đến *«Việt Nam quốc sử toàn biên»* và *«Thoại ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu-Giang»* tôi không còn thấy mệt nhọc mà cũng khỏi luôn nhức đầu. Thực vậy, giữa

lúc người giàu chỉ mãi miết chạy cho con xuất ngoại du học để trốn quân dịch, tính toán giá vàng với giá đô-la, người nghèo chỉ mãi miết lo chạy gạo, lo trừ xăng hoặc dầu hôi, giữa lúc đó mà còn có những người như Trần-đình-Chi ngồi cặm cụi viết lại lịch sử dân tộc từ trang đầu tới trang cuối, mò mẫm con đường di chuyển của cha con Thục-Phán, tìm đến những chứng cứ về các vua Hùng; còn có những người như Nguyễn-văn-Hầu quên cả sinh mạng, lặn lội tới những vùng mất an ninh để tìm cho được một bản gia-phả, một đạo sắc phong, không dò hỏi ngày giờ tiễn chức, tăng lương mà chỉ dò hỏi những dòng chữ phai mờ trên vài ba tấm bia đồ nát — trước cảnh tượng ấy dầu sắt đá cũng phải cảm động. Cảm động và phấn khởi. Còn những người như Trần-đình-Chi và Nguyễn văn Hầu thì đất nước này còn tồn tại. Còn những tác phẩm như *Việt Nam quốc sử toàn biên* và *Thoại-Ngọc-Hầu* thì văn hóa Việt Nam còn có cơ phát triển. Tôi chưa bao giờ mất tin tưởng ở tương lai dân tộc, ngay cả trong những giờ phút đen tối nhất. Hai ông Trần-đình-Chi và Nguyễn-văn-Hầu đã làm cho lòng tin của tôi vững bền thêm.

— Anh nghĩ thế nào về khoản hiện kim của giải thưởng?

— Giải nhất được tặng 400.000đ, giải khuyến khích 100.000đ. Không thể nào khẳng định được rằng những khoản tiền thưởng đó lớn quá, nhỏ quá hay là vừa đủ. Lớn, nhỏ hay vừa đủ là tùy thuộc túi tiền của

người lãnh giải. Tuy nhiên có một điều có thể khẳng định ngay mà không sợ sai lầm: đối với nhà văn, tiền bạc không quan trọng bằng sự an hành tác phẩm của mình. Không một nhà văn nào chịu ôm tiền khư khư để cho tác phẩm của mình vĩnh viễn chỉ là bản thảo. Cách đây hai ba năm khoản tiền thưởng nói trên có thể đủ in tác phẩm. Nhưng năm nay, với 100.000đ của Giải Khuyến khích, liệu ông Trần-đình-Chi có in nổi cái bìa offset ba màu cho bộ VNQSTB không? Hơn 2000 trang trong ruột với hình ảnh, bản đồ và chữ Hán, muốn in 3000 cuốn phải có 2.000.000đ. Nhà văn nào có được số tiền ấy? Và nhà xuất bản nào chịu bỏ ra số vốn lớn lao ấy khi mà dân chúng thuê sách nhiều hơn mua, và sách biên khảo lại chẳng có ma nào thuê vì đó là thứ sách khó đọc, không hấp dẫn như tiểu thuyết. Tương lai gần như chắc chắn của VNQSTB là nằm chờ làm đồ ăn cho mối.

Cho nên ít ra là đối với bộ môn Biên khảo, Ủy ban tổ chức giải thưởng nên tìm cách ấn hành tác phẩm trúng giải thay vì trao tặng hiện kim. Đánh là tốn kém nhưng chính vì tốn kém, tư nhân không làm nổi, nên chính quyền mới phải can thiệp. Chính quyền trả tác quyền cho tác-giả theo giá biểu mà Trung-tâm Học-liệu dành cho sách Đại-học nghĩa là 30% trên giá bán, in xong, một phần dùng để trao đổi văn hóa với quốc tế, một phần tặng cho Thư viện các trường Đại học, Trung học, Thư viện của các sứ quán Việt Nam tại

ngoại quốc, phần cuối cùng đem bán với giá rẻ để cho sinh viên, học sinh trong nước cũng như ngoài nước, và đám dân nghèo hiếu học có cơ hội được đọc những tác phẩm mà giá trị đã được Tổng-Thống tuyên dương. Như thế không phải là đầu tư cho văn hóa sao? Như thế không phải là dân vận sao? Nói là tốn kém chứ thực ra về phương diện tài chính, chính quyền có thể thực hiện dễ dàng. Chúng ta thử làm một bài toán nhỏ. Một năm có ba giải về ba thể loại biên khảo. Cho rằng có đủ ba tác phẩm trúng giải nhất và tác phẩm nào cũng đồ sộ như VNQSTB, tiền ấn loát cũng không vượt quá 6.500.000đ. Một dân biểu hay nghị-sĩ xuất ngoại công du, mỗi ngày ngân sách phải đài thọ 45 Mỹ-kim về phụ cấp vãng phản; trung bình mỗi chuyến công du lâu 15 ngày vị chi là 675 Mỹ-kim, cộng với tiền vé máy bay khứ hồi trung bình 500 Mỹ-kim. 1175 Mỹ-kim nhân với hồi xuất 560đ thành ra 658.000đ. Vậy chỉ cần Quốc Hội bớt đi mỗi năm hai phái đoàn xuất ngoại là quá đủ. Mà có lẽ Quốc Hội cũng chẳng phải bớt. Tôi nghĩ rằng nếu Ủy ban tổ chức Giải thưởng có lời kêu gọi, các dân biểu nghị sĩ trong các Ủy ban Văn hóa, Giáo dục ở lưỡng viện Quốc Hội sẽ nhiệt liệt hưởng ứng bằng cách mỗi vị tình nguyện từ bỏ một chuyến xuất ngoại quan sát hay nghiên cứu. Còn gì hào hứng bằng được đóng góp hữu hiệu vào công cuộc phát huy văn hóa, nâng cao dân trí mà không phải bỏ tiền túi, không phải vượt biển trèo non dù là vượt biển trèo non bằng máy bay phản lực.

Ấy là chưa nói tới Ủy ban Dịch thuật của Khôi Văn hóa thuộc Bộ Văn-hóa Giáo-dục và Thanh-niên. Sao không giao cho Ủy-ban này cái nhiệm vụ dịch những tác phẩm trúng giải ra Anh-văn, Pháp-văn để có tài liệu trao đổi với các cơ quan văn hóa quốc tế để Tổng Thống, Thủ tướng, Chủ tịch Thượng viện, Hạ viện, các Tổng Bộ trưởng, các Đại sứ của ta có những món quà thực sự ý nghĩa trao tặng quan khách ngoại quốc, thay vì cứ tặng những huy hiệu, những ảnh chụp chân dung và những kỷ vật mà lấy kính hiên vi soi cả năm cũng không thấy một chứng-tích tinh hoa nào của một quốc gia tự hào có 4000 năm văn hiến.

— Đó là bên Văn học. Còn bên Nghệ thuật? Anh nghĩ gì về khoản hiện kim của các giải Hội-họa, Điêu khắc chẳng hạn?

— Bộ môn Hội họa chia làm 3 thể loại, bộ môn Điêu khắc chỉ có một thể loại duy nhất, mỗi thể loại được tặng 600.000đ, giải khuyến khích 150.000đ. Mặc dầu họa-sĩ, điêu-khắc-gia không phải lo ấn hành tác phẩm như nhà văn, nhưng tiền bạc đối với họ cũng vẫn là thứ yếu. Họ có một nhu cầu khác, ưu tiên hơn. Đó là nhu cầu trau dồi nghề nghiệp. Nghệ sĩ cũng như nhà văn ở nước ta mắc một căn bệnh truyền kiếp là bệnh nghèo, mà tiền vào nhà khó như gió vào nhà trống. Cho nên tôi nghĩ rằng giải thưởng nên thay khoản hiện kim bằng những chuyến du hành khảo sát tới những xứ được coi là quê hương hoặc trung tâm của

nghệ thuật. Thí dụ người trúng giải điêu khắc thì cho đi Hi-Lạp, đi Ý; người trúng giải tranh sơn dầu thì đi Pháp, đi Anh; người trúng giải tranh lụa thì cho đi Đài-Loan, đi Nhật; người trúng giải âm nhạc thì cho đi Đức, đi Mỹ, để họ được mắt thấy tai nghe những tác phẩm danh tiếng cổ kim, được học hỏi những bậc thầy mới, tiếp xúc với những trào lưu mới. Tới nước người, nghệ sĩ trúng giải còn có thể tổ chức triển lãm, trình diễn hay diễn thuyết với sự giúp đỡ của tòa Đại sứ Việt-Nam. Như thế vừa ích lợi lâu dài cho bản thân người nghệ sĩ vừa ích lợi trực tiếp cho quốc gia bởi vì không có sứ-bộ nào, không có sự tuyên truyền quốc-ngoại nào có thể gây được cảm tình sâu đậm và rộng rãi bằng những sứ-bộ văn nghệ. Nhân dân các nước hàng năm được đọc bản dịch những tác phẩm văn học trúng giải, thưởng ngoạn những tác phẩm nghệ thuật giá trị của ta, có dịp gặp gỡ những nghệ sĩ lỗi lạc của ta, làm sao còn có thể tin những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của đối phương, làm sao còn dám nghĩ rằng đất nước chúng ta chỉ có chỗ cho thù hận, bất công và tham nhũng?

— Giải pháp của anh có tổn kém quá không?

— 600.000đ của giải nhất đủ cho nghệ sĩ trúng giải sống 20 ngày ở bất quốc gia nào. Chỉ còn vé máy bay. Thì đã có công ty quốc doanh Hàng-không Việt-Nam đó. Mỗi năm tặng không 10 vé xuất ngoại khứ hồi: chắc chắn Hàng-không Việt-Nam sẽ

không vì thế mà phá sản. Lại còn Tùy viên văn hóa các nước bạn ở đây, nhất là các nước mà tôi vừa kể tên. Chẳng lẽ họ không giúp đỡ gì được sao? Một nghệ sĩ được Tổng Thống nước tôi tặng thưởng muốn sang thăm viếng nước anh để học hỏi thêm, điều đó cũng là một vinh dự cho nước anh chứ. Tất cả là vấn đề vận động.

— Anh đã nhiều lần thăm Giải thưởng văn học Nghệ thuật toàn quốc, theo ý anh, giải thưởng này có những khuyết điểm nào, và nếu có thì nên sửa đổi thế nào?

— Theo thiện ý thì có 2 khuyết điểm chính. Thứ nhất là điều khoản buộc nhà văn phải ký đơn xin dự giải gửi tới Ủy ban tổ chức kèm theo tác phẩm. Tại sao lại có điều khoản này? Chỉ có một câu trả lời: Ủy-ban tổ chức ngại rằng người trúng giải có thể không nhận và như vậy sẽ phung phí tới uy tín của Giải thưởng, phung phí tới cả uy tín của Tổng Thống là người sáng lập Giải thưởng. Nghĩ thế có lẽ không hợp lý. Tâm lý chung của nhà văn là tự ái, không muốn phải ký tên xin thi. Ở nơi người khác, lòng tự ái ấy đáng trách; ở các nhà văn Việt-Nam lòng tự ái ấy thật dễ thương mà cũng thật đáng thương. Bởi vì các nhà văn Việt Nam còn có gì đâu ngoài lòng tự ái? Mục đích thứ nhất của Giải thưởng ghi trong bản Thề-lệ được công bố chính thức là: "Vận động một phong trào sáng tác để phát triển văn hóa". Muốn vận động giới cầm

bút mà không chịu hiểu tâm lý của họ thì thành công sao được? Mục đích thứ hai của Giải thưởng là « khám phá những tài năng lỗi lạc ». Muốn khám phá thì tự mình phải đi tìm các tài năng hơn là ngồi chờ các tài năng đến xin được khám phá.

Bây giờ giả tí có người trúng giải rồi không chịu lãnh thưởng. Chỉ có hai động cơ có thể dẫn tới thái độ ấy : một là vì muốn tự quảng cáo, hai là vì quan niệm chính trị khác biệt. Cả hai đều chẳng ăn nhằm gì tới văn học, nghệ thuật. Cho nên sự kiện người trúng giải từ chối không lãnh giải chẳng hề làm giảm uy tín của Giải thưởng, càng không làm giảm uy tín của người sáng lập.

Chính cái điều khoản buộc nhà văn phải ký tên xin thi đã gạt ra ngoài Giải thưởng nhiều tác phẩm lớn, nhiều « tài năng lỗi lạc ». Và nếu chỉ nhìn vào kết quả giải thưởng hàng năm, người ta sẽ có một ấn tượng rất sai lầm về sinh hoạt văn nghệ Việt Nam. Bởi vì tác phẩm được tuyên dương thực ra không phải là tác phẩm xuất sắc nhất trong toàn quốc, mà chỉ là tác phẩm xuất sắc nhất trong số những tác phẩm dự thi. Bên cạnh tác phẩm ấy, rất có thể còn có nhiều tác phẩm khác xuất sắc hơn nhưng không dự thi.

Khuyết điểm thứ hai là thời hạn chấm năm nào cũng quá gấp rút. Điều này làm thiệt thời cho các tác phẩm dự thi. Tại sao không sửa soạn ngay từ đầu năm. Đầu năm 1975 chẳng hạn, công bố thể lệ giải thưởng

dành cho các tác phẩm của năm 1974 đồng thời với danh sách những nhân vật được mời tham dự Hội đồng chấm giải. Đối với những tác phẩm chưa xuất bản, tác giả phải gửi bản thảo tới Ủy-ban tổ chức. Đối với những tác phẩm đã xuất bản, Ủy-ban tổ chức chỉ cần mượn ở Văn-khố: tác giả không phải xin dự thi mà cũng không phải gửi tác phẩm. Ủy-ban tổ chức có 6 tháng để thu thập và phân loại các tác phẩm, sau đó chuyển ngay cho Hội đồng chấm giải để Hội đồng này cũng có 6 tháng làm việc trước khi tuyên bố kết quả.

— Anh chỉ nói về giải Văn-học. Chẳng lẽ anh là giáo sư *Thâm-mỹ-học* trường Cao-đẳng Mỹ-thuật, lại là Chủ tịch Ủy ban Nghệ Thuật của Hội đồng Văn hóa Giáo dục mà không có ý kiến gì đối với giải Nghệ thuật?

— Đối với Giải Nghệ thuật, tôi thấy có 3 điểm nên xét lại. Trước hết là vấn đề bộ-môn. Có lẽ chỉ riêng nước ta mới có cái hiện tượng xếp nhiếp-ảnh ngồi chung với hội họa và điêu khắc. Tuy cùng là nghệ thuật tạo hình (*art plastique*) nhưng ở tất cả các nước văn minh, nhiếp ảnh chỉ được coi là một nghệ thuật hạ đẳng (*art mineur*) trong khi hội họa và điêu khắc là những nghệ thuật lớn (*grand art*), vì trong nhiếp ảnh vai trò của tinh thần sáng tạo quá nhỏ so với vai trò của kỹ thuật. Tôi nghĩ là nên tổ chức một giải thưởng riêng cho nhiếp ảnh. Giải pháp này cũng tránh cho quần chúng thưởng ngoạn cái cảm giác hết sức ngớ

ngang khi lạc vào một phòng triển lãm hoàn toàn không có tính cách thương mại mà gồm « hăm bà làng » cả họa phẩm, điêu khắc phẩm, lẫn ảnh màu và ảnh đen trắng như phòng triển lãm kết quả Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Toàn quốc tại Thư viện Quốc gia. Thứ hai là vấn đề thể-loại trong bộ môn hội họa. Thể-loại thứ nhất mệnh danh là tranh màu, bao gồm sơn dầu, mộc bản, phấn tiên, thủy mặc, thủy thái họa, bột màu, than đen. Xếp loại theo kiểu này thì luôn luôn chỉ có tranh sơn dầu trúng giải. Bởi vì mộc bản hay than đen làm sao cạnh tranh nổi với sơn dầu? Muốn biết những ý kiến chuyên môn hơn và cũng xác đáng hơn, tôi đề nghị anh hỏi chính các họa sĩ, nhất là các họa sĩ đã từng tham dự Hội-đồng chấm giải. Thứ ba là thứ tự của việc chấm tác phẩm so với việc triển lãm. Từ trước tới nay chúng ta chấm trước, triển lãm tác phẩm trúng giải sau. Tôi cho rằng nên triển lãm tất cả các tác phẩm dự thi trong lúc Hội đồng chấm giải làm việc. Làm như vậy, Hội đồng chấm giải có lẽ bớt cô đơn, bớt âm thầm, và quyết định của Hội đồng, khi tuyên bố kết quả, sẽ có tác dụng hướng dẫn năng khiếu thẩm mỹ của quần chúng thường ngoạn nghĩa là có tác dụng giáo dục. Ấy là chưa kể tới việc trị giá của tác phẩm trúng giải có thể gia tăng do sự đánh giá của mấy chú Ba trong Chợ-lớn!

— Bây giờ tới câu hỏi sau chót của tôi, một câu hỏi có lẽ hơi tò mò nhưng

rất quan trọng. Tôi muốn tự anh nói ra, không đợi tôi hỏi, nhưng chờ mãi không thấy anh đề cập gì tới nên đành phải hỏi vậy. Hiện nay một số anh em cầm bút xôn xao vì nghe tin có người đã lấy một tác phẩm ngoài Bắc đề dự giải Biên-khảo.

Xin anh cho biết : chuyện ấy có thật hay không ?

— Câu hỏi của anh tôi đồng ý là quan trọng nhưng không phải là tò mò. Chuyện này mọi người cầm bút ở miền Nam đều có quyền biết và phải biết. Anh có ý chờ đợi tôi tự nói ra trước thì chính tôi cũng có ý chờ đợi Ủy ban tổ chức Giải thưởng công bố trước. Anh chờ mãi không thấy tôi nói ra nên đành phải hỏi. Tôi chờ mãi không thấy Ủy ban tổ chức công bố, mà anh đã hỏi thì tôi phải nói thật. Đúng như tin anh đã nghe : năm nay quả có một người đã lấy một tác phẩm ngoài Bắc đề dự giải Biên khảo.

— Tác phẩm ấy đã xuất bản chưa? Nội dung thế nào? Và được trích ra đem dự thi hay là lấy nguyên vẹn?

— Đó là một tác phẩm tập-thể đã xuất bản ở Hà-nội, sưu tuyển một số thơ văn yêu nước, chống Pháp, viết bằng chữ Hán của giới sĩ-phu V.N sống trong khoảng từ hậu bán thế kỷ XIX tới đầu thế kỷ XX, mỗi bài được phiên âm, chú giải và dịch ra quốc ngữ kèm theo tiểu sử sơ lược của tác giả. Người dự thi đem đánh máy lại, bỏ hết tên dịch giả và đổi luôn tên tác phẩm. Tất cả

công phu «biên khảo» của người ấy chỉ có bấy nhiêu. Chúng tôi đã so sánh bản in ngoài Bắc với bản đánh máy dự thi : không sai một chữ !

— Các vị trong Hội đồng chấm giải đã có thái độ gì khi khám ra vụ này ?

— Anh thử tưởng tượng nếu chúng tôi không biết và nếu tác phẩm lại được chọn đề tuyên dương, Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa trao giải rồi đài phát thanh Hà-nội lên tiếng v.v... thì còn gì là thề thốt và uy tín của miền Nam này nữa ! Trong mọi cuộc thi cử đều có những biện pháp đề phòng gian lận, chỉ riêng các cuộc thi Văn chương là không có, vì người ta tin tưởng tuyệt đối vào tinh thần chính trực của nhà văn. Cho nên khi khám phá ra vụ gian lận, chúng tôi đã ngẩn cả người, cứ như từ cung trăng rớt xuống. Rồi người thì lắc đầu ngao ngán, kẻ thì giận dữ đập bàn... Chắc anh cũng đồng ý với tôi, trường hợp này phải gọi là «invraisemblable mais vrai» Không thể nghĩ là có thật nhưng mà lại có thật !

Thực ra, về phương diện biên khảo, tác phẩm nói trên cũng có nhiều sai lầm, thiếu sót mà Giáo sư Nghiêm Thâm đã chứng minh cho Hội đồng rõ với đầy đủ bằng cứ. Nhất là về tiêu sử, năm đổ và bằng cấp của các nhà văn thì tôi biết rất rõ, nhờ nghiên cứu vấn đề này từ nhiều năm nay.

— Có cách nào phòng ngừa những vụ gian lận tương tự tái diễn trong năm tới !

— Anh bi quan quá. Nếu phải nghĩ cách phòng ngừa gian lận tái diễn thì còn gì là lương tâm người cầm bút nữa ! Tôi hi vọng đây là vụ đầu tiên mà cũng là vụ sau chót. Tuy nhiên sự việc xảy ra đã làm nổi bật một khuyết điểm của chúng ta. Tại sao chính quyền hay nói cho rõ hơn, tại sao Bộ Văn-hóa Giáo-dục không thiết lập một Thư viện đặc biệt gồm đầy đủ sách báo ngoài Bắc dành riêng cho các học giả, các nhà văn, nhà giáo tham cứu khi cần. Chiến tranh Quốc-Cộng đang chuyển dần sang bình diện văn hóa, mà đã là chiến tranh thì dù quân sự, chính trị hay văn hóa, câu châm ngôn của Tôn-Tử muôn đời vẫn đúng : «Biết mình, biết người trăm đánh trăm thắng.»

Nếu không làm như vậy, tình trạng của Hội đồng chấm giải Biên khảo như năm nay đã trở nên rất khó xử. Hội đồng có công hay có tội ? Khám phá gian lận, bảo vệ uy tín của Giải thưởng, của giới Văn hóa cũng như của Chính quyền miền Nam : Hội đồng có công, phải không anh ? Nhưng nhờ đâu mà lập được công ? Nhờ đọc một cuốn sách lưu hành bất hợp pháp. Và như vậy làm sao chối cãi được tội ? Tôi suy nghĩ mãi mà không trả lời được câu hỏi quái ác mà lương tâm tôi đặt ra : «Đối với quốc gia, chúng tôi là những người có công hay có tội ? » Rốt cuộc tôi đành ngậm ngùi than thở như Thúy Kiều khi được Hồ-Tôn-Hiến ngợi khen sau cái chết tức tưởi của Từ-Hải :

«Xét mình công ít tội nhiều.»

BÁCH KHOA ghi lại

* *Hiệu bán bông, ciềng, cây ăn trái*

«NGUIỄN - VĂN - TẬP»

241, Nguyễn-Trãi, Bàu-Sen, Chợ-quán — Sài-gòn 5 **

Chủ nhơn: bà **NGUIỄN-VĂN-ĐỒN**

nhũ danh **NGUIỄN-THỊ-ĐƯỢC**

- Hiệu duy nhứt ở thủ đô miền Nam cha truiền con nối, gần thể cỉ mà cũng
- Hiệu duy nhứt ở miền Nam nước Việt được cổ tổng thống Ngô-Đình-Yiêm đến thăm và hỏi han cình nghiệm trồng cây, cach sản soc bông và thuật chưng bày ciềng

(Já cả fải chằng, tiềb đón ân cần, chỉ vẽ tường tận)

xin thiết tha mong: Ja đình sum họp một nhà và Yân tộc vui vầy một nước ! ?

* Viết với chữ của Thái-bình-điên-qác

* * Cách trường mẫu jáo sơ cáp «Mi-Tiến» của Nguyễn-Thoại-Yung-Ngê-Bá-Li(102/1B cùng đường) 100 met, và xưởng rửa xe Nguyễn-Trãi của N.V.Đ. 218-222 cùng đường) 10 met

TRƯỜNG

mẫu jáo sơ cáp «Mi-Tiến»

102/1B Nguyễn-Trãi — Sài-gòn 5 — miền Nam nước Việt

Trach nhiệm: *Thoại-Nguyên* Nguyễn-Thị-Thoại-Yung

C. v. t. t: Cá-Li Nguyễn-Hữu-Ngư

Điều kiện: A Tánh RạngĐông

Lên 3, mà học fí chằng thêm leo thang theo gạo đường xăng củi... của nước nào đó: 500đ (thay vì 1.500đ) cho người lạ, và 400đ cho láng giềng

XUẤT BẢN

NGÈI XANH, VỀ NGUỒN, NÚI CÚ HÒN BÀ, KI GOB JÓ CÌ... *Yuiền* TUIỀN-NGUIÊN-LÌ-IÊN (cùng địa chỉ trên,) do Nguyễn-Hữu-Ngư sáng lập và do Nguyễn-Ngư-Í, Ngê-Bá-Li, Tân-Fong-Hiệp, Trần-Hồng-Hwngq và Bé Tuiền-Yuiền-Nguyên-Lì-Iên I-Cựt ngừn chịu trach nhiệm.

xin cính chuc fụ huinh học sanh, bạn đọc năm CQB dữ như Cọb đề bên trong ngưng hản tiếng súng jừa anh em 1 nhà nôi da xáo thịt đã qá lâu và đề xé cẻ thù truiền ciềb Bắc-fương làm 3 mảnh. *Nci* qảng cáo.

LỜI MỪNG

Được thiệp báo tin vui của :

RUTH NGUYỄN và TONY CARPIO

Cầu chúc cả hai chia chung một đời dài hạnh phúc

TRẦN QUI TUẤN, LÝ TRẦN HƯNG

* Món quà trang nhã nhất trong dịp Tết Con Cọp

CHÂN CẦU CŨ

Tập thơ của ĐỖ CHU THẮNG

ĐỒNG-DAO xuất bản

Đã phát hành khắp nơi

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Sách mới

— Đất mới tập san xã hội, văn học, nghệ thuật Bình Tuy, dày 102 trang, gồm những bài biên khảo, hồi ký, văn thơ về những danh lam thắng cảnh, những kỷ niệm ở Bình Tuy của các cây bút gốc ở địa phương này, và « Sơ luận về những nhà thơ trên 40 ». Giá mỗi số 200đ.

— Sông sương mù tập truyện của Lữ Quỳnh do Ý Thức xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập truyện thứ 2 của tác giả dày 94 trang gồm 6 truyện ngắn, in đẹp. Giá 250đ

— Thơ tình cho người lính, thơ Thi Vũ, Rừng Trúc Paris xuất bản, toàn tập in trên giấy « Dạn dày gió sương » 108 bản, trình bày rất đẹp dành để tặng bạn hữu, không bán.

— Chân cầu cũ, tập thơ Đỗ Chu Thăng do Đồng Dao xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 66 trang gồm 18 bài thơ, bìa do Hà Thúc Sinh trình bày. Bản đặc biệt.

— Bức thơ giảng sinh Tâm thức hòa bình V.N. của Thanh Quang Phạm văn Ấn tác giả « Là loài chim khóc ai ». Văn hóa Đại đảo Hồng Môn ấn hành,

và tác giả gửi tặng. Sách dày 54 trang. Bản đặc biệt.

— Lên đồi hừng bát trắng vàng tập thơ của Nguyễn Thành Xuân, do Khai Phá xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang gồm trên 30 bài thơ, in đẹp. Bản đặc biệt,

— Tiếng kêu trong sa mạc, tập thơ của : Lê Thanh Liêm, Bạch Vi, Hồng Băng, Nguyễn yên Nam, Trần Hoàng Vy, Thượng Thuật, Xuân Hữu, Trần hữu Nghiễm, do Nhập Cuộc in rônéo xuất bản và gửi tặng.

— Đầu gió tuyển tập những bài thơ thép do Văn nghệ Dân tộc xuất bản và Cục Tâm lý chiến gửi tặng. Sách dày trên 170 trang gồm 250 bài thơ của 170 nhà thơ in rất đẹp để dành tặng các chiến sĩ.

— Vườn cao nước dâng truyện thiếu nhi của Thùy An do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 174 trang, loại hoa tím, bìa Vi Vi, in đẹp, Giá 220đ

— Hán Việt Tứ Tự thành ngữ của Nguyễn Xuân Trường do Tủ sách Học xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách biên soạn công phu dày trên 280 trang, có phần « Mục lục phân tích » rất rõ ràng. Giá 900đ.

CƯỚC PHÍ GỬI BÁO ĐI NGOẠI QUỐC

Kể từ 1 - 2 - 1974

— Đường Thủy : mỗi số 30đ (tặng thêm 5đ)

— Đường Hàng không mỗi số như sau :

Gửi đi Ai-lao, Cambot : 55đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái lan v.v...) : 105đ
— Nhật bản, Đại hàn, Ấn độ, Hồi quốc : 155đ

— Âu châu, Bắc Phi
Trung Đông, Đại dương châu, Úc, Tân Tây lan v.v... 305đ
— Hoa kỳ, Gia nã đại : 380đ

— Phát hành ngày 9-02-1974 — Số lượng 3000.

Giấy phép KD số 73/74 PTUDV/KSALP/GP. ngày 3-02-1974.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt



Chị có



NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN!"

CAPSTAN điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương vị hảo hạng
CỦA

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài lòng khi hút

CAPSTAN điều dài đầu lọc